

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Nguyễn Quang Phúc

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**NGHIÊN CỨU ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH
THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY, NAM ĐỊNH**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: VIỆT NAM HỌC (VĂN HÓA DU LỊCH)

Sinh viên : Nguyễn Quang Phúc

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

HẢI PHÒNG – 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Quang Phúc **Mã SV:** 1412405020

Lớp: DL1801 **Ngành:** Quản trị dịch vụ du lịch&lữ hành

Tên đề tài: Nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia

Xuân Thủy, Nam Định.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Về lý luận, tổng hợp và phân tích những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển du lịch sinh thái.
- Về thực tiễn, tìm hiểu thực trạng du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định
- Đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy trong thời gian tới.

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Các tài liệu lý luận cơ bản về du lịch sinh thái.
- Các dữ liệu về tình hình hoạt động của khu du lịch sinh thái nói chung và Vườn Quốc Gia Xuân Thủy nói riêng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty cổ phần du lịch quốc tế Alo tour.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Nguyễn Thị Phương Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sỹ.

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 20 tháng 03 năm 2019

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 12 tháng 06 năm 2019

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Nguyễn Quang Phúc

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên: ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo
Đơn vị công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng
Họ và tên sinh viên: Nguyễn Quang Phúc Chuyên ngành: Quản trị du lịch & lữ hành
Đề tài tốt nghiệp: Nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp

- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu để phục vụ nội dung nghiên cứu.
- Có ý thức kỷ luật tốt, chăm chỉ, chịu khó học hỏi.
- Hoàn thành đề tài đúng thời hạn.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...)

- Về lý luận, tác giả đã nêu khái quát, phân tích và đưa ra các cơ sở lý luận về du lịch sinh thái.
- Về thực tiễn, tác giả đã nêu và đánh giá thực trạng và có giải pháp, một số đề xuất nhằm phát triển khu du lịch sinh thái tại Vườn Quốc gia.
- Đề tài đáp ứng yêu cầu đề ra về lý luận và thực tiễn, đạt chất lượng tốt của khóa luận tốt nghiệp đại học ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp

Được bảo vệ Không được bảo vệ Điểm hướng dẫn

Hải Phòng, ngày 12 tháng 06 năm 2019

Giảng viên hướng dẫn

ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo

LỜI CẢM ƠN

Trước tiên em xin bày tỏ lòng cảm ơn đến các quý thầy cô trong Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng, đặc biệt là các thầy cô trong khoa Du lịch đã tận tình chỉ bảo để em hoàn thành tốt bài khóa luận này. Các thầy cô trong 4 năm qua ngoài việc giảng dạy kiến thức chuyên ngành thì còn truyền đạt cho em cả những kinh nghiệm sống quý báu mà bản thân đã tích lũy được, đó là những món quà quý giá vô cùng hữu ích mà em sẽ vô cùng cần đến như một hành trang sẽ song hành với mình sau này.

Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất đến thạc sĩ Nguyễn Thị Phương Thảo, người đã trực tiếp giảng dạy, hướng dẫn, chỉ bảo nhiệt tình cho em hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Trong thời gian làm đề tài “Nghiên cứu điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định” do bản thân còn bị hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm nên trong bài có thể có những thiếu sót, em mong được các quý thầy cô góp ý để bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Cuối cùng, em xin kính chúc các quý thầy cô luôn dồi dào sức khỏe và có nhiều niềm vui để có thể gặt hái được nhiều thành công hơn nữa.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2019

Sinh viên

Phúc

Nguyễn Quang Phúc

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI.....	4
1.1. Khái niệm, đặc trưng, nguyên tắc của du lịch sinh thái.....	4
1.1.1. Khái niệm du lịch sinh thái.....	4
1.1.2. Đặc trưng, vai trò của du lịch sinh thái.....	6
1.1.3. Các nguyên tắc của hoạt động du lịch sinh thái.....	9
1.1.4. Các loại hình du lịch sinh thái.....	10
1.2. Các điều kiện để phát triển du lịch sinh thái.....	12
1.2.1. Tài nguyên du lịch sinh thái.....	12
1.2.2. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.....	13
1.2.3. Nguồn nhân lực du lịch.....	14
1.2.4. Chính sách phát triển du lịch sinh thái.....	15
1.3. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái ở một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và áp dụng kinh nghiệm này cho phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam.....	16
Tiểu kết chương 1.....	21
CHƯƠNG 2: ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY, NAM ĐỊNH.....	23
2.1. Khái quát chung về vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.....	23
2.1.1. Vị trí địa lí, diện tích.....	23
2.1.2. Địa hình và cảnh quan toàn vùng.....	23
2.1.3. Điều kiện kinh tế, xã hội.....	25
2.2. Điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.....	26
2.2.1. Tài nguyên du lịch sinh thái.....	26

2.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng.....	32
2.2.3. Nguồn nhân lực du lịch sinh thái.....	36
2.2.4. Chính sách phát triển du lịch sinh thái.....	38
2.3. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy.....	42
2.3.1. Số lượng khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch sinh thái.....	42
2.3.2. Các hoạt động du lịch sinh thái.....	45
2.3.3. Thực trạng về phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng	49
2.3.4. Thực trạng sử dụng nhân lực cho phát triển du lịch sinh thái.....	50
2.4. Đánh giá những thuận lợi khó khăn khi phát triển du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.....	52
2.4.1. Thuận lợi – tích cực.....	52
2.4.2. Khó khăn – hạn chế.....	53
Tiểu kết chương 2.....	55
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY, NAM ĐỊNH.....	56
3.1. Định hướng phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy.....	56
3.2. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.....	57
3.2.1. Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái và đa dạng hóa các hoạt động du lịch sinh thái.....	57
3.2.2. Cải thiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch.....	59
3.2.3. Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch.....	62
3.2.4. Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch.....	65
3.2.5. Tăng cường tuyên truyền quảng bá giới thiệu về du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy	67

<i>3.2.6. Xây dựng các tour, tuyến du lịch liên tỉnh và nội tỉnh kết nối với Vườn quốc gia Xuân Thủy</i>	72
<i>3.2.7. Tăng cường công tác bảo tồn tài nguyên du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy</i>	75
Tiểu kết chương 3.....	77
KẾT LUẬN	78
TÀI LIỆU THAM KHẢO	80

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Ngày nay cùng với tiến trình phát triển kinh tế mạnh mẽ của các quốc gia trên toàn cầu thì du lịch – ngành công nghiệp không khói cũng là một trong những lĩnh vực được nhiều quốc gia chú trọng phát triển, trong đó có Việt Nam. Du lịch phát triển mạnh cũng giúp cân bằng được cán cân kinh tế giữa các vùng miền, cải thiện kinh tế và mức sống cho người dân ở các vùng miền có tài nguyên du lịch. Du lịch còn là một ngành đóng góp rất lớn cho sự phát triển cho một quốc gia.

Trong bối cảnh kinh tế thị trường hiện nay, khi con người đang phải chịu nhiều áp lực trong công việc thì nhu cầu đi du lịch của con người ngày càng được tăng cao. Du lịch sinh thái là một loại hình có thể thỏa mãn được nhu cầu này của tất cả mọi người hiện nay. Du lịch sinh thái cho phép chúng ta có thể đến những vùng đất khác, cụ thể các khu vực có thiên nhiên hoang sơ, không khí trong lành và có những thắng cảnh đẹp, thậm chí được giao lưu, tìm hiểu văn hóa của người dân bản địa cũng là một trong những lựa chọn của rất nhiều người nhằm giúp xua tan đi căng thẳng mệt mỏi sau những tháng ngày làm việc bận rộn và áp lực từ mọi phía ở chốn thành thị.

Vườn quốc gia Xuân Thủy cũng là một trong những điểm du lịch sinh thái hấp dẫn mà bất kì một ai cũng đều nên đi một lần trong đời. Vườn quốc gia Xuân Thủy nằm ở huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, nằm trong khu vực cửa sông Hồng. Nơi đây được công nhận là điểm Ramsar đầu tiên của khu vực Đông Nam Á. Nổi tiếng là một sân ga của các loài chim từ mọi nơi đến làm điểm dừng chân trên đường di chuyển xuống phía Nam, cụ thể là nước Úc để tránh cái lạnh ở các quốc gia khu vực Bắc Bán cầu. Trong số các loài chim nghỉ chân để kiếm ăn ở đây có cả rất nhiều những loài chim quý hiếm nằm trong sách đỏ thế giới. Thiên nhiên hoang sơ, nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú được thể hiện qua sự đa dạng của các loài động thực vật đặc trưng vùng cửa sông chắc hẳn sẽ thu hút được sự tò mò, vui thích của du khách gần xa. Ngoài được thưởng ngoạn vẻ đẹp thiên nhiên nơi đất ngập nước này thì du khách có thể có được cơ hội giao lưu, tìm hiểu văn hóa, cuộc sống của người dân địa phương mang đậm đặc trưng của cuộc sống của miền đồng bằng sông nước.

Tuy nhiên vườn quốc gia Xuân Thủy chưa đạt được sự phát triển của ngành du lịch dựa trên những tiềm năng vốn có. Vì vậy việc chọn đề tài “Nghiên cứu về điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy” sẽ tiến hành nghiên cứu về tài nguyên du lịch hiện có của vườn quốc gia Xuân Thủy hiện nay, thực trạng du lịch và thông qua đó sẽ đề xuất một số giải pháp để phát triển du lịch tại vườn quốc gia

Xuân Thủy cho xứng tầm với nguồn tài nguyên hiện có nhằm cải thiện đời sống còn nhiều khó khăn của người dân và góp phần phát triển huyện Giao Thủy thêm giàu đẹp, từ đó có thể đóng góp cho đất nước sự phát triển kinh tế dựa vào du lịch của địa phương và thay đổi diện mạo một vùng quê nghèo dựa vào công tác tuyên truyền về việc bảo vệ các nguồn tài nguyên du lịch thiên nhiên và nhân văn, từ đó giúp cho công việc bảo tồn thêm bền vững dựa vào sự chung tay của toàn cộng đồng địa phương.

2.Mục đích nghiên cứu:

Với đề tài này, khóa luận đi sâu vào tìm hiểu những tiềm năng, lợi thế để phát triển du lịch đặc biệt là du lịch sinh thái của Vườn quốc gia Xuân Thủy. Đồng thời phân tích thực trạng hoạt động và phát triển du lịch sinh thái tại Xuân Thủy. Trên cơ sở đó đưa ra những biện pháp để phát triển du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Xuân Thủy nhằm góp phần quảng bá hình ảnh du lịch tại Vườn quốc gia nói riêng và du lịch Nam Định nói chung, đồng thời góp phần vào công tác tuyên truyền về bảo tồn tài nguyên thiên nhiên tại đây.

3.Đối tượng nghiên cứu:

Khóa luận nghiên cứu về : Điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định.

4.Phạm vi nghiên cứu:

Không gian: Đề tài tập trung nghiên cứu về khu du lịch vườn quốc gia Xuân Thủy và một ít thông tin về vùng lõi của vùng đệm quanh khu vực vườn quốc gia nơi có nhiều tiềm năng để phát triển thành khu du lịch sinh thái lí thú hấp dẫn nhiều người đến tham quan.

Thời gian: Đề tài được nghiên cứu trong khoảng 3 tháng từ 20 tháng 3 đến 12 tháng 6.

5.Phương pháp nghiên cứu:

Phương pháp phân tích tổng hợp:

Phân tích là nghiên cứu các tài liệu, lý luận khác nhau bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận để tìm hiểu sâu sắc về đối tượng. Tổng hợp là liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống thông tin mới đầy đủ và sâu sắc về đối tượng.

Phương pháp thống kê:

Đây là phương pháp không thể thiếu trong quá trình nghiên cứu về định lượng trong mối quan hệ chặt chẽ về mặt định tính của các hiện tượng và quá trình, đối chiếu với quá trình phát triển du lịch. Phương pháp toán thống kê được vận dụng nghiên cứu trong đề tài này để xác định hiện trạng hoạt động du lịch thông qua các chỉ tiêu phát triển ngành cơ bản.

Phương phápso sánh tổng hợp:

Phương pháp này nhằm định hướng cho người viết thấy được tính tương quan giữa các yếu tố và từ đó thấy được hiện trạng và sự ảnh hưởng của các yếu tố tới hoạt động du lịch tại nơi đang nghiên cứu. Việc so sánh tổng hợp các thông tin và số liệu đã thu thập được giúp người viết hệ thống được một cách khoa học những thông tin số liệu cũng như các vấn đề thực tiễn. Đây là phương pháp giúp cho người viết thực hiện được mục tiêu dự báo, đề xuất các dự án, các định hướng phát triển, các chiến lược triển khai quy hoạch các dự án mang tính khoa học và đạt hiệu quả cao.

6.Cấu trúc luận văn:

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo thì khóa luận gồm có 3 chương chính như sau:

Chương 1: Cơ sở lí luận về du lịch sinh thái

Chương 2: Điều kiện phát triển du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy, Nam Định

Chương 3: Định hướng và giải pháp để phát triển du lịch sinh thái tại VQG Xuân Thủy, Nam Định

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH SINH THÁI

1.1. Khái quát, đặc trưng, nguyên tắc của du lịch sinh thái

1.1.1. Khái niệm du lịch sinh thái

Theo từ điển tiếng Việt thuộc Viện ngôn ngữ học:

“Sinh thái là quan hệ giữa sinh vật, kể cả người và môi trường (nói tổng quát). Ví dụ: điều kiện sinh thái tự nhiên, vùng khí hậu phù hợp với đặc tính sinh thái của cây lúa”.

“Hệ sinh thái là đơn vị gồm các sinh vật (động vật, thực vật, vi sinh vật) sinh sống trong một môi trường nhất định, về mặt các mối quan hệ tương tác giữa các loài sinh vật với nhau và môi trường”.

Sinh thái tự nhiên được hiểu là sự cộng sinh của các điều kiện địa lí, khí hậu tự nhiên và động thực vật, bao gồm: sinh thái tự nhiên (natural ecology), sinh thái động vật (animal ecology), sinh thái thực vật (plant ecology), sinh thái nông nghiệp (agricultural ecology), sinh thái khí hậu (climate ecology) và sinh thái nhân văn (human ecology).

Đa dạng sinh thái thể hiện ở sự khác nhau của các kiểu cộng sinh tạo nên các cơ thể sống, mối liên hệ giữa chúng với nhau và với các yếu tố vô sinh có ảnh hưởng trực tiếp hay gián tiếp lên sự sống như: đất, nước, địa hình, khí hậu... đó là các hệ sinh thái (ecosystems) và các nơi trú ngụ, sinh sống của một hoặc nhiều loài sinh vật (habitas) (Theo công ước đa dạng sinh học được thông qua tại Hội nghị thượng đỉnh Rio de Janeiro về môi trường)

Cho đến nay vẫn chưa có một khái niệm nào mang tính toàn cầu được chấp nhận vì du lịch sinh thái là một vấn đề mới và còn nhiều tranh cãi về mặt lý thuyết.

Theo tổ chức WTO (tháng 3/2000 tại Madrid)

“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch được thực hiện tại những khu vực tự nhiên còn ít bị can thiệp bởi con người, với mục đích chính là để chiêm ngưỡng và học hỏi về các loài động thực vật cư ngụ trong khu vực đó. Du lịch sinh thái giúp giảm thiểu và tránh được các tác động tiêu cực tới khu vực mà du khách đến thăm. Hơn nữa, du lịch sinh thái phải đóng góp vào công tác bảo tồn những khu vực tự nhiên và phát triển những khu vực và cộng đồng lân cận một cách bền vững. Ngoài ra du lịch sinh thái phải nâng cao được khả năng nhận thức về môi trường và công tác bảo tồn đối với người dân bản địa và du khách đến thăm.”

Theo Ceballos- Lascurain- chuyên gia du lịch sinh thái (Ceballos, 1991)

“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch tới những khu vực tự nhiên còn nguyên vẹn hoặc tương đối ít bị can thiệp với mục tiêu cụ thể là : học tập, chiêm ngưỡng, hưởng thụ cảnh quan và hệ động thực vật hoang dã cũng như những di sản văn hóa đã và đang tồn tại mà chúng được tìm thấy trong những khu vực trên. Điểm quan trọng ở đây là người đi du lịch sinh thái có cơ hội để thâm nhập bản thân vào tự nhiên theo cách mà nhìn chung không diễn ra tại những môi trường đô thị.”

Định nghĩa của Cơ quan quản lí du lịch của Chính phủ Thái Lan (1997)

“Du lịch sinh thái là loại hình có trách nhiệm diễn ra ở những nơi có những nguồn tài nguyên tự nhiên mà nó mang những đặc tính địa phương cũng như những tài nguyên mang tính lịch sử và văn hóa (nó vốn là một phần trong hệ thống sinh thái của địa phương đó). Mục đích của du lịch sinh thái là hình thành nhận thức của các bên liên quan đối với nhu cầu và các biện pháp dùng để bảo tồn các hệ thống sinh thái và nó hướng vào việc tham gia của cộng đồng địa phương cũng như cung cấp những kinh nghiệm học hỏi trong quản lí môi trường và phát triển du lịch bền vững.”

Định nghĩa đơn giản hóa của hiệp hội du lịch sinh thái (Ecotourism society), Mỹ

“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch có trách nhiệm tới những khu vực tự nhiên. Nó được sử dụng để bảo vệ môi trường và cải thiện phúc lợi xã hội và kinh tế cho người dân địa phương.”

Định nghĩa của tổ chức du lịch sinh thái mạo hiểm tỉnh Quebec, Canada

“Du lịch sinh thái là loại hình du lịch với mục tiêu khám phá những khu vực tự nhiên trong khi duy trì tính thuần nhất của khu vực đó. Du lịch sinh thái bao gồm các hoạt động giảng giải, thuyết minh về những yếu tố văn hóa và tự nhiên bên trong các khu vực lân cận và thúc đẩy thái độ tôn trọng đối với môi trường, kêu gọi công tác phát triển dài hạn mang lại các lợi ích kinh tế xã hội cho cộng đồng dân cư sở tại.”

Theo tổ chức bảo tồn động vật hoang dã (World Wild Fund – WWF)

“Du lịch sinh thái đề cập tới các hoạt động du lịch đi tới những khu vực thiên nhiên hoang dã, gây tác động tối thiểu tới môi trường tự nhiên và cuộc sống của các loài động thực vật hoang dã trong khi mang lại một số các lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương và những người địa phương phục vụ tại đó.”

Theo Hội thảo xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển DLST 9- 1999 tại Hà Nội

“Du lịch sinh thái là một loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa địa phương, có tính giáo dục môi trường và đóng góp cho các nỗ lực bảo tồn và phát triển với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương.”

Nhận xét rút ra từ các định nghĩa về du lịch sinh thái:

Thứ nhất, Du lịch sinh thái phải được thực hiện trong môi trường tự nhiên còn hoang sơ hoặc tương đối hoang sơ, gắn với văn hóa bản địa.

Thứ hai, Du lịch sinh thái có tính giáo dục môi trường cao và phải có trách nhiệm với môi trường.

Thứ ba, Du lịch sinh thái phải mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho cư dân địa phương và phải có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương.

1.1.2.Đặc trưng , vai trò của du lịch sinh thái

Đặc trưng của du lịch sinh thái bao gồm các đặc trưng sau:

Dựa trên sự hấp dẫn về tự nhiên:

Đối tượng của du lịch sinh thái là những khu vực hấp dẫn với các đặc điểm phong phú về tự nhiên, đa dạng về sinh học và những nét văn hóa bản địa đặc sắc. Đặc biệt những khu vực tự nhiên còn tương đối hoang sơ, ít bị tác động bởi các hoạt động của con người. Chính vì vậy, hoạt động du lịch sinh thái thường được diễn ra và thích hợp với các vườn quốc gia và các khu bảo tồn thiên nhiên.

Hỗ trợ bảo tồn và quản lý bền vững về sinh thái:

Đây là một đặc trưng khác biệt nổi bật của du lịch sinh thái so với các loại hình du lịch khác. Trong du lịch sinh thái, hình thức, địa điểm và mức độ sử dụng cho các hoạt động du lịch phải được quản lý cho sự bền vững của cả hệ sinh thái và bản thân ngành du lịch. Đó là lí do tại sao các nhà quản lí vườn quốc gia nên đặt ưu tiên cao nhất vào việc quản lí các hoạt động du lịch trong vườn quốc gia của họ.

Có giáo dục và diễn giải về môi trường:

Đặc điểm giáo dục môi trường trong du lịch sinh thái là một yếu tố cơ bản thứ hai, phân biệt nó với loại du lịch tự nhiên khác. Diễn giải và giáo dục môi trường là những công cụ quan trọng trong việc tăng thêm những kinh nghiệm du lịch cho du khách. Khách du lịch sinh thái đích thực là những khách có thể biết và mong muốn được gần gũi, tiếp xúc với môi trường nhằm nâng cao kiến thức và sự trân trọng môi trường.

Giáo dục môi trường trong du lịch sinh thái có tác dụng trong việc làm thay đổi thái độ của du khách, cộng đồng và chính ngành du lịch đối với giá trị bảo tồn và sẽ góp phần tạo nên sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch sinh thái trong những khu vực tự nhiên. Giáo dục môi trường trong du lịch sinh thái có thể được coi là một công cụ quản lí hiệu quả cho các khu tự nhiên.

Hỗ trợ phát triển cộng đồng địa phương:

Du lịch sinh thái phải đảm bảo cải thiện đời sống, tăng thêm lợi ích cho cộng đồng địa phương và môi trường của khu vực. Cộng đồng địa phương có thể tham gia vào những công việc vận hành du lịch sinh thái trên phương diện cung cấp kiến thức, kinh nghiệm thực tế các dịch vụ và các sản phẩm phục vụ khách. Những lợi ích này nhất thiết phải lớn hơn sự trả giá về môi trường và văn hóa - xã hội, nảy sinh từ hoạt động du lịch mà cộng đồng địa phương phải gánh chịu.

Thỏa mãn nhu cầu về kinh nghiệm du lịch cho du khách. Khách du lịch sinh thái thường có mong muốn trải nghiệm trong thiên nhiên và mức độ đáp ứng nhu cầu này sẽ thể hiện chất lượng của hoạt động du lịch sinh thái. Vì vậy, các dịch vụ du lịch làm hài lòng du khách về mặt trải nghiệm thiên nhiên chỉ nên đứng sau công tác bảo tồn.

Vai trò của du lịch sinh thái:

Du lịch sinh thái với bảo vệ môi trường:

Môi trường và du lịch có mối quan hệ biện chứng với nhau. Môi trường là các thông số đầu vào, tiền đề để phát triển mạnh du lịch, ngược lại thông qua phát triển du lịch sinh thái sẽ giúp môi trường được bảo vệ và nâng cao chất lượng.

Du lịch sinh thái được xem là công cụ tốt nhất để bảo tồn thiên nhiên, nâng cao chất lượng môi trường, đề cao các giá trị cảnh quan và nhận thức của toàn dân về sự cần thiết phải bảo vệ hệ sinh thái, khống chế sự thay đổi của môi trường sinh thái, khắc phục những tài nguyên đang bị hủy hoại.

Phát triển du lịch sinh thái đồng nghĩa với bảo vệ môi trường vì du lịch sinh thái tồn tại gắn với bảo vệ môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái điển hình. Du lịch sinh thái được xem là công cụ bảo tồn đa dạng sinh học, nếu các hoạt động du lịch sinh thái được thực hiện một cách đúng nghĩa thì sẽ giảm thiểu được các tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học. Sở dĩ như vậy là vì bản chất của du lịch sinh thái là loại hình du lịch dựa trên cơ sở các khu vực có tính hấp dẫn cao về tự nhiên và có hỗ trợ cho bảo tồn tự nhiên.

Bên cạnh đó, việc phát triển du lịch sinh thái còn đặt ra yêu cầu đồng thời khuyến khích và tạo điều kiện về kinh phí để nâng cấp cơ sở hạ tầng, duy trì và bảo tồn các thắng cảnh, tuyên truyền, vận động người dân địa phương thông qua các dự án bảo vệ môi trường, ngoài ra, du lịch sinh thái còn tạo cơ hội để du khách ủng hộ tích cực trong việc bảo tồn tài nguyên môi trường.

Du lịch sinh thái còn tạo động lực quan trọng, khơi dậy ý thức bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái. Người dân khi nhận được lợi ích từ hoạt động du lịch sinh thái, họ có thể hỗ trợ ngành du lịch và công tác bảo tồn tốt hơn, bảo vệ các điểm tham quan.

Du lịch sinh thái còn khuyến khích cải thiện cơ sở hạ tầng địa phương gồm đường xá, cầu cống, hệ thống cấp thoát nước, xử lý chất thải, thông tin liên lạc...nhờ đó mà ngày càng thu hút khách du lịch và cải thiện môi trường địa phương.

Như vậy phát triển du lịch sinh thái ngoài việc thỏa mãn những nhu cầu mong đợi của du khách nó còn duy trì, quản lý tối ưu các nguồn tài nguyên môi trường và là “Bí quyết để phát triển bền vững”.

Du lịch sinh thái với giải quyết việc làm và các vấn đề văn hóa xã hội:

Việc phát triển du lịch sinh thái tạo điều kiện giải quyết công ăn việc làm cho nhiều lao động, đặc biệt là cộng đồng địa phương.

Du lịch sinh thái phát triển làm thay đổi cách sử dụng tài nguyên truyền thống, thay đổi cơ cấu sản xuất, thúc đẩy phát triển nền kinh tế quốc dân dựa trên cơ sở tài nguyên và nội lực của mình. Phát triển du lịch sinh thái góp phần cải thiện đáng kể đời sống văn hóa xã hội của nhân dân. Du lịch sinh thái tạo điều kiện đẩy mạnh sự giao lưu văn hóa giữa du khách và người địa phương, góp phần làm nên đời sống văn hóa xã hội những vùng này càng trở nên sôi động hơn, văn minh hơn. Du lịch sinh thái phát triển tốt, nhiều dịch vụ du lịch chất lượng cao được tăng cường, điều đó tạo điều kiện giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Tuy nhiên về mặt người dân bản địa dù dưới hình thức nào khi đã thương mại hóa thì văn hóa của họ cũng bị ảnh hưởng, du lịch luôn du nhập những thói quen có thể tốt có thể tiêu cực. Du lịch sinh thái sẽ góp phần hạn chế tối thiểu mặt tiêu cực thông qua giáo dục có mục đích cho du khách, cộng đồng địa phương khi tham gia vào hành trình du lịch sinh thái.

Du lịch sinh thái góp phần tăng GDP:

Du lịch là một ngành kinh doanh sinh lợi hơn bất kì một ngành kinh tế nào khác. Lợi nhuận hàng năm mang lại cho các quốc gia này hàng trăm triệu USD.

Theo số liệu điều tra của hiệp hội du lịch sinh thái thế giới thì du lịch sinh thái chiếm khoảng 20% thị phần du lịch thế giới, ước tính du lịch sinh thái đang tăng trưởng hàng năm với tốc độ trung bình từ 10%-30%. Sự đóng góp kinh tế của du lịch sinh thái không chỉ phụ thuộc vào lượng tiền mang đến khu vực mà điều quan tâm là lượng tiền đọng lại ở khu vực mà nhờ đó tạo ra được những tác động nhân bội. Theo ước lượng chung là

không đến 10% số tiền tiêu của du khách được nằm lại ở cộng đồng gần điểm du lịch sinh thái vì phần lớn kinh phí được sử dụng cho tiếp thị và đi lại trước khi du khách đến điểm du lịch.

1.1.3. Các nguyên tắc của hoạt động du lịch sinh thái

Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường. Qua đó tạo ý thức tham gia vào các nỗ lực bảo tồn:

Đây là một trong những nguyên tắc cơ bản của hoạt động du lịch sinh thái tạo ra sự khác biệt rõ ràng giữa Du lịch sinh thái với các loại hình du lịch dựa vào tự nhiên khác.

Du khách khi rời khỏi nơi mình đến tham quan sẽ phải có được sự hiểu biết cao hơn về các giá trị của môi trường tự nhiên về những đặc điểm sinh thái khu vực và văn hoá bản địa. Với những hiểu biết đó, thái độ cư xử của du khách sẽ thay đổi, được thể hiện bằng những nỗ lực tích cực hơn trong hoạt động bảo tồn và phát triển những giá trị về tự nhiên, sinh thái và văn hoá du lịch.

Bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái:

Cũng như hoạt động của các loại hình du lịch khác, hoạt động Du lịch sinh thái tiềm ẩn những tác động tiêu cực đối với môi trường và tự nhiên. Nếu như đối với những loại hình du lịch khác, vấn đề đó bảo vệ môi trường, duy trì hệ sinh thái chưa phải là ưu tiên hàng đầu thì ngược lại. Du lịch sinh thái coi đây là 1 nguyên tắc cơ bản, cần tuân thủ vì:

Việc bảo vệ môi trường và duy trì các hệ sinh thái chính là mục tiêu hoạt động của Du lịch sinh thái.

Sự tồn tại của Du lịch sinh thái gắn liền với môi trường tự nhiên và các hệ sinh thái điển hình, sự xuống cấp của môi trường, sự suy thoái của các hệ sinh thái đồng nghĩa với sự đi xuống của hoạt động Du lịch sinh thái.

Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá cộng đồng:

Đây được xem là 1 trong những nguyên tắc quan trọng đối với hoạt động Du lịch sinh thái, bởi các giá trị văn hoá bản địa là một bộ phận hữu cơ không thể tách rời của các giá trị môi trường của hệ sinh thái ở một khu vực cụ thể.

Sự xuống cấp hoặc thay đổi tập tục, sinh hoạt văn hoá truyền thống của cộng đồng địa phương dưới tác động nào đó sẽ làm mất đi sự cân bằng sinh thái tự nhiên vốn có của khu vực và vì vậy sẽ làm thay đổi hệ sinh thái đó. Hậu quả của quá trình này sẽ tác động trực tiếp đến Du lịch sinh thái. Chính vì vậy, việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hoá cộng đồng địa phương có ý nghĩa quan trọng và là nguyên tắc hoạt động của Du lịch sinh thái.

Tạo cơ hội có việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương:

Đây vừa là nguyên tắc vừa là mục tiêu hướng tới của Du lịch sinh thái. Nếu như các loại du lịch thiên nhiên khác ít quan tâm đến vấn đề này và phần lớn lợi nhuận từ các hoạt

động đều thuộc về các Công ty du lịch thì ngược lại Du lịch sinh thái sẽ dành một phần đáng kể lợi nhuận từ hoạt động của mình để đóng góp nhằm cải thiện môi trường sống của cộng đồng địa phương.

Ngoài ra, Du lịch sinh thái luôn hướng tới việc huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương, như đảm nhiệm vai trò hướng dẫn viên, chỗ ở, cung ứng các nhu cầu về thực phẩm, hàng lưu niệm cho khách...thông qua đó sẽ tạo thêm việc làm tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương.

1.1.4. Các loại hình du lịch sinh thái

Cùng với sự phát triển du lịch sinh thái của thế giới, du lịch sinh thái ở Việt Nam phát triển với nhiều loại hình phù hợp với đặc thù của Việt Nam:

Dã ngoại: Đây là hình thức đưa con người trở về với thiên nhiên, sản phẩm chủ yếu của loại hình này là tham quan thắng cảnh, hiện khá phổ biến ở Việt Nam.

Leo núi: Là loại hình du lịch chinh phục những đỉnh núi cao như Fansipan, Bạch Mã,... ngoài ra còn có thể kể đến những tour du lịch hành hương lễ hội đến những điểm di tích lịch sử văn hóa ở các khu bảo tồn thiên nhiên như chùa Hương, Yên Tử, chùa Thầy,...

Đi bộ trong rừng: là hình thức được ưa chuộng trên thế giới. Ở Việt Nam hình thức này kết hợp với việc tham quan các thắng cảnh tự nhiên ở trong các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên đang phát triển.

Tham quan nghiên cứu đa dạng sinh học ở các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên: Là loại hình thu hút được nhiều sự quan tâm của khách từ nhiều thị trường khác nhau. Tuy nhiên hiện nay ở Việt Nam hình thức này còn chưa phát triển.

Tham quan miệt vườn: Sản phẩm chủ yếu của loại hình này là hệ sinh thái nông nghiệp. Hình thức này tuy mới phát triển rộng nhưng đã thu hút được khá nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế.

Quan sát chim: Các sân chim ở Việt Nam đặc biệt là các sân chim ở đồng bằng sông Cửu Long có số lượng chim lớn, thành phần loài phong phú, với nhiều loài đặc hữu, quý hiếm cần được bảo vệ...là nơi thu hút nhiều nhà khoa học và du khách tới nghiên cứu, tham quan...hình thức này ở Việt Nam mới phát triển chưa phổ biến nhiều.

Thăm bản làng các dân tộc: Việc thăm các bản làng dân tộc trong các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên thường được kết hợp tổ chức trong các tour du lịch mang sắc thái du lịch sinh thái hiện nay ở Việt Nam. Khách du lịch có cơ hội tìm hiểu các giá trị văn hóa bản địa như tập tục sinh hoạt, sản xuất, lễ hội...được hình thành và phát triển gắn với đặc điểm tự nhiên của vùng.

Du thuyền: Việt Nam là một đất nước có nhiều sông hồ cùng với bờ biển dài hơn 3200 km, đây chính là điều kiện thuận lợi cho việc tổ chức loại hình du lịch tham quan thắng cảnh trên du thuyền đầy hấp dẫn. Hiện nay, các tour du lịch trên sông nước trên đồng bằng sông Cửu Long kết hợp tham quan miệt vườn trên các cù lao hoặc ở hai bên bờ sông, du lịch trên sông Hương (Huế), sông Hồng (Hà Nội)...du lịch trên hồ Hòa Bình (Hòa Bình), hồ Thác Bà (Yên Bái)...ngày càng thu hút sự quan tâm của du khách.

Mạo hiểm: Ở Việt Nam hình thức du lịch mạo hiểm bắt đầu được hình thành từ du lịch lặn biển, mô tô vượt qua các địa hình hiểm trở của đồi núi Việt Nam...Ngoài ra tour tham quan các hang động là hoạt động du lịch thám hiểm cũng đã được tổ chức nhiều.

Săn bắt câu cá: Các hoạt động được thực hiện tại các khu vực khoanh vùng dành riêng, đối tượng tham gia là khách có tuổi trung niên trong nội địa và quốc tế. Nhiều địa điểm phục vụ cho hoạt động câu cá được mở rộng nhiều trong thời gian gần đây phục vụ cho nhu cầu của một lượng khách đông đảo.

Các loại hình khác: Tổ chức các tour du lịch cấp khu vực hay xuyên quốc gia để tham quan tìm hiểu cảnh quan thiên nhiên và con người Việt Nam.

Mỗi quốc gia sẽ có những lợi thế khác nhau để phát triển du lịch. Ở Việt Nam chúng ta lợi thế nằm ở chỗ chúng ta có hệ sinh thái đa dạng. Du lịch sinh thái không có được nét đẹp sang trọng như nhiều công trình nhân tạo, song nó thực sự mang đến cho du khách cảm giác thư giãn vì được hòa mình vào thiên nhiên, được chiêm ngưỡng những cảnh sắc tươi đẹp và hoang dã của đất trời. Cảm nhận các đẹp nguyên thủy của tạo hóa để yêu thiên nhiên hơn, trân trọng thiên nhiên hơn thực sự là một trải nghiệm vô cùng tuyệt vời mà những ai mê du lịch nên khám phá.

1.2.Các điều kiện để phát triển Du lịch sinh thái

1.2.1.Tài nguyên du lịch sinh thái

“Tài nguyên du lịch sinh thái là các yếu tố cơ bản để hình thành các điểm, các tuyến hoặc các khu du lịch sinh thái; bao gồm các cảnh quan thiên nhiên, các di tích lịch sử, giá trị nhân văn, các công trình sáng tạo của nhân loại có thể được sử dụng nhằm thỏa mãn cho nhu cầu về du lịch sinh thái.”(GS.TSKH) Lê Huy Bá.

Lấy thiên nhiên và văn hóa bản địa làm cơ sở để phát triển, tài nguyên du lịch sinh thái là một bộ phận cấu thành trong tài nguyên du lịch, bao gồm các giá trị của tự nhiên thể hiện trong một hệ sinh thái cụ thể và các giá trị văn hóa bản địa tồn tại và phát triển không tách rời khỏi hệ sinh thái tự nhiên đó. Tuy vậy, không phải bất cứ mọi giá trị tự nhiên và bản địa đều được coi là tài nguyên du lịch sinh thái mà chỉ có các thành phần và cá thể tổng hợp tự nhiên, các giá trị văn hóa bản địa gắn với một hệ sinh thái cụ thể

được khai thác, sử dụng để tạo ra các sản phẩm du lịch sinh thái, phục vụ cho mục đích phát triển du lịch nói chung, du lịch sinh thái nói riêng, mới được xem là tài nguyên du lịch sinh thái.

Tài nguyên du lịch sinh thái rất đa dạng và phong phú. Một số loại tài nguyên du lịch sinh thái chính thường được khai thác và phục vụ nhu cầu của khách du lịch sinh thái bao gồm:

Các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù, đặc biệt là nơi có tính đa dạng sinh học cao với nhiều loại sinh vật đặc hữu, quý hiếm (các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu dự trữ sinh quyển...)

Các hệ sinh thái nông nghiệp (vườn cây ăn trái, làng hoa...)

Các giá trị văn hóa bản địa có sự hình thành và phát triển gắn liền với sự tồn tại và phát triển của hệ sinh thái tự nhiên như các phương thức canh tác, các lễ hội, sinh hoạt truyền thống dân tộc...

1.2.2. Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch là toàn bộ các phương tiện vật chất kỹ thuật và hạ tầng được huy động tham gia vào việc khai thác các tài nguyên du lịch nhằm tạo ra và thực hiện các dịch vụ hàng hóa thỏa mãn nhu cầu của du khách trong các chuyến hành trình của họ.

Cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng du lịch bao gồm cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành du lịch và cơ sở vật chất kỹ thuật của một số ngành kinh tế quốc dân tham gia phục vụ du lịch: thương nghiệp, dịch vụ... cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng du lịch và tài nguyên du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tài nguyên du lịch ảnh hưởng tới công suất, thể loại, thứ hạng của hầu hết các thành phần cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng du lịch. Khả năng tiếp nhận của tài nguyên du lịch là cơ sở xây dựng công suất phục vụ du lịch. Sức hấp dẫn của chúng có ảnh hưởng đến thứ hạng của các cơ sở này.

Cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng bao gồm nhiều thành phần, chúng có những chức năng và ý nghĩa nhất định đối với việc tạo ra, thực hiện các sản phẩm du lịch. Để đảm bảo cho việc tham quan du lịch trên quy mô lớn cần phải xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật tương ứng như các khách sạn, nhà hàng, cửa hiệu, trạm y tế,... Khâu trung tâm của cơ sở vật chất kỹ thuật là phương tiện phục vụ cho việc ăn ngủ của khách, tức là nguồn vốn cố định của du lịch.

1.2.3. Nguồn nhân lực du lịch

Nguồn nhân lực du lịch sinh thái bao gồm toàn bộ lực lượng lao động trực tiếp và gián tiếp liên quan đến quá trình phục vụ khách du lịch. Do đó, khi đề cập đến khái niệm

nguồn nhân lực ngành Du lịch thì không thể chỉ đề cập đến các lao động nghiệp vụ phục vụ khách một cách trực tiếp mà còn cả các lao động ở cấp quản lí, lao động làm công tác đào tạo và các lao động gián tiếp khác phục vụ khách du lịch. Căn cứ vào mối liên hệ với đối tượng lao động (khách du lịch), lao động du lịch được chia thành 2 nhóm: lao động trực tiếp, lao động gián tiếp. Lao động trực tiếp bao gồm những công việc trực tiếp phục vụ khách du lịch trong khách sạn, nhà hàng, lữ hành, các cửa hàng bán lẻ phục vụ khách du lịch, cơ quan quản lí du lịch... Lao động gián tiếp bao gồm những công việc cung ứng, hỗ trợ cho các hoạt động trực tiếp phục vụ khách du lịch như: cung ứng thực phẩm cho khách sạn, nhà hàng, cung ứng hàng hóa cho các cửa hàng bán lẻ phục vụ khách du lịch, các dịch vụ của chính phủ hỗ trợ phát triển du lịch, đào tạo nhân lực du lịch, xây dựng khách sạn, sản xuất máy bay, các trang thiết bị phục vụ khách. Tất nhiên các lao động trực tiếp phục vụ khách du lịch bao giờ cũng có ảnh hưởng trực tiếp và lớn nhất đến chất lượng dịch vụ, từ đó đến chất lượng sản phẩm du lịch.

Để tăng cường sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động phát triển du lịch như một yếu tố quan trọng góp phần phát triển du lịch bền vững, cần thiết phải tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng có thể tham gia vào quá trình quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển du lịch nơi mà cuộc sống của cộng đồng gắn liền. Điều này không chỉ góp phần bảo đảm cho quy hoạch đi vào cuộc sống trên cơ sở những hiểu biết phong phú và cụ thể của cộng đồng đối với mảnh đất mà họ gắn bó, mà còn để cộng đồng hiểu được những gì sẽ biến đổi trên mảnh đất của họ; những gì họ có thể tham gia vào hoạt động phát triển du lịch để có được cuộc sống tốt hơn; và để cộng đồng có được sự chuẩn bị tốt hơn cho những công việc mới cùng với trách nhiệm bảo vệ các giá trị tự nhiên, văn hóa truyền thống trong quá trình phát triển du lịch. Cùng với đó cần nâng cao nhận thức của cộng đồng về trách nhiệm bảo vệ các giá trị tự nhiên, văn hóa bản địa để bảo đảm cuộc sống của họ với những thu nhập họ có được qua việc tham gia vào hoạt động phát triển du lịch trên cơ sở khai thác những giá trị tự nhiên và văn hóa bản địa. Đặc biệt, cần xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù của địa phương để bảo đảm một phần từ thu nhập du lịch sẽ quay lại hỗ trợ cho cộng đồng và cho công tác bảo tồn, phát triển tài nguyên môi trường, du lịch nơi diễn ra hoạt động du lịch với sự tham gia của cộng đồng.

Vai trò của cộng đồng địa phương với phát triển du lịch:

Bảo vệ môi trường

Bảo vệ tài nguyên du lịch

Đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng- vật chất kĩ thuật

Giữ gìn trật tự, an ninh, an toàn xã hội

Tham gia đầu tư kinh doanh du lịch

1.2.4. Chính sách phát triển du lịch sinh thái

Xác định quan điểm và nhận thức trong nội bộ chính quyền và toàn thể cộng đồng dân cư về vai trò và tầm quan trọng của sản phẩm du lịch địa phương. Đây là yếu tố quyết định đưa ngành du lịch thực sự góp phần quan trọng trong giải quyết công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân và phát triển kinh tế xã hội địa phương.

Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức xã hội về du lịch, khuyến khích cộng đồng cùng tham gia làm du lịch, tạo môi trường du lịch văn minh, lành mạnh, bền vững.

Tăng cường giáo dục pháp luật về du lịch trong toàn xã hội. Vận động mọi người sống và làm việc theo pháp luật, nâng cao ý thức bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch (tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn), môi trường du lịch (môi trường tự nhiên và môi trường xã hội) để phát triển du lịch bền vững.

Liên kết với các địa phương trong không gian du lịch thực hiện điều tra, khảo sát, đánh giá đúng mức tài nguyên du lịch nhằm xây dựng quy hoạch du lịch, đặc biệt là định hướng phát triển sản phẩm du lịch của địa phương. Sản phẩm du lịch mang tính chiến lược lâu dài, cần xác định loại hình, quy mô, đối tượng khách du lịch thụ hưởng. Đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Đây là sản phẩm đặc trưng, đây là sản phẩm du lịch liên kết cụm, vùng...

Tổ chức xúc tiến kêu gọi đầu tư, vận động nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia theo phương châm xã hội hóa sản phẩm du lịch. Chính quyền địa phương có trách nhiệm bình chọn doanh nghiệp nổi trội trong số các ứng viên và giao nhiệm vụ thực hiện.

Ban hành hoặc đề xuất ban hành các chính sách ưu đãi đầu tư ổn định, tạo hành lang pháp lý thông thoáng cho doanh nghiệp đầu tư. Hỗ trợ nâng cấp hệ thống giao thông, nguồn vốn, lãi suất ngân hàng, tuyên truyền quảng bá giới thiệu sản phẩm du lịch, xây dựng thương hiệu du lịch v.v...

Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề, ngoại ngữ, kiến thức quản lý và ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động du lịch cho lực lượng quản lý và trực tiếp lao động du lịch.

Tham gia giám sát việc liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp với các đối tác khác (hợp tác song phương, hợp tác đa phương) giữa doanh nghiệp với cộng đồng dân cư về việc phân công trách nhiệm và chia sẻ lợi nhuận.

Luôn nâng cao năng lực để thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về du lịch, kiểm tra xử lý kịp thời những bất cập xảy ra, ngăn chặn, uốn nắn những hành vi xâm hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội làm phương hại đến cộng đồng và du khách.

1.3. Kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái ở một số quốc gia trong khu vực Đông Nam Á và áp dụng kinh nghiệm này cho phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam

Ở một số quốc gia Đông Nam Á có nền du lịch sinh thái phát triển, để có thể tổ chức có hiệu quả hoạt động du lịch sinh thái đó là việc triển khai công tác quy hoạch du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng. Sau đây là kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái tại một số quốc gia có nền du lịch sinh thái phát triển tại Đông Nam Á:

Trao quyền rộng hơn cho cộng đồng tham gia vào quy hoạch du lịch sinh thái:

Cộng đồng được tham gia ngay từ khâu quy hoạch du lịch sinh thái. Tại In-đô-nê-xi-a, Cục Quản lý Tác động Môi trường (BAPEDAL) được thành lập cũng đã đề ra nhiều chính sách và phát triển một số quy hoạch du lịch sinh thái gắn với cộng đồng để làm mẫu. Một loạt các cuộc họp về quy hoạch và định hướng có sự tham gia của cộng đồng đã bao quát nhiều vấn đề: từ những quan điểm về du lịch sinh thái và bảo vệ môi trường đến quản lý và phân phối thu nhập, đào tạo và các vấn đề khác... Tại các khu vực phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng ngày càng được trao quyền rộng hơn có tiếng nói quan trọng trong các quy hoạch du lịch sinh thái. Dựa vào chương trình nghị sự toàn cầu 21 năm 1992 và nguyên tắc chỉ đạo chung cho sự phát triển du lịch trong nước. Bộ Môi trường In-đô-nê-xi-a đã soạn thảo một báo cáo cấp quốc gia, được gọi là Chương trình nghị sự 21 - In-đô-nê-xi-a. Trong 5 nguyên tắc thì có một nguyên tắc rất quan trọng liên quan đến quy hoạch du lịch sinh thái gắn với cộng đồng với 3 yêu cầu quan trọng như sau:

Yêu cầu 1: Thiết lập mối liên kết với các cộng đồng địa phương trong quá trình quy hoạch và phát triển du lịch sinh thái.

Yêu cầu 2: Thông báo rõ ràng và trung thực cho cộng đồng địa phương về mục đích và ý đồ phát triển trên khu vực.

Yêu cầu 3: Dành cho cộng đồng địa phương quyền tự do chấp nhận hay từ chối các dự án phát triển du lịch sinh thái trong khu vực.

Phát triển du lịch sinh thái phải gắn với việc mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương:

Nguyên tắc quan trọng trong phát triển du lịch sinh thái của nhiều quốc gia ASEAN hiện nay là cộng đồng không chỉ được trao quyền trong việc ra quyết định mà phải được hưởng lợi ích từ du lịch sinh thái. Tại Thái Lan, Cục Du lịch Thái Lan (TAT) đã soạn thảo tổng thể phát triển du lịch trên toàn quốc, trong đó quan điểm mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương được nhấn mạnh. Các dự án phát triển du lịch sinh thái tại Thái Lan đều đặt mục tiêu quan trọng trong việc dựa vào cộng đồng địa phương. Trong tất cả

các văn bản của các cấp chính quyền của Thái Lan có liên quan đến phát triển du lịch sinh thái đều nhấn mạnh đến phải dựa vào cộng đồng địa phương, mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Sau đây là một số nguyên tắc phát triển du lịch sinh thái gắn với cộng đồng tại Thái Lan:

Nguyên tắc 1: Quản lý du lịch sinh thái phải liên quan đến người dân địa phương trong quá trình phát triển đặc biệt là trong việc chuyển giao văn hóa cộng đồng. Điều này bao gồm sự tham gia của họ trong xây dựng kế hoạch phát triển.

Nguyên tắc 2: Du lịch sinh thái phải đẩy mạnh phát triển giáo dục và tạo ra nhận thức để duy trì hệ sinh thái của khu vực, thay vì chỉ khai thác tăng trưởng kinh tế.

Nguyên tắc 3: Tận dụng nguồn lực và vật liệu địa phương, cung cấp sản phẩm cho ngành du lịch, bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn văn hóa địa phương.

Nguyên tắc 4: Các tổ chức có liên quan phải được cụ thể vai trò của họ trong việc thúc đẩy du lịch sinh thái, phải mang lại lợi ích cho cộng đồng.

Nguyên tắc 5: Một kế hoạch du lịch sinh thái nên được kết hợp ở cấp huyện, cấp tỉnh và cấp khu vực cùng với phân bổ ngân sách đầy đủ.

Xây dựng các mô hình quản lý của cộng đồng phù hợp cho phát triển du lịch sinh thái:

Để triển khai tốt hoạt động du lịch sinh thái cộng đồng thì cần phải có mô hình quản lý phù hợp. Các mô hình được xây dựng thường được xem xét dựa trên quy mô, đặc tính văn hóa và các đặc trưng của vùng. Điều quan trọng là phải lôi kéo và mang lại lợi ích cho hầu hết các hộ dân địa phương. Tại dự án phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Gunung Halimung (Tây Java – In-đô-nê-xi-a), với mục tiêu phát triển là bảo tồn và sử dụng bền vững tính đa dạng sinh học trên cơ sở trao quyền cho cộng đồng địa phương. Người ta đã thành lập một tổ chức cộng đồng địa phương (KSM). KSM có một hội đồng các ủy viên (bao gồm đại diện các làng nghề, địa phương của chính phủ, phi chính phủ và đại diện vườn quốc gia). Trong đó, cộng đồng địa phương đã được chủ động bầu ra một ban điều hành gồm: một nhà lãnh đạo (ketua), thư ký, thủ quỹ... được lập ra để điều hành hoạt động. Kiểu hoạt động này giống như hợp tác xã ở Việt Nam. KSM cùng với các tổ chức khác cũng tham gia tích cực vào công tác bảo vệ môi trường thông qua việc tuyên truyền cho du khách, cộng đồng địa phương bằng các tài liệu, quảng cáo, trekking, các bản đồ, video... Số liệu thu được cho thấy dự án ở Gunung Halimung trong năm 1998 đã thu hút 80% khách du lịch trong nước và 20% khách quốc tế. Thu nhập bình quân của mỗi hộ gia đình được chia từ 11% lợi tức của KSM khoảng Rupiad 178.000/gia đình/năm.

Tại dự án Umphang (Thái Lan), nằm ở tỉnh Tak (khoảng 600 km từ Bangkok), từ tháng 3/1995 người ta đã triển khai 13 dự án thuộc bảy kế hoạch để thúc đẩy và phát triển du lịch sinh thái Umphang. Trong đó, người ta đã xây dựng các kế hoạch để thành lập các cộng đồng địa phương và hội gia đình làm nghề phục vụ du lịch tại dự án này như các hội gia đình phục vụ lưu trú, ăn uống, hàng thủ công truyền thống, biểu diễn văn hóa truyền thống...

Triển khai các chương trình đào tạo du lịch sinh thái cho cộng đồng:

Thực tiễn triển khai du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng trên thế giới đã chỉ ra vai trò quan trọng của việc đào tạo nghề cho cộng đồng địa phương. Điều này sẽ giúp trao quyền cho cộng đồng có thể tham gia và hưởng lợi từ du lịch sinh thái. Tại Thái Lan, người ta đã triển khai các kế hoạch hành động cho du lịch sinh thái rất cụ thể, trong đó tập trung vào các kế hoạch đào tạo nghề du lịch và phát triển nghề thủ công phục vụ du lịch như: kế hoạch phát triển nhân sự cho du lịch sinh thái; chương trình đào tạo nghề phục vụ du lịch; chương trình phát triển nghề thủ công... Các kế hoạch trên được triển khai cụ thể cho từng điểm tài nguyên, đặc biệt là những dự án thí điểm về du lịch sinh thái.

Lôi kéo các doanh nghiệp du lịch, các cơ quan và tổ chức quan tâm đến việc phát triển du lịch sinh thái cộng đồng:

Một trong những thành công của nhiều nước ASEAN như Thái Lan, In-đô-nê-xi-a, Malaysia... là đã lôi kéo được các doanh nghiệp du lịch, hiệp hội, các tổ chức xã hội quan tâm và có trách nhiệm trong việc phát triển du lịch sinh thái cộng đồng. Tại nhiều nước, bên cạnh những cơ chế bắt buộc người ta còn đẩy mạnh công tác tuyên truyền cho doanh nghiệp có trách nhiệm với cộng đồng như: tuyển người địa phương vào làm việc, khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm do địa phương sản xuất... Một ví dụ cụ thể tại Sua Bali (Gianyar, Bali _ In-đô-nê-xi-a) _ Một khu du lịch nhỏ đã nhận được giải thưởng du lịch có trách nhiệm với xã hội tại Berlin (Đức) năm 1996. Đến với Sua Bali ngoài việc thư giãn, du khách còn có thể học tiếng Inđô cũng như nghệ thuật truyền thống của Bali như: nghề thủ công, khắc gỗ, nấu ăn... Họ được coi là một phần của cộng đồng, đổi lại họ phải tặng 1 USD để bảo tồn khi đến làng. Khu du lịch Sua Bali là hình mẫu trong việc tạo sự hưởng lợi cho cộng đồng của doanh nghiệp.

Làm tốt các công tác khác:

Nhằm thúc đẩy việc phát triển du lịch sinh thái cộng đồng, kinh nghiệm của nhiều quốc gia có nền du lịch sinh thái phát triển trong khu vực Đông Nam Á là làm tốt rất nhiều mặt công tác khác như công tác đầu tư, công tác quảng bá cho du lịch sinh thái, phát

triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái gắn kết với cộng đồng, bảo tồn văn hóa của địa phương...nhằm làm du lịch sinh thái phát triển hiệu quả bền vững hơn.

Áp dụng kinh nghiệm này cho phát triển du lịch sinh thái tại Việt Nam:

Trao quyền rộng hơn cho cộng đồng trong việc quy hoạch du lịch sinh thái tại các điểm tài nguyên:

Việc xây dựng quy hoạch du lịch sinh thái tại các điểm tài nguyên ở Việt Nam nên đứng trên quan điểm trao quyền hạn với quy mô rộng cho địa phương. Để làm được điều này, quy hoạch du lịch sinh thái tại Việt Nam phải dựa trên nguyên tắc hướng đến cộng đồng như có sự tham gia của cộng đồng địa phương, quy hoạch phải hướng đến việc bảo tồn tài nguyên và văn hóa cộng đồng, tận dụng tài nguyên vốn có và vật liệu của địa phương, thiết kế mô hình phù hợp với cảnh quan và đặc điểm của cộng đồng, tính đến sự bền vững lâu dài và đảm bảo lợi ích của cộng đồng.

Gắn kết lợi ích của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái:

Cần xây dựng các chính sách và cơ chế để cộng đồng địa phương có thu nhập thông qua việc khôi phục nghề truyền thống phục vụ du lịch, thuê người dân địa phương làm các nghề dịch vụ liên quan đến du lịch, khuyến khích sản xuất và sử dụng các sản phẩm do địa phương sản xuất...Cần ban hành các nguyên tắc bảo vệ cho cộng đồng như mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương, bảo tồn các giá trị văn hóa- xã hội của cộng đồng, gia tăng phúc lợi cho cộng đồng địa phương. Ngoài ra cần có cơ chế và khuyến khích các doanh nghiệp mang lại lợi ích cho cộng đồng thông qua các chính sách giảm thuế, chính sách ưu đãi đầu tư...Bên cạnh đó cũng cần phải đẩy mạnh đào tạo nghề cho cộng đồng và giáo dục nâng cao ý thức cho cộng đồng trong việc phát triển du lịch và bảo vệ môi trường thông qua các hình thức như: tuyên truyền vận động, phát động các phong trào bảo vệ môi trường, phân phát ấn phẩm...nhằm làm cho cộng đồng có trách nhiệm hơn trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên và ủng hộ hoạt động du lịch.

Xây dựng các mô hình quản lý du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng phù hợp:

Cần nghiên cứu các mô hình trên thế giới và thực tế tại Việt Nam để xây dựng các mô hình quản lý phù hợp với đặc trưng từng khu vực, từng điểm tài nguyên. Nên tạo điều kiện cho sự tham gia của người dân địa phương. Trước mắt có thể xem xét thành lập thí điểm các ban quản lý cộng đồng do người dân bầu ra tại một số khu vực, điểm tài nguyên để điều hành hoạt động tại các khu vực này. Điều này không chỉ mang lại lợi ích mà còn nâng cao trách nhiệm của cộng đồng trong việc phát triển hoạt động du lịch và bảo vệ nguồn tài nguyên khu vực.

Hỗ trợ công tác đào tạo nghề cho cộng đồng phục vụ du lịch sinh thái:

Nhằm nâng cao vai trò và sự tham gia của cộng đồng trong phát triển du lịch sinh thái, cần có sự tham gia của nhà nước, các ban ngành, doanh nghiệp trong việc hỗ trợ và nâng cao công tác đào tạo nghề cho cộng đồng địa phương. Việc đào tạo, hỗ trợ cộng đồng tại các điểm tài nguyên rất cần các khóa đào tạo như hướng dẫn viên địa phương, nấu ăn và phát triển các dịch vụ phục vụ du lịch, đào tạo nghề thủ công truyền thống phục vụ du lịch... Đặc biệt cần có sự hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp tham gia vào công tác này.

Nâng cao trách nhiệm của doanh nghiệp, các tổ chức đối với cộng đồng địa phương:

Cần có các chính sách cụ thể nhằm nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái. Cần có quy định cụ thể để khuyến khích các khu du lịch, khách sạn, khu giải trí... để các doanh nghiệp đầu tư tại các điểm tài nguyên mang lại lợi ích cho cộng đồng như tiếp cận con em địa phương vào làm việc, sử dụng các sản phẩm địa phương, phát triển các sản phẩm phục vụ du khách do cộng đồng phục vụ (biểu diễn nghệ thuật truyền thống, hướng dẫn nấu món ăn địa phương, dạy nghề thủ công...)

Một số công tác khác:

Nhà nước và các địa phương trong vùng cần có chính sách đẩy mạnh việc đầu tư cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất cho du lịch sinh thái cũng như hỗ trợ công tác nghiên cứu tài nguyên, hỗ trợ phát triển các nghề thủ công truyền thống của cộng đồng địa phương... Ngoài ra cần làm tốt các công tác khác như công tác quảng bá cho du lịch sinh thái, phát triển các sản phẩm, dịch vụ du lịch sinh thái gắn kết với cộng đồng, bảo tồn văn hóa truyền thống của địa phương...

Tiểu kết chương 1

Trong chương 1, việc tìm hiểu về cơ sở lý luận về du lịch sinh thái đã giúp chúng ta có thể hiểu được khái niệm, đặc trưng, vai trò và nguyên tắc của du lịch sinh thái. Đồng thời đã giúp chúng ta biết được các loại hình du lịch sinh thái khác nhau đang được tổ chức ở Việt Nam hiện nay. Quan trọng hơn, đã cho chúng ta hiểu được điều kiện để phát triển du lịch sinh thái cần bao gồm tài nguyên du lịch sinh thái, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, nguồn nhân lực du lịch và cả các chính sách phát triển du lịch sinh thái. Ngoài ra, chúng ta có thể được biết và học hỏi thêm về kinh nghiệm phát triển du lịch sinh thái ở một số quốc gia trong cùng khu vực Đông Nam Á có hoạt động du lịch sinh thái rất phát triển, từ đó chúng ta có thể tham khảo các kinh nghiệm quý báu đó để có thể áp dụng cho Việt Nam, giúp cho nền du lịch sinh thái của đất nước ta có thể vượt qua được những khó khăn trước mắt và phát triển hơn trong tương lai.

CHƯƠNG 2 : ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI Ở VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY , NAM ĐỊNH

2.1. Khái quát chung về vườn quốc gia Xuân Thủy , Nam Định

2.1.1. Vị trí địa lí, diện tích

Vườn quốc gia Xuân Thủy nằm ở phía đông nam huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định, ngay tại cửa Ba Lạt của sông Hồng, cách Hà Nội khoảng 150 km về hướng Đông Nam và cách thành phố Nam Định 60 km về phía Đông Nam. Vườn quốc gia Xuân Thủy có tọa độ địa lí 20°10' đến 20°15' vĩ độ Bắc và từ 106°20' đến 106°32' kinh độ Đông. Khu vực vùng lõi của vườn là diện tích đất ngập mặn trên ba cồn cát cửa sông là cồn Ngạn, cồn Lu và cồn Xanh thuộc xã Giao Thiện. Toàn bộ vùng đệm và vùng lõi của vườn nằm trên địa phận các xã Giao Thiện, Giao An, Giao Lạc, Giao Xuân và Giao Hải. Tổng diện tích vườn quốc gia Xuân Thủy là 15.100 ha (với 7.100 ha vùng lõi gồm 3.100 ha diện tích đất nổi có rừng và 4.000 ha đất rừng ngập mặn và 8000 ha vùng đệm), trong đó có 12.000 ha thuộc khu Ramsar.

2.1.2. Địa hình và cảnh quan toàn vùng

Vùng bãi triều cửa sông ven biển huyện Giao Thủy có diện tích khoảng 10.000 ha, gồm bãi Trong, cồn Ngạn, cồn Lu và cồn Xanh (cồn Mới).

Vùng bãi bồi huyện Giao Thủy có độ cao trung bình từ 0.5-0.9 m. Đặc biệt ở cồn Lu có nơi cao tới 1,2-2,5 m. Nhìn chung vùng bãi triều của huyện Giao Thủy thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Đông sang Tây.

Địa hình vùng bãi triều bị phân cắt bởi sông Vọng và sông Trà, chia khu vực thành 4 khu là : Bãi Trong, Cồn Ngạn, Cồn Lu , Cồn Xanh.

Vùng lõi của vườn quốc gia Xuân Thủy bao gồm bãi trong , cồn Ngạn, toàn bộ cồn Lu và cồn Xanh, có diện tích đất nổi khi triều kiệt: 3100 ha và đất còn ngập nước 4000 ha. Tổng diện tích tự nhiên 7100 ha.

Đặc điểm khí hậu:

Khu vực ở Xuân Thủy nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa ẩm, mang đặc trưng của khí hậu miền Bắc Việt Nam. Mùa Đông từ tháng 11 đến tháng 3 năm sau. Đầu mùa đông không khí lạnh khô, cuối mùa đông không khí lạnh ẩm. Mùa hạ từ tháng 5 đến tháng 9, khí hậu nóng ẩm thường xuyên xuất hiện dông bão và áp thấp nhiệt đới. Nhiệt độ trung bình năm là 24⁰C. Lượng mưa trung bình năm là 1.175 mm. Số ngày mưa trong năm là 133 ngày. Hai hướng gió chính trong năm ở đây là hướng Đông Bắc từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau và hướng Đông Nam từ tháng 4 đến tháng 9. Độ ẩm không khí khá cao, khoảng từ 70-90%, các tháng 10,11,12 có độ ẩm không khí thấp (thường nhỏ hơn 75%). Các tháng 2,3,4 có độ ẩm rất cao (80-90%) thường kèm theo

mưa phùn ẩm ướt. Chính điều kiện nhiệt đới gió mùa ẩm này đã tạo điều kiện cho các loài động thực vật trong vườn phát triển rất phong phú và đa dạng tạo nên một hệ sinh thái bền vững và hoàn chỉnh.

Đặc điểm thủy văn:

Thủy triều: Thủy triều ở khu vực thuộc chế độ “Nhật triều” với chu kì khoảng 25 giờ, thủy triều có biên độ khá lớn, biên độ trung bình 150-180 cm, thủy triều lớn nhất đạt đến 4,5 m, nhỏ nhất là 0,25 m.

Thủy văn: Khu vực bãi triều huyện Giao Thủy được cung cấp nước từ sông Hồng, có 2 sông chính trong khu vực bãi triều là sông Vọp và sông Trà. Ngoài ra còn có một số lạch nhỏ cấp thoát nước tự nhiên.

Đặc điểm đất đai:

Đất đai toàn vùng cửa sông Hồng nói chung được hình thành từ nguồn phù sa bồi lắng của toàn bộ hệ thống sông Hồng. Vật chất bồi lắng bao gồm 2 loại hình chủ yếu: bùn phù sa (cổ kết dần trở thành lớp đất thịt) và cát lắng đọng (tích đọng và di động do ngoại lực trở thành giống cát). Mức độ cổ kết khác nhau của loại đất thịt và mức độ nâng cao trình giồng cát đã tham gia vào sự khác biệt chi tiết của những loại tầng đất và phân bố đất. Lớp phù sa được dòng chảy vận chuyển và bồi lắng hình thành lớp thổ nhưỡng ven châu thổ với những loại hình:

Đất nhẹ, cát pha và thịt nhẹ, phân nhỏ cát thuần

Đất trung bình, thịt trung bình

Đất nặng từ thịt nặng đến đất sét (sét cổ kết)

Những nhóm đất chưa ổn định còn bị ảnh hưởng mạnh mẽ của nhật triều, sông, dòng lũ và dòng chảy ven bờ, chưa cổ kết và ở dạng bùn lỏng. Tập đoàn cây thuộc loại hình rừng ngập mặn có vai trò tích cực cố định lớp đất, nâng dần cốt cao trình ven biển. Lượng phù sa ở cửa Ba Lạt trung bình 1.8 gram trong 1 lít nước là cơ sở hình thành những cồn cát bồi lắng kéo dài theo hướng Tây nam. Độ PH của lớp đất khá ổn định (thịt- thịt nặng từ 7.2-7.6) và mức độ nhiễm mặn với mật độ NH biến động từ 17.2- 20 miligam trong 100 gram đất khô lấy mẫu.

Đất bùn long hay đất đã cố định giàu dinh dưỡng, thích hợp với nhiều loài cây ngập mặn. Thể hiện rất rõ mối quan hệ chặt chẽ và ảnh hưởng tương tác theo chiều hướng có lợi giữa thổ nhưỡng với quần thể rừng ngập nước, hình thành hệ sinh thái đặc trưng của vùng cửa sông ven biển.

2.1.3. Điều kiện kinh tế, xã hội

Dân số:

Diện tích của huyện là 232,1 km² và dân số năm 2017 là 190.291 người. Mật độ dân số khoảng 820 người/km². Trong đó dân số vùng đệm ở Vườn quốc gia Xuân Thủy trong huyện là khoảng 50.000 người.

Đơn vị hành chính:

Giao Thủy bao gồm 2 thị trấn: Ngô Đồng (huyện lỵ), Quất Lâm và 20 xã: Bạch Long, Bình Hòa, Giao An, Giao Châu, Giao Hà, Giao Hải, Giao Hương, Giao Lạc, Giao Long, Giao Nhân, Giao Phong, Giao Tân, Giao Thanh, Giao Thiện, Giao Thịnh, Giao Tiên, Giao Xuân, Giao Yên, Hoàn Sơn, Hồng Thuận.

Thị trấn Ngô Đồng là trung tâm kinh tế của Giao Thủy. Đây là địa phương có dự án Đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh đi qua.

Tình hình phát triển kinh tế huyện Giao Thủy nói chung và vườn quốc gia Xuân Thủy nói riêng:

Sau gần 7 năm triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới từ năm 2011-2018, huyện Giao Thủy (Nam Định) đã đạt được những kết quả tích cực, tạo được sự chuyển biến trong đời sống người dân; nông thôn được quy hoạch theo hướng phát triển toàn diện.

Trong những giai đoạn gần đây, cụ thể là 6 tháng đầu năm 2018, huyện Giao Thủy đã có những thành tựu kinh tế nổi bật, cụ thể là:

Nông nghiệp:

Sáu tháng đầu năm, huyện Giao Thủy đã gieo cấy lúa xuân, tổng diện tích 7.170 ha (tăng 17 ha so với vụ xuân 2017, đạt 100% kế hoạch); năng suất ước đạt 76 tạ/ha. Toàn huyện đã xây dựng 7 mô hình cánh đồng mẫu lớn, tổng diện tích 362,5 ha; cây màu sinh trưởng, phát triển tốt.

Nuôi trồng thủy hải sản:

Sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 25.893 tấn (bằng 51% kế hoạch, tăng 6,6% so cùng kỳ). Trong đó, khai thác 7.234 tấn (đạt 53% kế hoạch, tăng 3,6% so cùng kỳ); nuôi trồng 18.659 tấn (đạt 50,3% kế hoạch, tăng 7,9% so cùng kỳ). Diện tích nuôi tôm sú quảng canh kết hợp 1.700 ha (đạt 100% kế hoạch); tôm thẻ chân trắng, đã thả trên diện tích 250 ha (đạt 57,7% kế hoạch). Các trại giống đã cho sinh sản 65 triệu con tôm sú giống; 4,5 tỷ ngao giống, 5 triệu con cá bống bớp, 3,5 triệu con cua, nhập 275 triệu con tôm thẻ giống. Tổng số lượng tàu thuyền tham gia khai thác thủy hải sản trên toàn huyện là 851 tàu, trong đó, 301 tàu công suất trên 20 CV.

Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp:

Sản xuất Công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp bao gồm nhiều lĩnh vực như nước mắm, muối I-ốt, quần áo may sẵn, gạch đất nung, dệt may, đan, thêu...tăng trưởng ổn định, giá trị sản xuất ước đạt 544 tỷ đồng (đạt 51% kế hoạch, tăng 15% so cùng kỳ). Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 1.072 tỷ đồng (tăng 12% so cùng kỳ, đạt 53,6% kế hoạch).

Xây dựng:

Huyện đã kiểm tra, đôn đốc các xã, thị trấn, chủ đầu tư xây dựng các công trình bảo đảm đúng tiến độ theo kế hoạch. Trong đó, huyện là chủ đầu tư 2 công trình: Xây dựng sân vận động huyện (đã hoàn thành) và công trình xây dựng nhà truyền thống huyện (đã thực hiện đạt 85%). Xã, thị trấn là chủ đầu tư 15 công trình, giá trị thi công ước đạt 38/65 tỷ đồng (bằng 65% khối lượng).

2.2.Điều kiện phát triển du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Xuân Thủy

2.2.1.Tài nguyên du lịch sinh thái

Tài nguyên du lịch tự nhiên:

Sự đa dạng sinh học

Vườn quốc gia Xuân Thủy được công nhận là khu Ramsar (công ước bảo tồn những vùng đất ngập nước có tầm quan trọng quốc tế đặc biệt là nơi cư trú của những loài chim nước – Ramsar, Iran) đầu tiên của Việt Nam từ năm 1989, là rừng ngập mặn thứ 50 của thế giới, đồng thời cũng là điểm Ramsar đầu tiên của Đông Nam Á và duy nhất của Việt Nam hiện nay. Vườn quốc gia Xuân Thủy được nâng cấp từ Khu bảo tồn đất ngập nước Xuân Thủy theo quyết định số 01/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ngày 2 tháng 1 năm 2003. Tháng 12/ 2004, Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hoá của Liên Hợp Quốc (UNESCO) công nhận đây là vùng lõi của Khu dự trữ sinh quyển thế giới khu vực đồng bằng châu thổ sông Hồng. Hiện nay Vườn quốc gia Xuân Thủy đang đạt 3 cái nhất trong khu vực Đông Nam Á: đa dạng sinh học cao nhất, năng suất sinh học lớn nhất, hệ sinh thái nhạy cảm nhất.

Sự kết hợp phù sa màu mỡ của sông Hồng và vùng ven biển đã biến khu vực này thành một khu dự trữ thiên nhiên với nhiều sinh cảnh độc đáo của hệ sinh thái đất ngập nước với nhiều động thực vật hoang dã và các loài chim di cư quý hiếm. Hàng năm, từ tháng 10 đến tháng 3 năm sau, hàng chục ngàn cá thể chim di cư tầm 30.000-40.000 con đến tránh rét từ phương Bắc cựa thể từ Xiberi , Trung Quốc, Triều Tiên chọn vườn quốc gia Xuân Thủy để dừng chân, kiếm ăn tích lũy năng lượng để đến Australia trú đông và ngược lại .Trong đó có tới 1/5 số lượng cò mỏ thìa của toàn thế giới. Bởi vậy vườn quốc gia Xuân Thủy được ví như một ga chim quốc tế quan trọng. Các nhà khoa học đã thống kê được 219 loài chim thuộc 41 họ và 13 bộ có mặt tại vườn quốc gia, có trên 150 loài di cư, 50 loài chim nước và có tới 9 loài nằm trong sách đỏ quốc tế trong số 33 loài chim bảo vệ toàn cầu, đó là: Cò thìa (Platalea minor), Rẽ mỏ thìa (Eurynorynchus

pygmeus), Choắt chân màng lớn (*Limodromus sepipanmatus*), Choắt đầu đốm (*Tringastagnatinis*), Cò trắng Trung Quốc (*Egretta culohotes*), Te vàng (*Vanelluscinerus*), Choắt lớn mỏ vàng (*Tringa guttifer*), Mòng bẽ mỏ ngắn (*Larussaundersi*), Bò nông chân xám (*Penecanus Philippensis*). Ở Việt Nam hiện nay hầu như chỉ có thể dễ dàng bắt gặp Cò thìa và Rẽ mỏ thìa ở vườn quốc gia Xuân Thủy (có thời điểm số lượng cá thể Cò thìa ở đây đã chiếm tới 26% số lượng hiện còn của thế giới. Vào mùa xuân (tháng ba, tháng tư) khi tiết trời trở nên âm áp từng đàn chim lại dừng chân tại đây kiếm ăn, nạp thêm năng lượng trước khi bay trở về phương Bắc. Mùa hè và mùa thu đến Xuân Thủy để tận hưởng những cơn gió mát từ biển và vẫn có thể xem những loài chim di trú tránh nóng đến từ Nam Bộ và Campuchia như Giang Sen, Bò nông. Do có tầm quan trọng quốc tế trong công tác bảo tồn các loài chim, Xuân Thủy đã được Tổ chức bảo tồn chim quốc tế công nhận là một vùng chim quan trọng (IBA) của Việt Nam.

Trên vùng đất ngập mặn này, dưới làn nước thủy triều có khoảng 165 loài động vật nổi gồm 55 loài thuộc 40 giống và 154 loài động vật đáy gồm 350 loài động vật đáy thuộc 6 ngành, tổng cộng khoảng 500 loài động vật thủy sinh. Tiêu biểu là các loài thủy hải sản. Những mô hình nuôi trồng thủy hải sản mang đậm nhân văn ở khu vực vừa mang lại lợi ích kinh tế cho cộng đồng địa phương đồng thời là những điểm tham quan thú vị đối với du khách. Có 37 loài bò sát- ếch nhái, trong đó có 13 loài ếch nhái; có 6 loài quý hiếm và có giá trị bảo tồn. Có 17 loài thú, trong đó có 3 loài quý hiếm: Rái cá (*Lura lutru*), Cá heo (*Lipotes vixillifer*), cá đầu ông sư (*Neophocaera phocaenoides*). Ngoài ra khu rừng sú vẹt Xuân Thủy là nơi cư ngụ của nhiều loài chim, mèo biển, cáo biển, rái cá... Dưới nước là các loại tôm, cá, cua, rần, ngao, sò... là nguồn thức ăn phong phú của các loài chim. Có 122 loài cá thuộc 13 bộ, 46 họ. Côn trùng vô cùng phong phú với trên 100 loài. Hệ động vật phong phú có giá trị kinh tế cao hàng năm đã cho thu nhập tới hàng trăm tỷ đồng đã góp phần tạo nên sự khởi sắc về kinh tế- xã hội cho các xã vùng đệm.

Về thực vật, vườn hiện có 120 loài thực vật bậc cao có mạch, trong đó có gần 20 loài thích nghi với điều kiện sống ngập nước hình thành nên hệ thống rừng ngập mặn trên 3000 ha và trên 100 ha rừng phi lao chạy dọc trên các giống cát ở đảo Cồn Lu. Rừng ở đây góp phần cố định phù sa để tạo nên các bãi bồi mới, làm vườn ươm và cung cấp thức ăn cho các loài động vật thủy sinh, đồng thời đóng vai trò cân bằng sinh thái trong khu vực. Có nhiều loài thực vật chính tiêu biểu cho hệ sinh thái rừng ngập mặn như cây trang (*Kandelia candel*), sú (*Aegicenia lannata*), bần (*Sonneranita caseolairis*), mắm (*Avicennia lanata*), cóc kèn (*Derris trifoliata*)... Ngoài ra còn có nhiều loài rong tảo có giá trị kinh tế cao thuộc 2 ngành rong xanh và rong đỏ, tiêu biểu là loài rong câu chỉ vàng. Có 2 loại thực vật gồm thực vật trên cạn gồm 192 loài thuộc 145 chi của 60 họ thực vật có mạch. Và thực vật nổi có 112 loài thuộc 43 chi, 20 họ của 5 ngành tảo: Tảo Mắt, Tảo Lục, Tảo Giáp, Vi khuẩn Lam, Tảo Silic. Hệ sinh thái rừng ở vườn quốc gia Xuân Thủy là những sinh cảnh đặc trưng cho kiểu rừng ngập mặn ở ven biển Bắc Bộ Việt Nam, đó là hệ sinh thái cửa sông ven biển. Điều này cũng tạo ra một tiềm năng lớn cho phát triển sinh thái. Vào mùa hoa sú vẹt, hương thơm tỏa mát là dịp hội tụ của những đàn ong mật.

Vườn quốc gia Xuân Thủy có nhiều kiểu hệ sinh thái cảnh quan khác nhau:

Hệ sinh thái rừng kín thường xanh mưa nhiệt đới, kiểu phong hóa thổ nhưỡng rừng ngập mặn hàng ngày. Hệ sinh thái này phân bố ở trung tâm cồn Lu và cồn Ngạn, chiếm diện tích lớn của vườn quốc gia. Thành phần loài chủ yếu là sù, trang, bần, mắm, ô rô, thảm thực vật dày đan xen với nhau. Đây là nơi trú mưa bão gió, ngủ đêm, làm tổ, kiếm ăn của nhiều loài chim và cũng là sinh cảnh của các loại Rái cá, thủy sinh, lưỡng cư, bò sát.

Hệ sinh thái kiểu phụ thổ nhưỡng và rừng ngập mặn hàng ngày trên các đầm tôm phân bố ở phía Bắc cồn Ngạn và một phần nhỏ cồn Lu. Hệ sinh thái này là nơi kiếm ăn của một số loại chim hoang dã như: cò đen, cò lao Ấn Độ, cốc biển đen, cò bọ, choắt chân đỏ, choắt mỏ trắng đuôi đen, mòng biển đầu đen.

Hệ sinh thái rừng phi lao được trồng thành những dải hẹp trên đất cát biển ở phía Đông cồn Lu để chắn cát và sóng.

Hệ sinh thái cồn Đất và cồn Cát: Đây là nơi sinh sống của các loại thủy sinh, côn trùng và là nơi kiếm ăn của một số loài chim nước (rẽ mỏ thìa, rẽ lưng nâu, choắt mỏ cong lớn, điều âu, hải âu, choắt chân màng lớn, cò lao Ấn Độ, rẽ...)

Hệ sinh thái bãi phù sa lầy bồi lắng: đây là nơi phát triển của các loài ngao, cá, cua, cáy và là nơi kiếm ăn của các loài chim nước.

Hệ sinh thái mặt nước sông lạch và biển: đây là hệ sinh thái có hệ thống đa dạng sinh học cao gồm: mặt nước các sông lạch là sinh cảnh của các loài chim nước (ngỗng trời, vịt trời, cò giang, bói cá, điều, cát, các loại choắt, rẽ kiếm ăn ven bờ), mặt nước biển tính từ độ sâu 6 m, đây là nơi sinh sống của cá heo, cá sù vàng, là nơi kiếm ăn của nhạn biển, ó cá, hải âu...

Tài nguyên du lịch nhân văn:

Di tích lịch sử, văn hóa kiến trúc:

Cộng đồng dân cư vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy tiêu biểu cho nền văn hóa mở đất của cư dân đồng bằng châu thổ sông Hồng. Trải qua gần 300 năm với truyền thống quai đê, lấn biển, cần cù dũng cảm trong đấu tranh chinh phục thiên nhiên, vật lộn với biển khơi, cộng đồng dân cư địa phương đã khai hoang lập ấp tạo lập nên những làng quê trù phú. Đó là hệ thống kiến trúc nhà bồi, cảng cá, chợ chiều, các điểm sản xuất nước mắm truyền thống, các khu chợ sầm uất, nhà thờ Thiên chúa giáo và chùa chiền mang nhiều dáng dấp dân gian được xây dựng trên những làng quê thanh bình trù phú phù hợp với khí hậu ven biển vẫn còn được bảo tồn và lưu giữ. Nơi đây rừng biển giao hòa tạo cho du khách ấn tượng mạnh mẽ và khoáng đạt. Chim trời, cá nước hòa quyện vào nhau tạo nên bức tranh sơn thủy hữu tình.

Nhà bôi và nhà ngói là hai loại nhà truyền thống phổ biến ở các xã vùng đệm vườn quốc gia Xuân Thủy, trong đó nhà bôi là công trình kiến trúc văn hóa truyền thống nổi bật và độc đáo nhất.

Nhà Bôi : xã Giao Xuân còn có những ngôi nhà bôi – nhà đặc trưng của vùng đất ven biển ngập nước, cũng là điểm đến thu hút du khách. Nhà bôi là những căn nhà khung gỗ, nền đất, được lợp bằng ngói và rạ, mỗi mái nhà nặng hơn 2 tấn, dày từ 1m – 1,2 m , mát mẻ vào mùa hè và ấm áp vào mùa đông. Qua thời gian, mái bôi xẹp dần xuống, nhưng vẫn rất bền, chịu được sức tàn phá của gió biển. Những căn nhà mái bôi ở Giao Xuân có tuổi thọ hàng trăm năm và được người dân gìn giữ từ thế hệ này đến thế hệ khác. Người Giao Xuân cung cấp dịch vụ lưu trú cho du khách, khách ăn ngủ ngay tại nhà dân, nếu may mắn thì có thể được nghỉ tại một trong những căn nhà bôi này.

Giao Thủy có 3 tôn giáo chính là đạo Phật, đạo Thiên Chúa và đạo Tin Lành. Do lịch sử phát triển tôn giáo ở ven biển Miền Bắc nên nơi đây có khá đông đồng bào theo đạo Thiên Chúa nhưng cộng đồng công giáo sống hòa hợp với nhau cùng chung lưng đấu cật để xây dựng quê hương Giao Thủy giàu đẹp. Cư dân trong phạm vi vùng đệm có khoảng 50% số dân theo đạo Cơ đốc giáo, điển hình là các xã Giao An, Giao Thiện có khoảng 80-90% đồng bào theo đạo Thiên Chúa. Trong huyện Giao Thủy hầu như xã nào cũng có vài ba nhà thờ lớn nguy nga và kiến trúc chùa chiền cũng rất phong phú độc đáo, thể hiện sự hài hòa trong tôn trọng tín ngưỡng. Có 3 di tích được xếp hạng cấp quốc gia: Đền chùa Diêm Điền, cụm di tích đền chùa làng Hòe Nha - xã Giao Tiên, đình chùa Hà Cát- xã Hồng Thuận. Toàn huyện có 22 di tích được xếp hạng cấp tỉnh.

Sinh hoạt văn hóa dân gian:

Sống ở nơi thiên nhiên ưu đãi, con người nơi đây chân chất, mộc mạc, hồn hậu nhưng cũng rất phóng khoáng và lãng mạn. Du khách đến đây sẽ được nghe những làn điệu dân ca do chính người dân địa phương biểu diễn như “Sắp cỗ phong”, “Hát mời trà”, “Hát giã gạo”... Những sinh hoạt văn hóa mang đậm dấu ấn của nền văn minh lúa nước đồng bằng sông Hồng như: hát chèo, hát chầu văn, bơi chải, múa lân, chọi gà, đấu vật...trong các dịp lễ hội cũng như trong sinh hoạt thường nhật của cộng đồng đã gắn kết mọi người với nhau trong mối quan hệ "tình làng, nghĩa xóm" rất bền chặt. Sống ở miền quê được thiên nhiên ưu đãi, người dân miền biển cũng chất phác, nhân hậu, cởi mở và mến khách.

Đặc sản :

Về Nam Định với “Thơ Xương, chuỗi Ngự”, bạn không thể không nhớ đến món nem nắm Giao Thủy. Cái tên cũng tựa như cách làm, phải nắm hỗn hợp thành khối tròn, thật chặt và cách ăn cũng là nắm từng miếng nhỏ với các loại rau ghém sao cho vừa miệng. Để có nắm nem ngon, nguyên liệu bì lợn phải được tuyển chọn từ những con lợn khỏe, miếng bì phải làm sạch lông và dính chút mỡ, thường chọn miếng bì ở phần đầu vừa

không dày, lại không nhiều mỡ, sẽ không ngán và nắm nem không bị ướt nhão. Bì lợn làm nem được thái thủ công bằng tay. Thịt lợn phải được lấy từ lò mổ khi miếng thịt còn nóng hổi và không được đặt xuống đất, không được rửa nước lạnh để thịt ngon và dẻo hơn. Luộc bì rồi thái tay thành những sợi nhỏ, thịt lợn nạc luộc tái sau đó cũng thái bản mỏng, thịt tái sẽ giúp nem có vị ngọt và bùi hơn. Điều làm nên mùi thơm của nem nắm Giao Thủy chính là thính, phải làm từ gạo tám Nam Định mới dậy mùi. Gạo ngâm trong nước qua một đêm rồi để ráo nước, đem rang lên rồi xay thành bột, có màu vàng ngà ngà, thơm phức, vị ngậy. Thính sau đó được trộn đều với bì lợn và thịt lợn đã sơ chế ở trên. Từng hạt thính nhỏ li ti quyện chặt lấy từng sợi bì, đảo đều tay nghe xào xào vui tai, rồi nắm chặt. “Bạn đường” không thể tách rời của nem nắm Giao Thủy là nước mắm Sa Châu (xã Giao Châu, huyện Giao Thủy), thứ nước chấm được làm theo cách cổ truyền cũng rất nổi tiếng. Làm nước mắm này hơi kì công một chút, đó là cá được nấu chín tự nhiên, không qua tẩm ướp, sau chừng 6 tháng mới mang ra vắt lấy nước mắm nguyên chất. Sau đó, mắm lại được phơi nắng nóng rồi cho vào vại sành chôn xuống đất thêm 6 tháng nữa. Vậy là phải mất một năm, nước mắm Sa Châu mới được đem ra để ăn với nem nắm. Để thưởng thức món nem nắm Giao Thủy, bạn chỉ cần cuốn nem nắm vào lá sung, thêm ít rau thơm rồi nhón qua bát nước mắm Sa Châu là xong. Vị béo béo ngậy ngậy nhưng không ngán cùng với đấng chất nhẹ của đinh lăng sẽ làm bạn nhớ mãi. Bởi thế, người xưa đã có câu:”Tay cầm bầu rượu nắm nem/ Mãi vui quên hết lời em dặn gì!”. (Chuyên mục: Đặc sản Nam Định)

Làng nghề truyền thống:

Phong tục tập quán và hoạt động sản xuất: Khu vực cửa sông Ba Lạt còn tiêu biểu cho nền văn hóa mở đất của cư dân ven biển đồng bằng châu thổ Sông Hồng, với tập quán nuôi trồng, khai thác quảng canh nguồn lợi thủy sản, phát triển các đầm nuôi tôm, vây vạng rộng hàng ngàn hécta. Ghe thuyền là phương tiện di chuyển phổ biến nơi đây. Ngoài ra, người dân còn làm nước mắm, và tận dụng nguồn hoa rừng ngập mặn để nuôi ong lấy mật... Hầu hết nông dân ở đây đều làm nghề: canh tác lúa nước, đánh bắt và nuôi trồng hải sản, nhiều thời kì đã thực hiện phương châm:”lúa lán cói,cói lán vẹt,vẹt lán biển”. Họ khai thác nguồn lợi từ Vườn quốc gia với nhiều hình thức: đánh bắt tôm cua cá, bẫy chim, nhặt nhuyên thê, chặt cây lấy củ,...Hiện nay ở đây chuyển nuôi tôm và vây vạng từ “quảng canh”sang”bán thâm canh”, khoảng 2000 ha đất bãi bồi đã chuyển đổi thành đầm nuôi tôm và khoảng 3000 ha cây vạng.

Đặc biệt ở Giao Thủy còn có làng nghề nước mắm Sa Châu – xã Giao Châu nổi tiếng với các loại mắm ngon với trên 100 hộ tham gia sản xuất, chế biến, sản lượng bình quân đạt 450.000- 500.000 lít nước mắm/năm.

Nuôi ong lấy mật và trồng nấm sò: Với sự hỗ trợ của Dự án sáng kiến rừng ngập mặn cho tương lai (MFF), Vườn quốc gia đã chọn mật ong và nấm làm hai sản phẩm chính

để xây dựng quy trình quản lý chất lượng, nâng cao giá trị sản phẩm. Hiện tại, có 44 cơ sở, hộ gia đình ở địa phương đã tham gia sản xuất và phát triển hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt. Nhờ vậy, giá trị của mật ong và nôm đã tăng 25%. Trồng nôm được người dân đánh giá là vừa nhàn lại cho thu nhập tốt, từ 30-40 triệu đồng/vụ, cao gấp 2 lần so với trồng lúa mà chi phí đầu tư rẻ, lại tận dụng được rơm rạ ngoài đồng sau thu hoạch. Chất lượng và nguồn gốc rõ ràng, giá bán nôm sò đã được nâng lên từ 22 nghìn đồng lên 25 nghìn đồng/kg, nôm sản xuất ra đến đâu tiêu thụ đến đó nên ai cũng háng hái chuẩn bị cho mùa nôm sò mới. Mọi quy trình được chuyên gia của Vườn quốc gia Xuân Thủy trực tiếp hướng dẫn cầm tay chỉ việc nên việc sản xuất nôm sò diễn ra thuận lợi, giảm được thiệt hại do bào tử nôm chết, tỷ lệ thu hoạch gần như đạt 100%. Hiện tại, việc sản xuất nôm sò đã được nhân rộng với hơn 30 hộ tại các xã Giao Hương, Giao An, Giao Thiện thuộc vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy. Cùng với nôm, mật ong rừng sú vẹt cũng được nhiều người dân đón nhận, sử dụng bởi chất lượng vượt trội so với các loại mật ong khác. Từ năm 2014, cán bộ Vườn quốc gia đã mời chuyên gia của Viện Khoa học Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về hướng dẫn kỹ thuật, chuyên giao công nghệ quản lý, chăm sóc đàn ong, cách tạo ong chúa, chia đàn, phòng trị bệnh cho ong cũng như cách xây dựng tổ ong, chế biến thức ăn bổ sung, tìm hiểu về nguồn hoa nuôi ong, cách thu hoạch, sơ chế và tiêu thụ sản phẩm ong... để có thể khai thác tối đa nguồn hoa của địa phương và phát triển đàn ong một cách bài bản, khoa học. Đến nay, sản phẩm mật ong sú vẹt của Vườn quốc gia có sản lượng đều đặn 30-40 tấn/năm với 30 hộ tham gia nuôi ong, đều thu nhập hàng tỷ đồng mỗi năm. Ngoài những hộ nuôi ong “du mục” theo đàn ong tìm hoa lấy mật khắp Bắc - Nam, các hộ dân tại các xã: Giao An, Giao Lạc, Giao Thiện đều sản xuất ổn định với thu nhập thêm bình quân từ 30-40 triệu đồng/năm từ nuôi ong lấy mật. Hoa sú vẹt nở tự nhiên, không bị ảnh hưởng bởi các loại hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật nên mật ong hoa sú vẹt được dùng làm thuốc chữa nhiều loại bệnh, được thị trường rất ưa chuộng và được bán với giá khá cao. Mật ong được sản xuất theo quy trình nghiêm ngặt dưới sự giám sát của Vườn quốc gia Xuân Thủy luôn đảm bảo về chất lượng. Cũng nhờ có đàn ong mà từ nhiều năm nay, cây sú, vẹt thụ phấn được, sai hoa, nhiều quả, góp phần tái tạo lại giống cho vườn mà không còn phải nhập từ nơi khác đến.

2.2.2. Cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng

Hạ tầng cơ sở kỹ thuật du lịch bao gồm các công trình hạ tầng, cơ sở lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, các tiện nghi phục vụ du lịch... đóng vai trò quan trọng, tác động trực tiếp đến hiệu quả khai thác tài nguyên và phục vụ khách du lịch. Trên địa bàn huyện hiện có 196 cơ sở lưu trú du lịch với 1.209 buồng, phòng; 9 khách sạn được xếp hạng; trong đó có 4 khách sạn 2 sao: Minh Hải, Minh Thu, Minh Hạnh 2, Minh Hạnh 3 và 5 khách sạn 1 sao và 11 nhà nghỉ bình dân (Theo “baonamdinh.com.vn”). Hiện nay trên khu vực vườn quốc gia có 2 đơn vị là Ban quản lý vườn quốc gia Xuân Thủy và Hợp tác xã du lịch sinh thái cộng đồng xã Giao Xuân tổ chức khai thác thông qua các hoạt động du lịch (theo “baonamdinh.com.vn”).

Ban quản lý vườn quốc gia Xuân Thủy hiện có 14 phòng ngủ đôi đảm bảo nhu cầu nghỉ ngơi của khoảng 45-55 khách/ngày, phòng họp hội nghị gồm một phòng họp nhỏ (50 chỗ ngồi, hệ thống âm thanh chất lượng, điều hòa cây, wifi, 2 bình nước lọc, máy chiếu, loa mic,...) và một phòng họp lớn (200 chỗ ngồi, trang thiết bị hiện đại, điều hòa, có phòng giải lao, phòng chiếu phim, thư viện, 2 bình nước lọc, máy chiếu, loa mic,...) cho thuê để các đơn vị, các tổ chức và các cá nhân tổ chức hội nghị, hội thảo, tiệc, đám cưới,... Quán café, karaoke trực thuộc Ban quản lý vườn có thể phục vụ được 40 – 50 khách. Ngoài ra Vườn còn có phòng hội nghị nhỏ (có cả phục vụ karaoke giúp cho du khách giải trí sau khi đi du ngoạn. Hợp tác xã du lịch sinh thái cộng đồng Giao Xuân có 10-15 phòng nghỉ (homestay) có thể phục vụ cùng lúc từ 20-40 khách. Trụ sở Hợp tác xã Giao Xuân là một nhà hàng (Ecolife Café) dân dã, đậm chất sinh thái, nằm đối diện với trụ sở xã. Đây vừa là nơi giao dịch, đón khách vừa là nơi đội văn nghệ biểu diễn phục vụ du khách, cũng là nơi cung cấp dịch vụ ẩm thực, cũng là nơi trưng bày rất nhiều sách, báo, tạp chí về môi trường, biến đổi khí hậu, về vườn quốc gia Xuân Thủy. Du khách có thể nghỉ tại nhà dân theo hình thức du lịch homestay nếu muốn tận hưởng không khí trong lành, yên ả của một làng quê với hệ thống khoảng hơn 30 nhà dân là hội viên của loại hình kinh doanh dịch vụ homestay với các trang thiết bị phù hợp với điều kiện kinh tế của người dân như chăn, màn, đèn điện, ấm chén uống trà, phích nước, quạt. Ban quản lý vườn quốc gia cũng đầu tư xây dựng một số chòi quan sát chim cho du khách tới tham quan, tìm hiểu và khám phá đời sống các loài chim...

Nổi bật tại đây là Bảo tàng thiên nhiên của Vườn quốc gia Xuân Thủy (hay còn gọi là Bảo tàng tổng hợp Vườn quốc gia Xuân Thủy). Từ năm 2007, Chính Phủ đã đầu tư xây dựng Bảo tàng thiên nhiên của Vườn quốc gia Xuân Thủy với quy mô diện tích trưng bày ban đầu là 600m² bao gồm cả phần Bảo tàng thiên nhiên và bảo tàng về thiên nhiên của địa phương; Trong đó có 4 phòng chuyên đề và 2 sảnh chính. Bảo tàng được sắp đặt một cách lô gic các tài nguyên tự nhiên và kết hợp hài hoà giữa bảo tồn các giá trị của thiên nhiên với các giá trị về nhân văn, nhân bản của địa phương và phương pháp bài trí theo các chủ đề mang tính ước lệ. Tại Gian chính của Bảo tàng là “Phòng cảnh quan và sa bàn”; Trong gian này có các Bức tranh tường lớn và các phù điêu được khắc hoạ ở trên trần nhà nhằm mô phỏng các cảnh quan tiêu biểu của Vườn quốc gia. Sa bàn được đặt ở giữa nhà cùng với các màn hình cảm ứng đặt ở các góc phòng sẽ cung cấp cho người xem các dữ liệu cơ bản của Vườn quốc gia thông qua việc sử dụng công nghệ kỹ thuật số. Sa bàn không làm mô hình theo kiểu truyền thống mà được thiết kế thành nhiều lớp như:” lớp thực bì, lớp thổ nhưỡng, lớp chim, lớp thủy sinh và du lịch sinh thái...” Với các công nghệ tiên tiến như vậy nhằm dễ dàng tạo được ấn tượng cho người xem đồng thời truyền tải được những thông tin trực quan sinh động đến với những đối tượng quan tâm tìm hiểu về thiên nhiên và môi trường của Vườn.

Tiếp sau phòng cảnh quan là “Phòng tài nguyên sinh vật”, ở phòng này cách bài trí cũng được cách tân, không chỉ trưng bày thuần túy các mẫu vật mà tiến hành phục dựng các sinh cảnh chính với các tài nguyên động thực vật đặc trưng của Vườn theo một lô gic có

sự gắn bó hữu cơ giữa các loài sinh vật tự nhiên với nhau. Ví dụ:” thiết kế phục dựng một đám rừng ngập mặn, trên tán rừng là một số loài chim, dưới gốc cây là các loài động thực vật thủy sinh và một số loài chim nước tiêu biểu...”. Các mẫu vật và sinh cảnh nhân tạo trên đa phần sẽ được chế tác bằng các vật liệu thân thiện với môi trường và có độ bền cao. Các mẫu vật truyền thống đã được sưu tầm cũng sẽ được bài trí một cách hài hòa với không gian chung của chủ đề phòng trưng bày.

Sảnh giữa Nhà Bảo tàng: đây là khoảng không gian mở nằm ở giữa các Phòng trưng bày của Bảo tàng được thiết kế các bức tranh tường chạy dọc hai bên sảnh với chủ đề mô phỏng lịch sử phát triển tự nhiên của khu vực.

Phòng thứ ba: được thực hiện với chủ đề về nhân văn, ở gian này các hiện vật và các bức tranh phong cảnh được thiết kế nhằm mô phỏng sinh động nền văn hoá mở đất và cái nôi của nền văn minh lúa nước của khu vực đồng bằng ven biển châu thổ Sông Hồng. Các quá trình khai hoang lấn biển, các mô hình canh tác truyền thống cùng các nét sinh hoạt văn hoá đặc sắc của cộng đồng bản địa sẽ được bài trí theo một kịch bản lô gic giúp cho người xem hình dung được mối tương quan giữa bảo tồn và phát triển bền vững thiên nhiên gắn liền với sự nghiệp phát triển đời sống văn hoá lâu bền của cộng đồng dân địa phương.

Phòng thứ tư là phòng được thiết kế với một kịch bản giả định về tương lai: Trong phòng này phần trưng bày sẽ dẫn người xem đi theo hai lối rẽ; Một là bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên thiên nhiên và Hai là tàn phá thiên nhiên thì con người chúng ta sẽ đi đâu về đâu? Với các cách biểu đạt trực quan sinh động; gian phòng có chủ đề kết này sẽ nhằm đến mục tiêu giáo dục ý thức môi trường cho cộng đồng phổ thông với kỳ vọng Bảo tàng trong nhà của Vườn quốc gia Xuân Thủy sẽ thực hiện tốt các chức năng cơ bản gồm: “Lưu giữ các giá trị quý giá về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn, đồng thời góp phần phục vụ hoạt động nghiên cứu khoa học, giáo dục môi trường và phát triển du lịch sinh thái cho nhu cầu đa dạng và cuộc sống có chất lượng ngày càng cao hơn của cộng đồng khu vực.”

Ngoài bảo tàng thiên nhiên do chính phủ thành lập thì ở nơi đây còn có bảo tàng Đồng Quê do tư nhân thành lập. Đó là dự án văn hóa do Nhà giáo Ngô Thị Khiếu sáng lập, công trình được xây dựng ở thôn Bình Di, xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Nơi đây tái hiện lại cuộc sống lao động, sinh hoạt của các tầng lớp dân cư vùng đồng bằng Bắc Bộ từ xưa đến nay. Năm 2013, Bảo tàng Đồng quê được Tổ chức kỷ lục Guinness Việt Nam ghi nhận là bảo tàng đầu tiên trong nước đã xác lập kỷ lục lưu giữ những nét đặc sắc nhất vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Trên khuôn viên rộng 6.000m², bảo tàng trưng bày 5 loại nhà tiêu biểu của đồng bằng Bắc Bộ từ thời phong kiến đến nay gồm: Nhà mái rạ tường đất của tầng lớp bần cố nông, Nhà lợp bồi của tầng lớp trung nông, Nhà xây lợp ngói nam của tầng lớp địa chủ, Nhà gác tường lợp ngói tây của người dân vùng nông thôn Bắc Bộ giữa thế kỷ 20: Đây đều là những nhà cũ nguyên bản có tuổi đời hàng chục năm. Nhà trung tâm của bảo tàng được xây 4 tầng là nơi trưng bày phong phú các hiện vật, đồ vật. Trong đó, tầng một trưng bày mảng truyền thống của Quân đội nhân dân Việt Nam; những hình ảnh, hiện vật về đường Trường Sơn - đường Hồ Chí Minh, truyền thống bộ đội hải quân, bộ đội công binh mở đường, đào hầm, xây đảo, làm nhà dân ĐK trên quần đảo Trường Sa, thêm lục địa Việt Nam; về các loại vũ khí, tư trang, vật dụng người lính thời kỳ kháng chiến chống đế quốc Mỹ...

Nội dung trưng bày ở tầng 2 có chủ đề “Cây lúa với đời sống sinh hoạt của cư dân đồng bằng Bắc Bộ” tái hiện cuộc sống của người nông dân, diêm dân, ngư dân với các loại công cụ lao động trong nông nghiệp, các công cụ nghề biển, nghề muối... Tầng ba trưng bày dụng cụ, đồ dùng sinh hoạt của người dân đồng bằng Bắc Bộ, trong đó bộ sưu tập khoảng 200 chiếc nồi đồng, 200 chiếc mâm đồng, 50 chậu đồng, hơn 100 chiếc đèn cô, bộ sưu tập tiền xu các loại, tiền giấy Đông Dương, các đồ gốm, đồ sành, đồ sứ, chum chố đựng nước... Tầng bốn là thư viện với hàng nghìn đầu sách phong phú, đa dạng phù hợp các lứa tuổi. Sau toà nhà trung tâm là hệ thống hầm hào tái hiện một số hình ảnh về cuộc sống người dân khi tránh mưa bom, bão đạn thời kỳ chống Mỹ... Ngoài 5 kiểu nhà tiêu biểu, Bảo tàng Đồng quê còn trồng, bảo tồn những cây đặc trưng vùng đồng bằng Bắc Bộ bây giờ người dân ít trồng như: cây, chay, sắn thuyền... và một số cây ở quần đảo Trường Sa, cây từ các nước bạn, cây gỗ đặc trưng rừng nhiệt đới Việt Nam... Khu trưng bày các nghề truyền thống ở Bảo tàng có mô phỏng các mô hình người dệt chiếu, trồng cói, cày, cấy... tái hiện đời sống lao động của người nông dân vùng đồng bằng Bắc Bộ qua các thời kỳ.

Về phương tiện vận chuyển phục vụ tham quan thì Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy có ca nô chở khách gồm 2 loại: cano nhỏ có thể chứa tối đa 6 khách và cano lớn có thể chứa tối đa 8 khách; ngoài ra còn có tàu loại 1 có thể chứa tối đa 45 khách và tàu loại 2 có thể chứa tối đa 35 khách; thuyền máy có thể chứa tối đa 15 khách. Ngoài ra Ban quản lý còn có rất nhiều xe đạp, xe máy cho khách du lịch thuê để phục vụ các chuyến du khảo đồng quê của du khách. Dịch vụ tham quan bằng đường thủy của vườn quốc gia của các đoàn khách chủ yếu qua 2 phương tiện tàu thép mới đưa vào sử dụng từ tháng 5-2017 của anh Trịnh Văn Hậu ở xã Giao Xuân có sức chứa 48 khách và anh Nguyễn Văn Dũng ở xã Giao Thiện có sức chứa 42 khách.

Đến tham quan vườn quốc gia Xuân Thủy, du khách có cơ hội được thưởng thức những món ăn mang đậm hương vị biển. Ngoài các nhà hàng tư nhân ở các xã vùng đệm thì Ban quản lý của vườn quốc gia Xuân Thủy còn có một nhà ăn lớn có thể đáp ứng cho khoảng 200 suất ăn.

Về cơ sở hạ tầng:

Huyện đã hoàn thành việc bàn giao lưới điện nông thôn cho ngành điện quản lý, 100% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia. Hệ thống giao thông được đầu tư xây dựng qua nhiều năm đang phát huy tác dụng: trên địa bàn huyện hiện có 46,4km tỉnh lộ, 19km huyện lộ, 761km đường trục xã, liên xã, đường thôn xóm được nhựa hoá hoặc bê tông hoá. Hiện tại chỉ còn 5% đường thôn xóm chưa được nâng cấp. Tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, con đường độc đạo dài khoảng 5 km nối từ đê sông Hồng đoạn gần cửa Ba Lạt với đê sông Trà là ranh giới giữa vùng đệm và vùng lõi của vườn quốc gia Xuân Thủy đã được làm mới vào năm 2017 đã tạo cơ hội đi lại dễ dàng hơn cho các hoạt động du lịch đến Vườn. Trước khi tới vùng lõi, con đường này chạy qua trụ sở vườn, các đầm bãi, cầu cống ở vùng đệm. Huyện có gần 15 km đường quốc lộ đạt chuẩn cấp III và IV đồng bằng, trong đó các tuyến Quốc lộ 37B và tỉnh lộ 489, 489B quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng. 8 tuyến huyện lộ được nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng, 2 tuyến huyện lộ đạt chuẩn cấp V đồng bằng. Đường trục chính nội

đồng có 508,4 km/ 787,6 km (64,5%) mặt đường bê tông xi măng đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giao thông vận tải. Hầu hết các tuyến đường trục xã, trục thôn xóm và đường ngõ xóm có lắp hệ thống điện chiếu sáng.

Nhà máy nước Giao Tiến được nâng công suất 28.875 m³/ngày đêm để đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho toàn huyện. Ngoài ra còn có nhà máy nước Giao Thịnh cấp nước cho 6 xã Giao Thịnh, Giao Phong, Quất Lâm, Giao Yên, Bạch Long, Giao Long.

Bưu chính viễn thông thường xuyên nâng cao chất lượng dịch vụ. Mạng lưới viễn thông phủ sóng toàn huyện với chất lượng sóng tốt, 100% số xã có điểm bưu điện văn hoá xã, đáp ứng nhu cầu về thông tin liên lạc của xã hội.

Về hạ tầng y tế, cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, y tế được tăng cường về số lượng và nâng cao chất lượng: Năm 2017 toàn huyện có 20/22 xã, thị trấn đạt chuẩn Quốc gia về y tế. Bệnh viện đa khoa trung tâm huyện được đầu tư nâng cấp với số kinh phí hàng chục tỷ đồng, số giường bệnh năm 2017 đạt trên 300 giường, toàn huyện có hơn 70 bác sĩ, trong đó có 1 bác sĩ chuyên khoa cấp II và 13 bác sĩ chuyên khoa cấp I. 100% số xóm và tổ dân phố có cán bộ y tế được đào tạo kiến thức về y tế thôn.

2.2.3. Nguồn nhân lực du lịch sinh thái

Nguồn nhân lực du lịch đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong phát triển du lịch. Nguồn nhân lực du lịch hiện nay tại Vườn quốc gia Xuân Thủy bao gồm đội ngũ cán bộ ban quản lý, hướng dẫn viên, những người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch và những người tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch...

Đội ngũ Ban quản lý hiện nay gồm giám đốc vườn quốc gia là ông Nguyễn Viết Cách, 20 nhân viên được trả lương, 2 tình nguyện viên quốc tế và 50 tình nguyện viên không thường xuyên người Việt Nam. Ngoài Ban giám đốc thì còn có các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ sau: “Phòng khoa học-kỹ thuật, Phòng kinh tế-tổng hợp, Phòng quản lý bảo vệ tài nguyên-môi trường và Trung tâm du lịch sinh thái”. Trên 80% cán bộ của Vườn quốc gia Xuân Thủy có trình độ Đại học được đào tạo từ nhiều chuyên ngành có liên quan khác nhau. Trình độ chuyên môn và ngoại ngữ của đội ngũ cán bộ viên chức của Vườn quốc gia đang từng bước được nâng cao để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Trong những năm gần đây, cùng với việc đầu tư, phát triển hạ tầng kỹ thuật, thời gian qua, huyện Giao Thủy đã quan tâm nhiều hơn vào việc đào tạo nguồn nhân lực phục vụ du lịch. Năm 2018, Phòng Văn hóa - Thông tin huyện phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ lao động du lịch trực tiếp ở 150 cơ sở kinh doanh lưu trú, các ki-ốt ven biển. Đến nay, toàn huyện có 1.120 lao động du lịch trực tiếp, trong đó 55% lao động qua đào tạo. Số lượng lao động du lịch trực tiếp của huyện trong năm 2018 đã tăng lên nhiều hơn so với những năm trước và tỉ lệ lao động du lịch qua đào tạo đã tăng lên nhiều hơn những vẫn chỉ ở mức khiêm tốn khi tỉ lệ lao động du lịch đã qua đào tạo vẫn chỉ bằng một nửa so với tổng số lao động du lịch trực tiếp. Năm 2019 hiện nay Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy

có 5 hướng dẫn viên du lịch có nghiệp vụ vững vàng, trong đó những người hướng dẫn các đoàn khách xem chim được bồi dưỡng chuyên sâu sự hiểu biết về các loài chim trong Vườn quốc gia. Trung tâm bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng (MCD) đã mời các giáo viên của trường dạy nghề Hoa Sữa đến tận nơi hướng dẫn bà con cách dọn phòng, nấu ăn, phục vụ khách nhằm xây dựng nguồn nhân lực phục vụ du lịch Homestay.

Về cộng đồng dân cư địa phương hoạt động trong lĩnh vực thì lao động trong lĩnh vực này vẫn chưa đông đảo, chủ yếu là nữ giới. Phần lớn vốn là lao động phổ thông, trước đây từng làm nông nghiệp, cuộc sống phụ thuộc vào các hoạt động chăn nuôi các bãi ngao, tôm trong Vườn hoặc các hoạt động đánh bắt các nguồn lợi thủy sản trong khu vực Vườn quốc gia. Kỹ năng nghề nghiệp du lịch và khả năng ứng xử, phục vụ du khách của họ còn hạn chế, chưa gây được thiện cảm cho khách du lịch. Trong số những người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch tại đây thì đã có nhiều người đã học qua các lớp tập huấn về nghiệp vụ du lịch do chính quyền địa phương tổ chức như phục vụ lưu trú, ăn uống, hướng dẫn, nhắc nhở khách không vứt rác bừa bãi hoặc làm tổn hại đến Vườn quốc gia.

Ngoài ra còn có bộ phận người dân tham gia bán hàng lưu niệm cho khách. Do phần lớn người dân địa phương tham gia bán hàng lưu niệm ở đây là lao động phổ thông, hiểu biết về phục vụ du lịch còn thấp, các mặt hàng lưu niệm mang đậm tính địa phương ở đây là các sản phẩm từ ong như mật ong, rượu ngâm ấu trùng ong và nấm sò, ngoài ra là các mặt hàng thủy hải sản chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ (sản phẩm cói), còn các mặt hàng lưu niệm khác vẫn còn nghèo nàn, đơn điệu, chưa đáp ứng được nhu cầu đa dạng của khách.

Nhìn chung lượng lao động có thể tham gia phục vụ du lịch ở đây tuy dồi dào về số lượng nhưng chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu đa dạng của khách. Lượng lao động tham gia hoạt động du lịch ở đây chỉ tập trung đông vào các giai đoạn thời vụ, tức các tháng có bầy chim di trú đi qua vào các mùa đông- xuân. Còn các tháng khác khách du lịch đến ít thì họ chuyển sang làm nông nghiệp, nuôi trồng đánh bắt thủy hải sản theo phạm vi quản lý của Ban quản lý Vườn quốc gia.

2.2.4. Chính sách phát triển du lịch

Chính sách đầu tư cho phát triển du lịch sinh thái của Vườn quốc gia:

Ban quản lý đã ban hành quy định xây dựng, tổ chức và liên kết hoạt động du lịch sinh thái nhằm quản lý các hoạt động du lịch sinh thái tại khu vực Vườn quốc gia Xuân Thủy. Quy định này nêu rõ trách nhiệm, quyền lợi của các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan tới hoạt động du lịch sinh thái tại khu vực, qua đó tạo mối liên kết chặt chẽ trong việc nhận tour, tổ chức tour và đảm bảo an toàn cho tour.

Huyện có cơ chế chính sách hấp dẫn để thu hút các công ty lữ hành, khuyến khích việc liên kết giữa các khu du lịch, điểm tham quan, hình thành các tour, tuyến du lịch trên địa bàn như: du lịch làng nghề nước mắm Sa Châu (Giao Châu) - cánh đồng muối Bạch

Long - đóng tàu Quát Lâm; du lịch khám phá trải nghiệm văn hóa cộng đồng tại Bảo tàng Đồng Quê, xã Giao Thịnh...

Từ nhiều năm qua, Vườn quốc gia Xuân Thủy đã phối kết hợp với nhiều tổ chức phi Chính phủ như Trung tâm bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng (MCD), Tổ chức tình nguyện SJ Việt Nam, Tổ chức tình nguyện Vì hoà bình (VPV), chính quyền địa phương, và đặc biệt là sự phối kết hợp và nỗ lực từ phía người dân địa phương để phát triển **du lịch sinh thái cộng đồng**. Thông qua đó, ý thức của người dân trong việc giữ gìn và bảo vệ tài nguyên vườn quốc gia, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và tài nguyên nhân văn quý giá của chính quê hương mình cũng được nâng cao. Các điểm hấp dẫn của mô hình du lịch này là kiến trúc độc đáo của những ngôi nhà Bồi đặc trưng cho vùng ven biển châu thổ sông Hồng, văn hóa mở đất, khung cảnh thiên nhiên tươi đẹp, và những làn điệu chèo mượt mà do chính các “nghệ sỹ nông dân” biểu diễn.

Bên cạnh việc tiếp cận vườn quốc gia thông qua Ban quản lý, nhiều khách du lịch còn đến với vườn quốc gia thông qua mô hình du lịch sinh thái cộng đồng xã Giao Xuân. Anh Trịnh Văn Hậu, Trưởng ban điều hành du lịch sinh thái cộng đồng xã Giao Xuân cho biết: Mô hình được triển khai từ năm 2005 do Trung tâm Bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng (MCD) giúp các hộ tham gia làm du lịch bằng việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, phòng ngủ, nghỉ, nấu ăn phục vụ du khách... Đến nay, các thành viên của hợp tác xã có thể đón tiếp 50-60 khách nghỉ đêm với giá 80 nghìn đồng/khách/đêm. Do giá cả hợp lý, hoạt động có tổ chức, hiện hợp tác xã có trên 20 đối tác khắp các nước: Hàn Quốc, Pháp, Thái Lan, Trung Quốc... và các Công ty, doanh nghiệp lữ hành trong nước. Đến với vườn quốc gia Xuân Thủy trong mùa chim di cư, du khách sẽ được hợp tác xã tổ chức các tour du lịch hấp dẫn từ 1-3 ngày. Theo đó, du khách được đưa ra bên thuyền của xã Giao Lạc, sau đó lên thuyền có sức chứa tối đa 70 người đi 4-6km xuyên trong rừng đến các điểm xem chim trong vườn, lên các chòi quan sát để ngắm chim, được thăm khu nuôi thả ngao vạng với hàng trăm chòi vạng mọc lên giữa cảnh trời nước bao la. Ngoài hoạt động tìm hiểu cuộc sống của chim di cư, trong chuyến du lịch nơi đây du khách được tham gia nhiều hoạt động như tắm biển, ăn hải sản trên nhà giàn trông ngao giữa biển, du khảo đồng quê bằng hình thức đi xe đạp, tìm hiểu cuộc sống của người dân ở các xã vùng đệm vườn quốc gia, giao lưu văn nghệ...

Chính sách xúc tiến, quảng bá du lịch

Ban quản lý Vườn cũng đã lập ra trang web vuonquocgiaxuanthuy.org.vn bằng cả 2 thứ tiếng là tiếng Việt và tiếng Anh và tạo trang “Vườn quốc gia Xuân Thủy” trên mạng xã hội facebook để đăng các thông tin chung và dịch vụ du lịch của vườn nhằm giới thiệu, quảng bá và phổ biến rộng rãi hình ảnh của Vườn quốc gia Xuân Thủy cho khách du lịch trong nước cũng như nước ngoài biết đến. Ngoài ra được sự liên kết giúp đỡ của chính quyền tỉnh thì thông tin của vườn quốc gia còn được đăng lên trang web

dulichnamdinh.com.vn cũng được viết bằng song ngữ Việt – Anh của sở văn hóa, thể thao và du lịch tỉnh Nam Định lập ra để tăng cường xúc tiến quảng bá cho du lịch của Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Vườn Quốc gia Xuân Thủy trong thời gian qua đã được quảng bá trên kênh sóng vtv1 lúc 20:05 tối trong chương trình “S Việt Nam- vẻ đẹp tiềm ẩn” với thời hạn 4’41” và được đăng lên mạng qua các trang tin tức được nhiều người biết đến như Tin tức 24h (www.24h.com.vn) hay zing.vn (news.zing.vn) .

Với mong muốn giới thiệu tới du khách trong nước và quốc tế những nét đặc trưng và các sinh cảnh độc đáo của Vườn và dưới sự hỗ trợ của nhiều chương trình, tổ chức khác nhau, chẳng hạn như của chương trình liên minh đất ngập nước (WAP), các cán bộ của Vườn đã tạo ra nhiều mẫu tờ rơi với nội dung và hình ảnh chất lượng để quảng bá, giới thiệu về Vườn quốc gia Xuân Thủy trong nhiều năm qua .

Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch được đẩy mạnh: Cuộc thi sáng tác mẫu thiết kế logo du lịch Nam Định và thi ảnh du lịch Nam Định lần thứ I được tiến hành từ tháng 12 năm 2008 đến tháng 3 năm 2009. Ban tổ chức đã nhận được hơn 500 tác phẩm dự thi. Ban giám khảo cuộc thi đã chọn được 71 tác phẩm ảnh có giá trị nghệ thuật nội dung. Trung tâm Thông tin Xúc tiến Du lịch đã xây dựng website “Du lịch Nam Định” và biên soạn, phát hành cuốn sách ảnh, bản tin về du lịch Nam Định, phối hợp xây dựng mô hình du lịch sinh thái cộng đồng Vườn quốc gia Xuân Thủy tại xã Giao Xuân. Trung tâm đã tổ chức chương trình khảo sát các tuyến điểm du lịch trong tỉnh cho một số đơn vị kinh doanh lữ hành trong nước và quốc tế.

Chính sách bảo vệ đa dạng sinh học và môi trường

Ban quản lý cũng thường xuyên hợp tác với các cơ quan truyền thống địa phương, Đài truyền hình trung ương VTV, VTC, Truyền hình của Thôn tấn xã Việt Nam và các Báo Đài khác nhằm tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân địa phương trong công tác bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và các loài chim hoang dã.

Câu lạc bộ bảo tồn các loài chim hoang dã đã được hình thành và duy trì tại các xã vùng đệm, sự phối hợp giữa các cán bộ Vườn và người dân địa phương trong công tác bảo tồn đã mang lại những hiệu quả tích cực. Nhiều câu lạc bộ xanh đã được thành lập tại các trường học, nhiều ấn phẩm, tài liệu về giáo dục môi trường đã được biên soạn và phát hành đã góp phần nâng cao nhận thức cho các em học sinh và cộng đồng dân cư. Ban quản lý đã và đang nỗ lực nâng cao nhận thức cho cộng đồng địa phương, các em học sinh cũng như du khách nhằm góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường được tốt hơn.

Ban quản lí Vườn Quốc gia Xuân Thủy đã phối kết hợp với các đơn vị liên quan thực hiện tốt công tác quản lý bảo tồn thiên nhiên như xử lý các vi phạm về phá rừng, khai thác rừng trái phép kể cả việc xả rác, nhổ cây bẻ cành của du khách; phục hồi rừng qua

việc phối hợp với các ban ngành địa phương và cộng đồng dân cư vùng đệm để thực hiện các dự án trồng rừng của quốc gia như dự án 327, dự án trồng mới 5 triệu ha rừng, dự án trồng rừng ngập mặn của Đan Mạch...; triển khai và thực hiện các đề án thí điểm về đồng quản lý sử dụng khôn khéo và bền vững nguồn lợi thủy sản, tài nguyên môi trường ở khu vực nhằm chia sẻ lợi ích trong quản lý khu du lịch. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về lưu giữ và phát triển những loài thủy, hải sản tự nhiên quý hiếm chỉ có tại Giao Thủy.

Mô hình quản lý vùng lõi theo mô hình dựa vào cộng đồng đã được Ban quản lý đề xướng và đã được thực hiện rất thành công nhằm bảo vệ hệ sinh thái vùng lõi nhưng đồng thời có thể tận dụng sự phong phú của nguồn tài nguyên sinh vật trong vùng lõi để mang lại lợi ích kinh tế cho người dân theo mô hình phát triển kinh tế bền vững, đảm bảo cuộc sống cho người dân địa phương. Cơ chế “đồng quản lý” để cùng bảo vệ, cùng chia sẻ lợi ích từ rừng, từ đầm bãi là một lựa chọn hữu hiệu. Ban quản lý có các hoạt động truyền thông; thực hiện các công tác tham vấn, tập huấn, kí cam kết nhằm giúp người dân ý thức rõ được quyền lợi, trách nhiệm bảo tồn thiên nhiên sinh thái vườn quốc gia cũng là để bảo vệ sinh kế, nguồn sống của chính bản thân người dân địa phương. Thời gian qua, tại Vườn quốc gia Xuân Thủy có nhiều mô hình đồng quản lý được triển khai, như hai mô hình đồng quản lý về rừng ngập mặn ở vùng lõi và vùng đệm; về sử dụng bền vững tài nguyên dược liệu ở khu vực Cồn Lu; về khai thác bền vững tài nguyên ngao giống ở vùng cửa sông Hồng; về quản lý khu nuôi ngao quảng canh bền vững và về sử dụng khôn khéo tài nguyên rừng ngập mặn. Theo mô hình này, cộng đồng sẽ được tập hợp thành tổ nhóm và được giao đất, được trao quyền khai thác các nguồn lợi dưới tán rừng ngập mặn nhất định trên cơ sở phải tuân thủ nghiêm các quy định về quyền lợi, trách nhiệm. Nhờ đó người dân được trao quyền, được thực hiện các sinh kế trong đất Vườn một cách chính danh. Để giảm áp lực cho công tác bảo tồn, Ban quản lý đã khuyến khích và hỗ trợ các hộ dân địa phương phát triển nhiều mô hình sinh kế mới như trồng nấm, nuôi ong, VAC, nuôi giun quế làm thức ăn cho gia cầm, tham gia dịch vụ du lịch cộng đồng nhằm giảm việc phụ thuộc và khai thác nguồn lợi tự nhiên trong khu vực vùng lõi Vườn quốc gia.

Quản lý bảo tồn đa dạng sinh học là nhiệm vụ trọng tâm được Vườn quốc gia Xuân Thủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo bằng các giải pháp tích cực và thực hiện nghiêm túc. Vườn quốc gia Xuân Thủy còn hợp tác với các cấp, các ngành hữu quan triển khai và tổ chức 2 mô hình “Nuôi ngao quảng canh”; “Khu bảo tồn giống ngao bản địa”. Trong công tác quản lý, bảo tồn thiên nhiên và phát triển Vườn quốc gia, đơn vị đã coi trọng công tác tuyên truyền giáo dục môi trường cho cộng đồng địa phương thông qua các hội nghị, các buổi tọa đàm, các kênh thông tin tuyên truyền từ Trung ương tới địa phương và các buổi học ngoại khóa của các trường học, nhờ đó ý thức chung của cộng đồng địa phương về bảo tồn và phát triển nguồn thiên nhiên được nâng lên. Đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, đơn vị đã tổ chức thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ khoa học như đào tạo cán bộ công chức viên chức, hợp tác nghiên cứu khoa học và thực hiện các dự án, các hoạt động hợp tác trong nước và quốc tế về bảo tồn phát triển cho khu vực như: Đề tài về gieo trồng cây bản không cánh; đề tài về sử dụng khôn khéo tài

nguyên đất ngập nước Khu dự trữ sinh quyển Sông Hồng; đề tài thực hiện nghiên cứu về đất sụt lún...

Bên cạnh đó, dưới sự hướng dẫn của Vườn quốc gia, các hộ nông dân ở đây cũng đã biết tận dụng mật hoa của rừng ngập mặn để nuôi ong, thu về hàng chục tấn mật mỗi năm. Và khi rừng ngập mặn mang lại lợi ích kinh tế thì người dân cũng có ý thức bảo vệ rừng hơn.

Ngoài ra, Vườn quốc gia cũng đứng ra giúp các hộ nông dân thành lập câu lạc bộ trồng nấm. Nhờ việc thu gom rơm để trồng nấm, cuộc sống của người dân xã Giao An thuộc vùng đệm Vườn quốc gia không những được cải thiện, mà tình trạng đốt rơm gây ô nhiễm môi trường hay vứt rơm gây tắc nghẽn dòng chảy đã giảm dần.

2.3. Thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy

2.3.1. Số lượng khách du lịch và doanh thu từ hoạt động du lịch

Các tour thử nghiệm được bắt đầu từ giữa năm 2006, ban đầu khách đến với du lịch cộng đồng Giao Xuân chủ yếu là các Công ty du lịch đi khảo sát và một số nhà nghiên cứu. Phần lớn du khách là các nhà khoa học đến quan sát, nghiên cứu vào mùa chim di trú hoặc các nhóm nhỏ khách tham quan tìm đến theo thông tin truy cập trên mạng internet hoặc qua môi giới của một số công ty lữ hành. Còn lượng khách du lịch nội địa gia tăng hàng năm nhưng còn rất ít, ước lượng khoảng vài ba nghìn người/ năm, trong đó đối tượng khách chủ yếu là học sinh sinh viên các trường đại học thăm quan khảo sát thực tế và con em địa phương đi xa về thăm quê. Nhưng hiện nay số lượng khách đã tăng lên đáng kể và đối tượng khách đến tham quan cũng đa dạng hơn.

Trung bình mỗi năm, Ban quản lý Vườn quốc gia đón tiếp khoảng 10 nghìn lượt khách, trong đó cao điểm nhất là vào mùa chim di cư với mỗi tháng hàng trăm du khách. Từ đầu năm 2015 đến tháng 10/ 2015, hợp tác xã du lịch sinh thái cộng đồng Giao Xuân đón khoảng 400 khách trong và ngoài nước đến tìm hiểu cuộc sống của các loài chim di cư, trong đó chiếm một nửa là khách quốc tế. Từ tháng 10-2015, ban quản lý đã đón tiếp trên 20 đoàn khách tham quan, trung bình mỗi đoàn 20-25 người. Ngoài đối tượng khách du lịch trong nước, số lượng khách nước ngoài đến vườn quốc gia tìm hiểu về các loài chim di cư khá đông. Các đoàn khách này chỉ từ 10-15 người thường là các nhà nghiên cứu khoa học, sinh viên, người yêu thích các loài chim (theo “baonamdinh.com.vn”).

Trong năm 2016, các khu, điểm du lịch trên địa bàn huyện đã đón 370 nghìn lượt khách du lịch, doanh thu du lịch toàn huyện đạt 121 tỷ đồng. Trong đó tại Vườn quốc gia Xuân Thủy đã có 200.000 lượt du khách đến du lịch, đem lại doanh thu khoảng 55 tỷ đồng.

Năm 2017, tại Vườn đã đón gần 54.000 lượt khách trong nước và quốc tế với nhiều hoạt động trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, trong đó có trên 1000 lượt khách quốc tế (theo

“vuonquocgiaxuanthuy.org.vn”). Để đáp ứng các đoàn khách lớn, Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy đã có ý kiến với các cấp đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt là đường giao thông thuận tiện cho du khách khi đến với Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Cùng với đó, Vườn quốc gia Xuân Thủy đã lồng ghép thực hiện các công trình và hoạt động hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái cho khu vực. Trong năm 2018, Vườn quốc gia Xuân Thủy đã đón trên 50.000 khách về tham quan, nghiên cứu (Trong đó có trên 500 khách nước ngoài), trong đó đã đón được 45.000 lượt khách về thăm quan chỉ trong 6 tháng đầu. Doanh thu du lịch của Vườn quốc gia Xuân Thủy đạt khoảng 1 tỉ đồng/năm và doanh thu từ du lịch cộng đồng địa phương đạt trên 3 tỉ đồng/năm (theo “vuonquocgiaxuanthuy.org.vn”). Năm 2018, doanh thu du lịch của huyện ước đạt 135 tỷ đồng, tăng 14,8% so với năm 2017; tổng lượt khách tham quan đạt trên 400 nghìn lượt, so với năm trước tăng 10%.

Khách quốc tế từ các quốc gia khác nhau như Mỹ, Nhật, Bỉ, Hà Lan, Úc, Đan Mạch, các quốc gia Đông Nam Á...đến vườn tập trung chủ yếu vào mùa chim di trú, tức từ các tháng từ tháng 10 đến tháng 4 năm sau. Còn khách nội địa đến đây hầu như vào tất cả các mùa trong năm và chủ yếu là khách du lịch đến từ Hà Nội hoặc học sinh, sinh viên, cán bộ nhân viên đến từ khối các cơ quan nhà nước và con em địa phương đi xa về thăm quê .

Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy không có vé vào cửa, chỉ bao gồm giá các dịch vụ sau:

Bảng báo giá dịch vụ Vườn quốc gia Xuân Thủy

STT	Nội dung	Đơn giá (VNĐ)	Chú ý
1	Phòng nghỉ khép kín, điều hòa	300.000 đ/p	Phòng 2 giường đơn
2	Phòng nghỉ khép kín	250.000 đ	Phòng 2 giường đơn
3	Cano nhỏ	1.500.000 đ/chuyến	Tối đa 6 khách
4	Cano lớn	2.000.000 đ/chuyến	Tối đa 8 khách
5	Tàu loại 1	4.000.000 đ/chuyến	Tối đa 45 khách
6	Tàu loại 2	2.500.000 đ/chuyến	Tối đa 35 khách
7	Thuyền máy	1.200.000 đ/chuyến	Tối đa 15 khách, đi từ trạm Cồn Ngạn và cống Cai Đề
8	Ăn chính	150.000 đ/suất	Mức trung bình, không bao gồm đồ uống
9	Ăn sáng	30.000 đ/suất	Mức trung bình, không bao gồm đồ uống
10	Hướng dẫn	300.000 đ/lượt/buổi	Đi về trong buổi
11	Hướng dẫn qua trưa	400.000 đ/lượt/buổi	Khách ăn trưa trên tàu
12	Hướng dẫn khách xem chim	500.000 đ/lượt/buổi	

13	Phòng họp lớn	2.000.000 đ/buổi	Sức chứa tối đa 200 khách, gồm 2 bình nước lọc, máy chiếu, loa mic
14	Phòng họp nhỏ	1.000.000 đ/buổi	Sức chứa tối đa 30 khách, bao gồm 2 bình nước lọc, máy chiếu, loa mic

(Theo vuonquocgiaxuanthuy.org.vn)

Ngoài ra, về dịch vụ lưu trú thì còn có dịch vụ lưu trú homestay tại nhà dân nằm ở trong làng và cách Vườn khoảng 5 – 10 km. Giá cả theo thỏa thuận khoảng 150.000 đồng/đêm/ người. Về dịch vụ vận chuyển còn có dịch vụ thuê xe máy (1 bình xăng đầy) giá 150.000 đồng/ ngày và thuê xe đạp giá 50.000 đồng/ ngày của Ban quản lý Vườn quốc gia.

Qua đó chúng ta có thể thấy rằng lượt khách du lịch hàng năm đến Vườn quốc gia Xuân Thủy từ khi vườn mới thành lập tuy năm sau cao hơn năm trước nhưng thời gian lưu trú ngắn và vẫn còn ở mức khiêm tốn . Lượng khách và doanh thu từ du lịch tại vườn tăng dần đến năm 2016 là cao nhất, nhưng đến năm 2017, 2018 thì có dấu hiệu giảm dần, nguyên nhân là do các sản phẩm, chương trình du lịch tại đây còn nghèo nàn và đã cũ nên kém hấp dẫn du khách. Khách du lịch đến với vườn chủ yếu là khách nội địa, còn khách quốc tế có khả năng chi trả cao đến đây hàng năm vẫn rất ít, chưa tương xứng với tiềm năng hiện có của Vườn quốc gia.

Phát triển du lịch sinh thái ở nơi đây đã tạo cơ hội việc làm, tăng thu nhập cho người dân, từ đó đã đảm bảo và cải thiện được cuộc sống của họ. Sự phát triển của hoạt động du lịch đã giúp người dân ý thức được việc phải bảo tồn các tài nguyên sinh thái tự nhiên và nhân văn địa phương, giảm tải các hoạt động khai thác dẫn tới cạn kiệt nguồn tài nguyên nơi Vườn quốc gia và gìn giữ được các di sản nhân văn truyền thống địa phương. Nhờ có du lịch mà cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ở đây đã được cải thiện, đem lại bộ mặt mới cho địa phương. Việc khuyến khích người dân địa phương tham gia vào hoạt động du lịch như cung cấp các dịch vụ lưu trú, hướng dẫn, vận chuyển, ăn uống... đã tạo thêm thu nhập ổn định cho người dân, nhờ đó giảm được sức ép của cộng đồng dân cư tới môi trường.

2.3.2. Các hoạt động du lịch sinh thái

Du thuyền:

Du khách sẽ có cơ hội tìm hiểu khái quát Vườn quốc gia Xuân Thủy trong quỹ thời gian có hạn. Xuất phát từ trụ sở Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy đi theo sông Vọp ra cửa Ba Lạt (cửa Sông Hồng). Thăm ngọn hải đăng Ba Lạt - Đài quan sát Cồn Ngạn - Thăm Cồn Xanh (một đảo cát pha mới bồi đắp). Sau đó du khách nghỉ trưa thăm Cồn Lu và quay về thăm các cánh rừng ngập mặn ở cửa sông. Nếu may mắn, du khách có thể được ngắm nhìn những đàn chim di trú đang bình thản kiếm ăn ở ngay đầu sông Trà.

Quan sát chim:

Du khách sẽ có được những cơ hội khám phá thiên nhiên, quan sát chim muông và chiêm ngưỡng những cảnh quan độc đáo của hệ sinh thái đất ngập nước ở cửa sông ven biển. Xuất phát từ văn phòng Vườn quốc gia, du khách đi dọc theo sông Vọp đến cuối Cồn Lu, Cồn Ngạn – Đây là vùng chim quan trọng của Vườn quốc gia – là nơi cư ngụ

của các loài chim nước quý hiếm. Đây cũng là khu vực người dân địa phương vây nuôi ngao quảng canh khá hùng vĩ. Du khách có thể tiếp tục đi bộ dọc theo các giồng cát ở má ngoài Cồn Lu để quan sát rừng phi lao, xem các loài chim rừng và chim ven biển, đến đầu Cồn Lu du khách lên thuyền trở về Vườn quốc gia. Loại hình du lịch này được cả khách du lịch trong nước và quốc tế ưa thích.

Dã ngoại:

Du khách đi bộ qua các sinh cảnh tự nhiên gồm các cánh rừng như rừng kín thường xanh mưa nhiệt đới rộng đến hàng ngàn ha chiếm phần lớn diện tích Vườn quốc gia và là nơi tập trung kiếm ăn và làm tổ của các loài chim và là sinh cảnh của các loài động vật khác. Du khách sẽ được nhóm hướng dẫn viên giới thiệu sự đa dạng, phong phú của hệ sinh thái rừng ngập mặn. Sau đó đoàn đến tham quan các đầm tôm (mô hình sinh kế - sinh thái của người dân địa phương) để có cơ hội tham quan hệ sinh thái phụ thổ nhưỡng và rừng ngập mặn ở phía Bắc cồn Ngạn và phần nhỏ cồn Lu. Du khách đến đây có thể ghé thăm các đầm tôm, xem tập quán canh tác theo phương thức quảng canh cải tiến của các chủ đầm, tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ theo hướng bền vững, trò chuyện với ngư dân, nghe họ kể về cuộc sống và công việc thường ngày của mình. Ngoài ra du khách có thể quan sát các loài chim hoang dã đang nhón nhờ kiếm mồi và nghỉ ngơi tại khu vực, mỗi lần sóng đánh chúng lại bay lên chao liệng trên không trung, kêu ríu rít. Vào mùa chim di trú, du khách có thể gặp Cò Thià cùng nhiều loài chim nước đang chung sống rất tự nhiên với con người trong các đầm tôm của người dân địa phương. Để được quan sát chim kĩ hơn, du khách cần chuẩn bị ống nhòm bởi bầy chim hoang dã rất khó có thể tiếp cận ở cự li gần. Du khách sẽ được nhóm hướng dẫn viên (cũng là cư dân địa phương) giới thiệu về sự đa dạng, phong phú của hệ sinh thái rừng ngập mặn. Đối tượng khách du lịch ưa thích loại hình này thường bao gồm cả khách nước ngoài và khách trong nước.

Tham quan nghiên cứu đa dạng sinh học tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên:

Không chỉ có điểm độc đáo là ga chim quốc tế với sự xuất hiện của các loài chim quý hiếm trên thế giới hội về đây vào các giai đoạn đông - xuân, Vườn quốc gia Xuân Thủy với diện tích rộng lên đến vài nghìn ha còn sở hữu được hệ sinh thái động thực vật cực kì đa dạng, phong phú của hệ sinh thái rừng ngập mặn ở vùng cửa sông Hồng hứa hẹn sẽ là những dấu ấn lắng đọng không thể bỏ quên với du khách khi đặt chân lên vùng đất này. Đến đây du khách có thể lên đài quan sát chim để có cơ hội quan sát rõ hơn hình dạng cũng như hoạt động kiếm mồi của bầy chim mà không hề làm kinh động gì đến chúng. Ngoài ra du khách có thể thuyền của Ban quản lý cũng như của người dân địa phương để quan sát thảm thực vật phong phú tại nơi đây. Để có hiểu biết rõ hơn về các loài chim tại nơi đây, du khách có thể thuê hướng dẫn viên của Ban quản lý để được thuyết minh, chỉ dẫn cụ thể. Du khách có thể cùng với người dân địa phương tham gia trải nghiệm hoạt động khai thác thủy hải sản tại vùng lõi để có cơ hội được nhìn tận mắt các loài vật tại nơi đây và có cơ hội giao lưu với người dân địa phương để hiểu nhiều hơn về các loài động thực vật nơi đây. Tuyến này thường thu hút được sự quan tâm của khách nước ngoài, còn nếu là khách trong nước thì thường là các đối tượng học sinh, sinh viên.

Tìm hiểu về đời sống, phong tục tập quán và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng địa phương:

Du khách sẽ có được cơ hội thăm quan khám phá đời sống của người dân địa phương. Qua các làng mới Tân Hồng và Điện Biên, du khách có cơ hội được khám phá cuộc sống tập nập của các ngư dân trên bến cá Giao Hải, thăm làng dệt lưới, làm nước mắm và chợ quê ở đây. Trên đường trực chạy dọc khu trung tâm của các xã vùng đệm du khách có thể ghé thăm các công trình kiến trúc độc đáo như: Nhà Bôi, Chùa chiền, Nhà thờ Thiên chúa giáo... Nếu may mắn gặp dịp lễ hội du khách có thể được chiêm ngưỡng những nét văn hóa dân gian thú vị và đặc sắc (hát chầu văn, bơi chải...) của một vùng quê giàu đẹp và yên bình.

*Một số tour du lịch vườn quốc gia Xuân Thủy:

Tour du khảo đồng quê 2 ngày 1 đêm: Nam Định – chùa Cổ Lễ – Giao Xuân

Ngày 1:

Sáng:

Thăm chùa Cổ Lễ – Nhà lưu niệm cố Tổng bí thư Trường Chinh là ngôi chùa có Đại Hồng Chung lớn nhất Việt Nam và có phong cách kiến trúc pha trộn kiểu Gò-tích của châu Âu, mang đậm dáng dấp Thiên Chúa Giáo. Nếu may mắn đi được vào ngày hội chùa (từ 13 đến 16 tháng 9 Âm lịch hàng năm) du khách sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng hoặc tham gia vào các trò chơi dân gian như đánh cờ người, đấu vật, đi cà kheo, tham gia lễ hành hương rước phật... đã có lịch sử hàng trăm năm từ thuở những cư dân đầu tiên đến vùng đất này với nghề chài lưới lập nghiệp mưu sinh, đặc biệt là được cổ vũ thành viên mà du khách ủng hộ trong cuộc thi bơi chải trên dòng sông uốn lượn quanh chùa.

Chiều:

Đến Giao Xuân – đi xe đạp thăm làng, chợ Chiều, lên đê Xuân Châu (xã Giao Xuân) xem các loài chim biển về ngủ đêm tại rừng sú vẹt.

Tối:

Tham gia giao lưu văn nghệ quần chúng và thưởng thức các tiết mục Chèo truyền thống do người dân địa phương biểu diễn. Du khách sẽ được đắm mình trong các làn điệu Chèo mượt mà mang đậm bản sắc địa phương để hiểu rõ hơn về các giá trị văn hóa phi vật thể của cư dân bản địa cùng với việc được nhấm nháp khoai lang luộc, uống nước vôi và các sản vật trong vườn chủ nhà. Ngoài ra du khách còn được có cơ hội múa sạp với người dân địa phương trong ánh lửa bập bùng trong đêm lửa trại đầy sôi động.

Nghỉ tại nhà dân. Giữa không gian yên bình, sạch sẽ, thoáng mát của một làng quê ven biển, được nghe chủ nhà trò chuyện về phong tục, tập quán, tín ngưỡng của mình bằng sự mộc mạc, chất phát sẽ giúp du khách cảm nhận được sự thú vị của loại hình du lịch dân dã này.

Ngày 2:

Sáng:

Du khách có thể lựa chọn thăm làng quê bằng xe đạp, xe máy thuê của Ban quản lý hay đi bộ.

Thăm vườn cây cảnh Vị Khê – Làng cây cảnh truyền thống hơn 800 năm tuổi nằm ven sông Hồng thuộc xã Điện Xá, huyện Nam Trực, nơi đây nổi danh với cây cảnh, cây thế, bonsai... được uốn tỉa chăm sóc công phu thành các dáng, thế đầy nghệ thuật và đẹp mắt

Thăm nhà thờ xứ Phú Ninh để thăm quan và hiểu hơn về đời sống sinh hoạt tôn giáo của người dân huyện Giao Thủy khi đại đa phần người dân theo đạo Thiên Chúa.

Thăm quan Nhà bồi – kiểu nhà dân gian truyền thống đặc trưng của cư dân khu vực ven biển của châu thổ sông Hồng.

Ăn trưa tại nhà dân. Tại đây du khách được phục vụ ăn uống với những bữa cơm gia đình hết sức đầm ấm cùng sự tiếp đón nồng hậu của chủ nhà. Du khách sẽ có dịp tìm hiểu về ẩm thực của một miền quê ven biển miền đồng bằng Bắc Bộ, được thưởng thức các món ăn dân dã và các đặc sản địa phương, có nhiều món ăn chỉ có ở đây. Nếu được ăn đặc sản thì du khách có thể được thưởng thức món nem nướng Giao Thủy chấm với nước mắm Sa Châu sẽ là hương vị khó quên cho bất kì ai từng thưởng thức món đặc sản đó ở nơi đây.

Chiều:

Thăm chợ quê Giao Hải, đây là khu chợ nằm giáp biển thuộc xã Giao Hải, đến đây du khách có cơ hội trải nghiệm không khí tấp nập của kẻ bán người mua với các sản phẩm chủ yếu là hải sản, những khoang thuyền đầy ắp cá cùng nét rạng rỡ trên gương mặt đen sạm vì nắng gió biển cả của những người dân chài gan dạ, dũng cảm sau một chuyến đi biển đầy thử thách. Một cảnh tượng thật đông vui, nhộn nhịp. Du khách sẽ được thoải mái mua sắm các loại hải sản tự nhiên được đánh bắt trực tiếp từ biển tấp nập hàng ngày của ngư dân miền biển xã Giao Hải.

Thăm xưởng sản xuất nước mắm xã Giao Châu để có cơ hội chiêm ngưỡng làng nghề nước mắm được sản xuất hoàn toàn thủ công những loại cực kì nổi tiếng thơm ngon và đảm bảo vệ sinh, đó là nước mắm đặc sản mang thương hiệu tỉnh Nam Định. Đến đây du khách có cơ hội được tham gia trải nghiệm một số quy trình sản xuất nước mắm, được nghe người dân sản xuất thuyết minh nhiều thông tin thú vị liên quan đến làng nghề và có cơ hội trực tiếp nếm thử vị ngon của loại nước mắm đặc sản này ngay tại nơi sản xuất. Đây là đồ chấm phù hợp nhất với đặc sản nổi tiếng nhất của huyện Giao Thủy - nem nướng Giao Thủy.

Cuối cùng du khách đi dọc con đê về Giao Xuân.

Tour hành trình Ramsar 2 ngày 1 đêm: Nam Định – Giao Xuân – Khu Ramsar Xuân Thủy

Ngày 1 :

Sáng:

Thăm chùa Cổ Lễ – Nhà lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh

Ăn trưa tại nhà dân xã Giao Xuân.

Chiều:

Đạp xe đi thăm làng. chợ Chiều để có dịp được mua các đồ ăn mang đậm tính địa phương và lên đê Xuân Châu (Giao Xuân) xem chim di trú về ngủ đêm tại rừng sù vẹt.

Tối:

Ăn tại nhà dân và tham gia giao lưu văn nghệ với các “nghệ sĩ dân gian” biểu diễn tại hội trường xã. Du khách sẽ có được cơ hội xem các tiết mục biểu diễn hát chèo, hát chầu văn hoặc cùng múa sạp với người dân.

Nghỉ tại nhà dân.

Ngày 2:

Xuất phát từ trụ sở Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy – lên thuyền ra sông Trà thăm Cồn Lu, Cồn Ngạn – xem một số loài chim di trú trong rừng ngập mặn.

Ăn trưa tại cồn Lu cùng các cán bộ Đoàn Biên phòng 84 để có thể được thưởng thức các đồ ăn thủy hải sản được đánh bắt trong khu vực lõi của Vườn, tiêu biểu là món ngao Xuân Thủy- sản vật của người dân địa phương nuôi trồng ở vùng cửa sông Hồng trong khu vực vườn quốc gia.

Thăm hải đăng Ba Lạt để chiêm ngưỡng toàn bộ sinh cảnh hệ sinh thái đất ngập nước vùng cửa sông .

Tham gia hoạt động nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ theo hướng bền vững dưới sự hướng dẫn của người dân bản địa.

2.3.3. Thực trạng về phát triển cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch và cơ sở hạ tầng

Huyện Giao Thủy có lợi thế phát triển du lịch với khu du lịch biển Quát Lâm và Vườn quốc gia Xuân Thủy. Tuy nhiên, những năm qua việc kêu gọi đầu tư phát triển du lịch ở Giao Thủy vẫn chưa tương xứng với tiềm năng. Trước thực trạng trên, huyện Giao Thủy đang nỗ lực kêu gọi các nhà đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn.

Để phát triển kinh tế du lịch, những năm qua huyện Giao Thủy đã triển khai nhiều dự án đầu tư nâng cao chất lượng hạ tầng du lịch, hệ thống cơ sở lưu trú du lịch phục vụ du khách. Trong năm 2019 trên địa bàn huyện hiện có 196 cơ sở lưu trú du lịch với 1.209 buồng, phòng; 9 khách sạn được xếp hạng; trong đó có 4 khách sạn 2 sao: Minh Hải, Minh Thu, Minh Hạnh 2, Minh Hạnh 3 và 5 khách sạn 1 sao và 11 nhà nghỉ bình dân. Cơ sở lưu trú ở đây vẫn còn nghèo nàn và quy mô nhỏ, chưa đáp ứng được lượng khách du lịch đông đảo trong mùa du lịch. Hệ thống dịch vụ trong các cơ sở lưu trú trên vẫn còn hạn chế, chưa có các dịch vụ cao cấp để đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của khách du lịch.

Tại điểm du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy, Hợp tác xã du lịch sinh thái Giao Xuân với sự tham gia của 12 hộ kinh doanh đã đầu tư xây dựng 2 nhà sàn mái lá giữa rừng phi lao, chòi quan sát, bãi cắm trại du lịch làm điểm dừng chân nghỉ ăn trưa cho du khách trên đảo Cồn Lu, xây dựng bến cập tàu tại đảo Cồn Lu đón khách đi tàu biển từ Quát Lâm thăm Vườn quốc gia Xuân Thủy với tổng kinh phí hàng trăm triệu đồng.

Số hộ dân tham gia vào loại hình du lịch homestay hiện nay còn ít (mới chỉ có 20 hộ). Vì vậy có rất nhiều khách du lịch băn khoăn khi chọn loại hình du lịch này vì họ lo sẽ hết chỗ ở khi đến. Một số tour du lịch cũng không chọn loại hình này vì họ lo sẽ không được đáp ứng đủ điều kiện ăn nghỉ. Thực tế chất lượng dịch vụ của du lịch cộng đồng còn thấp, nhất là tiện nghi phòng ở và điều kiện vệ sinh.

Một số khách sạn nhà nghỉ ở huyện Giao Thủy: Khách sạn Chuyên Gia, khách sạn Ánh Dương, khách sạn Cồn Nhất, khách sạn Hải Âu, nhà nghỉ Hương Quê, nhà nghỉ Biển Đông, nhà nghỉ Hà Nội, nhà nghỉ Plaza Trường Xuân...

Một số nhà hàng ở huyện Giao Thủy: Nhà hàng Nhật Hương, nhà hàng Thê Giao, nhà hàng Sông Quê Hồng Thuận, nhà hàng Hùng Oanh...

Các nhà hàng ở đây đều có không gian đẹp với lối kiến trúc đồng quê hài hòa với tự nhiên, phục vụ nhiều món ăn địa phương ngon, hấp dẫn, bổ dưỡng, sạch sẽ với giá cả bình dân. Hệ thống nhà hàng ở đây được xây dựng nhiều, có khoảng 20 nhà hàng, trong đó Ban quản lý Vườn còn có một nhà hàng có thể tổ chức phục vụ các món ăn địa phương với giá bình dân. Nhà hàng này có thể phục vụ 200 suất ăn. Đó là những món ăn được chế biến từ những loại thủy hải sản do người dân địa phương khai thác được trong khu vực vườn quốc gia như Tôm, cua, cá, ngao, mực... Món ăn không chỉ ngon, rẻ, đảm bảo vệ sinh mà cách trang trí cũng được vô cùng coi trọng. Hơn thế nữa, du khách còn có thể thưởng thức các món ăn được chế biến từ các sản phẩm do chính vườn quốc gia phối hợp với Viện Tài nguyên duyên hải Á Châu (CORIN – Asia) tại Việt Nam hỗ trợ cộng đồng, như các món ăn chế biến từ nấm tươi hay khô (Sản phẩm của Dự án phát triển kinh tế trồng nấm); mật ong (sản phẩm của Dự án hỗ trợ nghề nuôi ong), các loại hoa quả như Nhãn trái mùa, vải muôn, thanh long ruột đỏ, bưởi Diễn...(sản phẩm của Dự án hỗ trợ phát triển VAC). Nhà hàng có thể phục vụ cho các du khách với giá cả đặc biệt hoặc các du khách cũng có thể thỏa thuận trước với nhà hàng. Tuy những món ăn ở đây sẽ mang đậm tính cộng đồng nhưng nhà hàng cũng sẽ cố gắng phục vụ những món mà du khách yêu cầu.

Các dịch vụ vui chơi giải trí ở đây còn quá ít. Các hoạt động văn nghệ truyền thống không nhiều nên du khách thường không thật sự hài lòng với loại hình du lịch này.

2.3.4. Thực trạng sử dụng nhân lực cho phát triển du lịch sinh thái

So với các ngành kinh tế khác, du lịch còn là một ngành kinh tế rất non trẻ của Giao Thủy, trong đó vấn đề đáng được quan tâm là ngành du lịch của huyện đang rất thiếu nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn nghề nghiệp và trình độ quản lý.

Đối tượng được đào tạo chủ yếu từ trước đến nay là chủ các cơ sở kinh doanh và người quản lý các nhà hàng, khách sạn; hình thức đào tạo chủ yếu qua các lớp tập huấn, bồi dưỡng ngắn hạn. Do đó phần lớn lực lượng lao động trong ngành du lịch còn mang tính thời vụ, thiếu chuyên nghiệp; văn hoá ứng xử và trình độ nghiệp vụ chưa đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Có một thực tế đặt ra là các nhà đầu tư thường xem việc xây dựng cơ sở vật chất là điều kiện đầy đủ để đi vào hoạt động kinh doanh mà ít ai coi trọng việc đào tạo tay nghề cho nhân viên để phục vụ trong các cơ sở đó. Tình trạng xây xong cơ sở vật chất mới tuyển nhân viên và không tuyển được người có năng lực chuyên môn, dẫn đến tình trạng khách sạn thì hiện đại nhưng nhân viên thì yếu kém. Một số doanh nghiệp nhà hàng, khách sạn có khuynh hướng xem trọng nhân viên quản lý, xem thường nhân viên phục vụ và lễ tân. Do quan niệm đó nên việc huấn luyện chuyên môn cũng như chế độ lương bổng cho nhân viên bồi bàn không được quan tâm đúng mức, khiến đội ngũ này làm việc không ổn định. Chủ các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch chưa nhận thức được rằng đội ngũ nhân viên cấp dưới mới là những người thường xuyên giao tiếp phục vụ khách. Chính họ mới là người làm cho khách cảm thấy hài lòng hay khó chịu, họ mới là người để du khách đánh giá về chất lượng dịch vụ chứ không phải là chủ cơ sở hay

người quản lý.
Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển du lịch bền vững, Nghị quyết số 05- NQ/HU ngày 01/3/2011 của Ban chấp hành Đảng bộ huyện Giao Thủy khóa XXIV về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển giai đoạn 2011- 2015, Đề án phát triển du lịch huyện Giao Thủy giai đoạn 2011- 2015 tầm nhìn 2020 của Ủy Ban Nhân Dân huyện đều đã xác định rõ mục phương hướng, mục tiêu phát triển du lịch Giao Thủy trong những năm tới là: Phát triển du lịch bền vững, hiệu quả kinh tế cao gắn với bảo vệ môi trường và đảm bảo vững chắc an ninh-quốc phòng; đa dạng hoá sản phẩm du lịch, chú trọng đào tạo lực lượng lao động tại chỗ, không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ, từng bước phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp hóa nhằm tăng sức hấp dẫn cho du lịch Giao Thủy.

Song song với công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ lao động trong ngành du lịch, huyện chủ trương phối hợp với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện triệt để việc phân loại xếp hạng các cơ sở kinh doanh lưu trú du lịch trên địa bàn huyện theo Bộ Tiêu chuẩn Quốc gia về phân loại, xếp hạng cơ sở lưu trú du lịch. Từ đó buộc các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch phải thực hiện chuẩn hóa đội ngũ lao động để đáp ứng với các tiêu chí, tiêu chuẩn xếp hạng theo quy định.

Năm 2018, Phòng Văn hóa - Thông tin huyện phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ chuyên môn cho đội ngũ lao động du lịch trực tiếp ở 150 cơ sở kinh doanh lưu trú, các ki-ốt ven biển. Đến nay, toàn huyện có 1.120 lao động du lịch trực tiếp, trong đó 55% lao động qua đào tạo (theo “baonamdinh.com.vn”). Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy hiện nay có 5 hướng dẫn viên du lịch sinh thái, được tập huấn và có hiểu biết sâu rộng về các loài chim trong vườn để có thể thuyết minh cho khách. Ngoài ra, còn có đội ngũ hướng dẫn viên địa phương tham gia phục vụ du lịch cộng đồng ở các xã vùng đệm. Đại đa số các cán bộ trong Ban quản lý Vườn đã từng tham gia các Hội thảo và Tập huấn nghiệp vụ trong nước và quốc tế ở Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Nam, Bắc Cạn, Nhật Bản, Thái Lan, Lào, Đan Mạch...Có khá nhiều người đã được đào tạo Anh ngữ do các Tình nguyện viên quốc tế trực tiếp giảng dạy. Năm 2018, Ban quản lý Vườn quốc gia đã lập thêm Ban giáo dục môi trường và Dịch vụ môi trường với 3 thành viên (1 trưởng ban và 2 thành viên) để điều hành và tổ chức hoạt động du lịch sinh thái trong khu vực. Ngoài ra, đơn vị cũng thường thuê khoán công nhân lao động phổ thông theo mùa vụ để nâng cao chất lượng các dịch vụ cung cấp (theo “vuonquocgiaxuanthuy.org.vn”).

Trung tâm bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng (MCD) đã mời các giáo viên của trường dạy nghề Hoa Sữa đến tận nơi hướng dẫn bà con cách dọn phòng, nấu ăn, phục vụ khách nhằm xây dựng nguồn nhân lực phục vụ du lịch Homestay. Hiện nay, đang có khoảng trên 80 hộ tham gia cung cấp các dịch vụ du lịch tại khu vực: Lưu trú, ăn uống, vận chuyển khách, hướng dẫn viên...Những người dân tham gia phục vụ du lịch chủ yếu là nữ giới. Trước khi làm du lịch, hầu hết họ chỉ thạo việc cấy hái hoặc vào Vườn quốc gia tìm sản vật. Từ khi tham gia hợp tác xã, họ được cán bộ MCD tập huấn các kỹ năng làm du lịch (học tiếng Anh, nấu ăn, hướng dẫn viên, tổ chức dịch vụ lưu trú homestay) và nhắc nhở khách bảo vệ môi trường. Các hoạt động của họ chủ yếu gồm

hướng dẫn du khảo đồng quê vùng đệm, du khảo vườn quốc gia, tổ chức lưu trú qua đêm, biểu diễn văn nghệ dân gian và phục vụ dịch vụ ẩm thực hải sản tươi sống...

2.4.Đánh giá những thuận lợi khó khăn khi phát triển du lịch sinh thái ở Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định

2.4.1.Thuận lợi – tích cực:

Hệ sinh thái vườn quốc gia Xuân Thủy không những phong phú về số lượng mà còn đa dạng về thành phần loài. Nơi đây có cảnh quan rừng ngập mặn bao la hùng vĩ và là nơi dừng chân của rất nhiều loài chim quý hiếm trên thế giới được ghi vào trong sách đỏ quốc tế.

Ngoài khung cảnh thiên nhiên hoang sơ với hệ động thực vật phong phú, các loài chim quý hiếm thì các xã vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy còn có đặc sản nem nếm Giao Thủy chấm nước mắm Sa Châu là một đặc sản khó quên của bất kỳ du khách nào từng đặt chân đến đây.

Với sự hỗ trợ và tư vấn của các tổ chức phi Chính phủ và các quỹ bảo tồn như: JICA, UNESCO, MCD, CORIN-Asia, MFF, UNDP, VCF , Birdlife, IUCN, Ramsar, WWF... Vườn quốc gia Xuân Thủy đã triển khai khá nhiều chương trình, dự án như Chương trình liên minh đất ngập nước (WAP); dự án phát triển cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học tại Việt Nam; dự án tăng cường năng lực và hỗ trợ thực hiện cơ chế chia sẻ lợi ích... bước đầu đem lại những thành công nhất định góp phần bảo tồn bền vững nguồn tài nguyên thiên nhiên và phát triển cộng đồng. Vườn quốc gia cũng chú trọng đến công tác tuyên truyền giáo dục môi trường cho cộng đồng địa phương, góp phần nâng cao nhận thức về lợi ích của công tác phục hồi, bảo vệ rừng ngập mặn nói riêng và bảo vệ tài nguyên môi trường nói chung. Từ đó hình thành ý thức trân trọng rừng ngập mặn và thiên hướng sử dụng khôn khéo và bền vững nguồn tài nguyên đất ngập nước quý giá của cư dân vùng cửa sông ven biển ở Trung tâm đồng bằng châu thổ sông Hồng.

Vườn quốc gia Xuân Thủy có lợi thế để phát triển du lịch cả bốn mùa. Mùa hè cũng như các điểm du lịch khác Xuân Thủy có thể đón nhận du khách thăm cảnh quan nơi rừng giao hòa với biển, khách đến vườn quốc gia mùa này chủ yếu là khách trong nước đến để xem hệ sinh thái đất ngập nước và thưởng thức hải sản địa phương. Vào mùa đông các điểm du lịch khác gần như đóng cửa thì Xuân Thủy lại nhộn nhịp với các tour xem chim, trong giai đoạn mùa chim di trú từ tháng 10 đến tháng 4 đó thì ngoài khách trong nước ra thì đã có thêm rất nhiều khách nước ngoài và họ chủ yếu đến vườn quốc gia trong giai đoạn này. Đã có rất nhiều khách quốc tế lựa chọn khu Ramsar Xuân Thủy để thực hiện tour du lịch sinh thái xem chim lí thú của mình.

Tuyến đường độc đạo kết nối vùng lõi và vùng đệm của Vườn quốc gia Xuân Thủy đã được tu sửa lại. Trang thiết bị trong khu vực nhà khách của Vườn quốc gia mới đầu còn rất nghèo nàn, thiếu thốn thì bây giờ đã khá đầy đủ và hiện đại. Hai bảo tàng tự nhiên và

đồng quê trong huyện được đầu tư quy mô và có rất nhiều hiện vật trưng bày phong phú giúp du khách có cơ hội tìm hiểu mọi thứ về Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Vườn Quốc gia Xuân Thủy trong thời gian qua đã được quảng bá trên kênh sóng vtv1 lúc 20:05 tối trong chương trình “S Việt Nam- vẻ đẹp tiềm ẩn” với thời hạn 4’41” và được đăng lên mạng qua các trang tin tức được nhiều người biết đến như Tin tức 24h (www.24h.com.vn) hay zing.vn (news.zing.vn) .

2.4.2. Khó khăn – hạn chế:

Hoạt động du lịch tại Vườn quốc gia Xuân Thủy vẫn còn đang ở mức tiềm năng nên hoạt động du lịch ở đây chưa phát triển. Việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng du lịch ở Giao Thủy vẫn còn khó khăn, sự phát triển du lịch của huyện còn chậm, quy mô nhỏ, chưa phát huy được tiềm năng và lợi thế để tạo bước phát triển tương xứng. Điều kiện cơ sở hạ tầng du lịch tại Vườn quốc gia Xuân Thủy và các xã vùng đệm còn đơn giản, chưa quy hoạch chi tiết phân khu chức năng như bến tàu, thuyền, luồng lạch, cơ sở dịch vụ lưu trú, phương tiện chuyên chở... đáp ứng nhu cầu tham quan, ăn nghỉ của du khách. Trên địa bàn huyện cũng như các xã vùng lõi của vườn quốc gia hiện nay vẫn còn thiếu các khu vui chơi giải trí, khu bán hàng lưu niệm để phục vụ du khách. Giao thông đi đến vườn còn khó khăn nên mất nhiều thời gian của du khách. Các sản phẩm dịch vụ phục vụ khách du lịch chưa đa dạng, dẫn đến doanh thu của các cơ sở kinh doanh dịch vụ tại các khu, điểm du lịch chưa cao. Hệ thống nhà hàng xây dựng nhiều nhưng quy mô và chất lượng phục vụ chưa đáp ứng nhu cầu, đặc biệt là đối với khách du lịch có thu nhập cao. Các khách sạn, khu nghỉ dưỡng cao cấp còn bị thiếu hụt. Đa số là các cơ sở lưu trú quy mô nhỏ, số lượng cũng như chất lượng phòng nghỉ chưa đạt chuẩn. Rất khó bố trí nơi nghỉ ngơi có thể đáp ứng được yêu cầu của các khách du lịch khi họ đến đây. Những hạn chế đó đã ảnh hưởng đến việc thu hút du khách đến tham quan cũng như không kéo dài thời gian lưu trú của khách. Do các cơ sở lưu trú là các khách sạn, nhà nghỉ cấp thấp hoặc là nhà dân nên các dịch vụ bổ trợ như bể bơi, xông hơi, massage,... còn hạn chế hoặc gần như không có. Vấn đề vệ sinh tại các cơ sở lưu trú đang rất cần được quan tâm. Các nhà nghỉ homestay còn ít do lượng người dân tham gia vào loại hình này chưa nhiều, các trang thiết bị phục vụ và quy mô của các loại hình nhà nghỉ homestay tại đây còn nghèo nàn, chưa được tiện nghi để đáp ứng được các yêu cầu phong phú của du khách.

Lực lượng lao động phục vụ du lịch tại đây còn thiếu tính chuyên nghiệp, chưa đáp ứng được tiêu chuẩn phục vụ du lịch của quốc tế. Tỷ lệ lao động du lịch qua đào tạo còn ở mức thấp. Lực lượng hướng dẫn viên của Ban quản lý cũng như của cộng đồng dân cư tham gia vào phục vụ du lịch sinh thái cộng đồng còn ít.

Các sản phẩm du lịch còn hạn chế, chưa được đầu tư nhiều để đáp ứng nhu cầu vui chơi, mua sắm của du khách dẫn đến nguồn thu cho hoạt động du lịch tại khu vực còn chưa nhiều.

Các hoạt động quảng bá, xúc tiến, tìm kiếm, khai thác thị trường khách du lịch chưa được đầu tư nhiều, thiếu đồng bộ.

Lượng khách du lịch trong nước và quốc tế đến Vườn đông dần qua từng năm nhưng còn ở mức rất khiêm tốn. Các sản phẩm, mặt hàng du lịch ở đây còn nghèo nàn, chưa hấp dẫn thu hút được cho du khách nên chưa khiến du khách chi tiêu nhiều, khiến cho doanh thu từ hoạt động du lịch không cao.

Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các điểm du lịch tăng lên. Trong khu du lịch xuất hiện các chất thải rắn, rác thải, nước thải chưa thu hồi, xử lý triệt để, cho nên nguy cơ ô nhiễm cục bộ và tái ô nhiễm sau xử lý vẫn xảy ra. Nhiều đoàn khách sau khi đi thăm quan về để lại nhiều rác thải như giấy rác, vỏ bánh kẹo, bao túi ni lông vứt ngổn ngang trên cồn Lu, trôi lều phều dưới lòng sông Hồng. Bên cạnh đó, các nhà vệ sinh công cộng tại điểm du lịch vẫn còn thiếu, nhiều nơi xuống cấp, trang thiết bị phục vụ không đảm bảo chất lượng an toàn cho du khách. Sự phát triển du lịch cũng làm gia tăng mức độ tắc nghẽn giao thông, ô nhiễm không khí, nước, tiếng ồn, thay đổi cảnh quan thiên nhiên và ảnh hưởng xấu đến môi trường sống của các loài sinh vật.

Biến đổi khí hậu, nước biển dâng có thể gây tiêu cực tới mục tiêu quản lý của vườn. Mực nước biển dâng lên cùng với cường độ của bão sẽ làm thay đổi thành phần của trầm tích, độ mặn và mức độ ô nhiễm của nước, làm suy thoái và đe dọa sự sống còn của rừng ngập mặn và các loài sinh vật trong đó. Nước biển dâng cao có thể làm nước mặn xâm nhập sâu vào đất liền, giết chết nhiều loài động thực vật nước ngọt, ảnh hưởng xấu đến nguồn nước ngọt phục vụ cho trồng trọt và sinh hoạt của các xã vùng đệm. Nhiệt độ tăng làm nguồn thủy, hải sản bị phân tán. Các loài cá nhiệt đới (kém giá trị kinh tế- trừ cá ngừ) tăng lên, các loài cá cận nhiệt đới (giá trị kinh tế cao) giảm. Biến đổi khí hậu với các hệ quả của nó như lũ lụt, hạn hán, cháy rừng, xói mòn và sụt lở đất sẽ thúc đẩy sự suy thoái đa dạng sinh học nhanh hơn, trầm trọng hơn, tăng nguy cơ tuyệt chủng của động, thực vật, làm biến mất các nguồn gen quý, hiếm.

Tiểu kết chương 2

Trong phần 2, chúng ta đã thấy được những tiềm năng để phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, cụ thể là các điều kiện về cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, tài nguyên du lịch sinh thái gồm sự phong phú đa dạng của tài nguyên du lịch thiên nhiên và sự đặc sắc của nền văn hóa bản địa, nguồn nhân lực phục vụ du lịch của địa phương và các chính sách bảo tồn, xúc tiến quảng bá và đầu tư phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia. Chúng ta cũng được biết cả về thực trạng phát triển du lịch sinh thái tại Vườn trong những năm gần đây để nhờ đó có tiền đề quan trọng nhằm đưa ra những định hướng, giải pháp hợp lý nhằm phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy cho tương xứng với tiềm năng trong tương lai.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI TẠI VƯỜN QUỐC GIA XUÂN THỦY, NAM ĐỊNH

3.1. Định hướng phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Xuân Thủy

Định hướng nhằm bước đầu cần nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái và đa dạng hóa các loại hình du lịch sinh thái để đáp ứng nhiều hơn các mong muốn đa dạng của du khách, cuốn hút họ bằng nhiều hoạt động du lịch sinh thái khác nhau được tổ chức trong khu vực Vườn với chất lượng các sản phẩm phục vụ du lịch đạt chuẩn. Một khi các hoạt động du lịch ở đây được phát triển phong phú từ quy mô đến thứ hạng thì Ban quản lý cần có chính sách thu hút vốn đầu tư nhằm thúc đẩy nhanh chóng công tác xây dựng và hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật và cơ sở hạ tầng để đáp ứng được những nhu cầu thiết yếu cho khách du lịch khi đến tham quan tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, nhằm đáp ứng những nhu cầu thiết yếu cho du khách như chỗ ăn, chỗ ở, đường xá, phương tiện đi lại cho du khách thì du lịch phải đa dạng hóa các cơ sở dịch vụ, các khu vui chơi giải trí cho khách, tạo điều kiện cho khách có thể lưu trú dài ngày và giúp tăng doanh thu cho khu du lịch. Hoạt động khai thác và phát triển du lịch phải đảm bảo tính bền vững, giữ gìn và bảo vệ tài nguyên du lịch tự nhiên, môi trường sinh thái và các giá trị tài nguyên du lịch nhân văn, không làm mất cảnh quan của khu du lịch sinh thái. Đầu tư phát triển và khai thác phải gắn liền với hoạt động tôn tạo, bảo tồn. Tăng cường đầu tư để khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy phát triển mạnh trở thành trọng điểm du lịch của tỉnh Nam Định để thông qua đó tạo công ăn việc làm cho người dân địa phương, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, có những chính sách thỏa đáng và chia sẻ lợi ích thu được từ du lịch cho cộng đồng địa phương, phát huy được tinh thần và ý thức làm chủ của người dân địa phương, giúp cho người dân nhận thức được lợi ích từ du lịch và làm những việc có ích cho sự phát triển của du lịch. Tăng cường các hoạt động xúc tiến, quảng bá hình ảnh Vườn quốc gia Xuân Thủy đến các thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế biết đến và muốn đến tham quan du lịch thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, người dân địa phương, khách du lịch và thông qua đội ngũ hướng dẫn viên. Xây dựng các tuyến, tour du lịch ngoại tỉnh và nội tỉnh kết nối với Vườn quốc gia Xuân Thủy nhằm làm đa dạng điểm tham quan cho các tour du lịch, tăng số lần khách đến tham quan Vườn quốc gia Xuân Thủy từ các tour du lịch tham quan khác diễn ra nhiều hơn từ các mảng thị trường khách du lịch khác nhau. Hoạt động du lịch tại khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy sẽ tạo điều kiện phát triển kinh tế cho các ngành khác.

3.2. Giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy, Nam Định

3.2.1. Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái và đa dạng hóa các hoạt động du lịch sinh thái.

Để thu hút được khách du lịch đến Vườn quốc gia Xuân Thủy, Ban quản lý cần tạo lập các sản phẩm du lịch sinh thái độc đáo. Với đặc điểm của Vườn quốc gia Xuân Thủy có thể phát triển các hoạt động du lịch sinh thái sau:

Săn bắt cá, câu cá, câu cua: Ban quản lý có thể tổ chức loại hình du lịch này dựa trên sự quy hoạch cụ thể ở các khu vực câu cá được khoanh vùng giành riêng cho du khách. Việc vừa câu cá, câu cua vừa được tận hưởng bầu không khí trong lành của thiên nhiên nơi Vườn quốc gia, tận hưởng các luồng gió mát từ biển vào, được phóng tầm mắt chiêm ngưỡng vẻ đẹp kì vĩ tươi đẹp của Vườn quốc gia cũng như được tận hưởng niềm vui khi câu thành công được những con cá, con cua mà khó khăn lắm mới câu được hứa hẹn sẽ là trải nghiệm hấp dẫn khó quên cho du khách.

Du lịch làng nghề: Hiện nay, Ban quản lý mới chỉ tổ chức chuyến tour tới làng nghề nước mắm Sa Châu chứ chưa tổ chức các tour du lịch đến các làng nghề mới xuất hiện như các trang trại nuôi ong, trồng nấm sò. Đây là hai mặt hàng mới độc đáo mang đậm dấu ấn địa phương và đã mang lại thu nhập lớn giúp cải thiện cuộc sống người dân. Du khách đến đây có thể tham quan được mô hình nuôi ong, trồng nấm quy mô lớn của người dân địa phương, được người dân địa phương kể về quy trình sản xuất và được mua trực tiếp các sản phẩm đó để làm quà lưu niệm cho mình hoặc cho người thân, bạn bè. Ngoài ra có thể tổ chức chuyến đi tham quan làng nghề muối Bạch Long thuộc xã Bạch Long trong cùng huyện Giao Thủy- đây là cánh đồng muối rất nổi tiếng với dân nhiếp ảnh khi họ thường tới đây vào buổi chiều để ghi lại hình ảnh diêm dân thu hoạch muối trong ánh hoàng hôn, đồng thời, Bạch Long còn là xã độc canh sản xuất muối lớn nhất huyện Giao Thủy với tổng sản lượng muối hằng năm ước đạt hàng chục ngàn tấn- đến đây du khách sẽ có cơ hội chiêm ngưỡng sự bao la của cánh đồng muối và tận mắt theo dõi quy trình làm muối, từ việc dẫn nước biển vào lạch, tưới nước lên sân cát, phơi cát, gom cát đưa vào bể lọc làm ra nước chạt, rồi từ nước chạt làm ra hạt muối. Kết hợp với việc tham gia một số tuyến điểm khác sẽ tạo sự hấp dẫn đa dạng cho du khách.

Du lịch nghỉ dưỡng, giải trí: Vườn quốc gia Xuân Thủy có hệ động thực vật đa dạng dưới cánh rừng bao la và nền văn hóa độc đáo đặc sắc của cư dân địa phương sẽ là nơi phù hợp để phát triển du lịch nghỉ dưỡng giải trí. Loại hình du lịch này có thể thu hút viên chức, doanh nhân quốc tế cũng như nội địa sau những ngày làm việc căng thẳng đến nghỉ dưỡng.

Du lịch lễ hội: Các xã vùng đệm vườn quốc gia Xuân Thủy có nền văn hóa đặc sắc của cư dân ven biển đồng bằng sông Hồng. Cần chú trọng khai thác các lễ hội của cư dân bản địa như: đấu vật, đi cà kheo, tham gia lễ hành hương tôn giáo, bơi chải... Du khách được tham gia loại hình này để họ có thể cảm nhận được chính họ là thành viên của cộng đồng để họ ra về và còn nhớ mãi đến Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Trồng cây lưu niệm: Các hãng lữ hành, cộng đồng địa phương sẽ tổ chức cho du khách tham gia trồng cây lưu niệm, cụ thể là trồng rừng ngập mặn ở vùng cửa sông ven biển vừa để bảo tồn tài nguyên rừng tại đây vừa để tạo cho du khách ấn tượng đối với điểm du lịch và nâng tinh thần trách nhiệm của du khách với điểm du lịch sinh thái.

Du lịch kinh doanh: Là loại hình kết hợp trong chuyến đi vì mục đích kinh doanh. Trong thời gian tới, Các cấp chính quyền tại huyện Giao Thủy cũng như Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy cần đầu tư mạnh mẽ để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại đây. Khi khách đến du lịch thì hoạt động kinh tế sẽ tăng theo, đây là nguồn du khách giúp tăng thu ngân sách địa phương một cách đáng kể.

Bên cạnh đa dạng hóa các sản phẩm du lịch sinh thái thì cũng cần nâng cao chất lượng sản phẩm. Vườn quốc gia Xuân Thủy có hệ sinh thái động thực vật phong phú vì vậy mọi công trình khi được xây dựng ở đây cần được tính đến việc không làm ảnh hưởng xấu đến hệ sinh thái khu vực. Các cơ sở lưu trú du lịch ở đây phải đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, tiện nghi và có không gian đẹp. Lực lượng lao động trong lĩnh vực du lịch cần nhiệt tình, lịch sự, niềm nở để tạo ấn tượng tốt đẹp cho du khách, khiến cho khách có thể quay trở lại nhiều lần hơn. Hoạt động phục vụ du lịch cần được quản lý chặt chẽ, thường xuyên được thanh kiểm tra để có được chất lượng phục vụ tốt nhất cho du khách. Các món ăn được chế biến trong các nhà hàng cần đa dạng, phong phú từ các món ăn bình dân mang đậm chất địa phương như thủy hải sản hoặc các món ăn khác theo yêu cầu riêng của từng khách đến nét độc đáo của món ăn đặc sản địa phương như nem nắm Giao Thủy chấm nước mắm Sa Châu nhằm đáp ứng nhu cầu ẩm thực của du khách. Chất lượng thực phẩm phải đảm bảo vệ sinh để đảm bảo sức khỏe cho du khách. Tàu thuyền phục vụ chuyên chở khách du lịch trong Vườn quốc gia cần phải được kiểm tra thường xuyên để đảm bảo an toàn tính mạng cho hành khách trên tàu. Trên tàu thuyền phải sạch sẽ, có đầy đủ áo phao cung cấp cho khách du lịch và chèo vừa đủ khách để tránh tình trạng chìm tàu gây nguy hiểm cho cả đoàn. Lượng xe đạp, xe máy phục vụ các chuyến du khảo đồng quê của Ban quản lý cho du khách thuê cần phải được kiểm tra tình trạng hao mòn nhằm sửa chữa kịp thời, nếu cần có thể tăng số lượng xe cho các đoàn khách lớn trong các mùa du lịch cao điểm nhằm tình trạng thiếu xe khi khách quá đông. Các mặt hàng lưu niệm trong khu du lịch cần mang đậm nét địa phương, do người dân địa phương sản xuất, các sản phẩm cần đa dạng nhằm đáp ứng nhu cầu mua sắm của phần đông du khách nhằm tạo ấn tượng khó quên cho du khách từng du lịch đến đây và họ cũng sẽ dùng những sản phẩm đó để cho bạn bè, người thân họ biết đến Vườn quốc gia Xuân Thủy và lượng khách du lịch đến đây nhờ đó có thể tăng lên. Giá cả các mặt hàng lưu niệm cũng phải hợp lý với mẫu mã, hình dáng và chất lượng sản phẩm, tránh tình trạng chèo kéo, chặt chém khách du lịch.

3.2.2. Cải thiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch

Để phát triển cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch trong tương lai, Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy cần có chính sách đầu tư thông thoáng, kiến tạo và hoàn thiện thêm một số cơ sở pháp lý, kinh tế ổn định để thu hút các doanh nghiệp, người dân đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển các cơ sở lưu trú, các khu vui chơi giải trí một cách đồng bộ để nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch sinh thái, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của du khách, góp phần vào sự phát triển ngành du lịch tỉnh. Cần khuyến khích đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước (cả khu vực nhà nước lẫn tư nhân) tham gia đầu tư xây dựng phát triển du lịch theo quy hoạch và có dự án đầu tư cụ thể. Địa phương quy hoạch chi tiết từng dự án du lịch. Tổ chức đấu thầu kinh doanh du lịch cho tất cả các thành phần kinh tế cùng tham gia và xây dựng quy hoạch chung. Cần đẩy nhanh tiến độ cổ phần hóa, hình thành các công ty cổ phần đại chúng trong hoạt động du lịch nhằm thu hút vốn đầu tư lớn của cộng đồng dân cư để khai thác tiềm năng du lịch sẵn có. Cổ phần hóa có tính xã hội cao và sự quan tâm lợi ích cộng đồng là hai đặc trưng cơ bản mang tính nguyên tắc của sự phát triển bền vững. Cần đầu tư nâng cấp các hệ thống nhà hàng khách sạn, các cơ sở vui chơi giải trí để thu hút lượng khách du lịch ở Vườn quốc gia Xuân Thủy nhiều hơn. Các khách sạn cần được nâng cấp thêm các dịch vụ tiện ích như spa, bể bơi, ... nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách. Ngoài ra, các cơ sở kinh doanh lưu trú cần nâng cấp cơ sở vật chất phù hợp các quy chuẩn kinh doanh trong hoạt động du lịch. Tăng cường tìm hiểu nhu cầu, thị hiếu của khách du lịch để có chiến lược kinh doanh phù hợp. Cần đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật như bãi đậu xe, nhà khách, các biển chỉ dẫn, các trạm điện thoại công cộng, tăng cường vốn đầu tư phát triển cho du lịch như xây dựng phát triển hệ thống nhà hàng, quán ăn bình dân, quán cà phê, các dịch vụ karaoke, khu vui chơi giải trí, quán bar, các trung tâm thương mại phục vụ việc mua sắm của khách để thu hút khách đến nhiều hơn. Các công trình này cần được xây dựng theo lối kiến trúc hòa hợp với cảnh quan tự nhiên của vùng và được quy hoạch cẩn thận để không được làm xấu cảnh quan của vùng và không gây ra tác động xấu đến môi trường xung quanh (tiếng ồn, rác thải...). Hệ thống các món ăn trong các hệ thống nhà hàng cần đa dạng, phong phú, từ các món ăn bình dân đến các món ăn đặc sản địa phương để đáp ứng nhu cầu thưởng thức ẩm thực đa dạng của du khách. Trong các cơ sở phục vụ du lịch có thể sử dụng các mặt hàng thủ công truyền thống của địa phương để tạo cho khách sự thân thiện, thoải mái, ấn tượng với văn hóa địa phương, tạo ra sự độc đáo với các vùng khác. Đầu tư xây dựng thêm hệ thống đường xá để tăng sự thuận lợi và rút ngắn khoảng cách đến Vườn, xây sửa lại các con đường đã xuống cấp, hạn chế đến mức thấp nhất việc bê tông hóa các con đường trong khu du lịch sinh thái. Cần chú trọng tới việc xây dựng hệ thống công trình vệ sinh, hệ thống cấp nước sạch để đáp ứng cho khách tham quan. Với quy mô của huyện Giao Thủy thì có thể xây dựng thêm một resort đẳng cấp quốc tế để phục

vụ lưu trú cho khách du lịch với hệ thống lưu trú gắn gũi, hòa hợp với tự nhiên, thường thức thêm nhiều dịch vụ và có được cơ hội giao lưu văn hóa bản địa, tham dự các lễ hội văn hóa với người dân địa phương được tổ chức trong resort...

Tại khu du lịch, tất cả những dịch vụ phục vụ khách du lịch như những quầy hàng lưu niệm, những quán bán bánh kẹo, nước uống, các quán ăn nhỏ phục vụ gần điểm du lịch phải được quy hoạch thành một khu bán hàng riêng, chia ra thành từng gian hàng giống như những quán nhỏ, tránh tình trạng bán rải rác tại các điểm đơn lẻ gây mất mỹ quan và như vậy sẽ tạo cảm giác không chuyên nghiệp khi phục vụ khách du lịch. Khi xây dựng các cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng cũng phải đảm bảo tính khoa học, có khoảng cách thích hợp nhất định để không làm phá vỡ cảnh quan tự nhiên của khu du lịch và không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường sinh thái.

Khu vực cung cấp các dịch vụ vui chơi giải trí cho khách cần được đầu tư xây dựng vì thiếu hạng mục này thì khu du lịch sẽ không thể phát triển được. Có thể tổ chức các khu bơi thuyền cho khách, các khu bến thuyền của người địa phương phục vụ hoạt động chèo thuyền chở khách đi thăm quan, quy hoạch các khu dành cho khách câu cá, câu cua, các khu cho thuê thuyền để khách tự chèo tham quan, xây dựng làng văn hóa địa phương để tổ chức các hoạt động văn nghệ văn hóa địa phương như hát ca biểu diễn văn nghệ, các trò chơi dân gian...nhằm giúp du khách có cơ hội giao lưu và hiểu biết nhiều hơn về cuộc sống và văn hóa của người dân bản địa...

Trong tương lai, nếu các cơ sở hạ tầng được xây dựng nhiều hơn để phục vụ du lịch trong vùng thì nên xây dựng thêm một hai trạm điện gần khu du lịch khi mùa cao điểm du lịch đến nhằm tránh tình trạng sử dụng điện quá tải gây cắt điện luân phiên, gây ảnh hưởng đến hoạt động du lịch của du khách và hoạt động phục vụ của người dân địa phương. Cần thiết có thể lắp thêm một hai máy phát điện dự phòng với công suất lớn hoặc các thiết bị sử dụng năng lượng thiên nhiên góp phần tiết kiệm điện. Như vậy nếu khu du lịch được xây dựng với quy mô lớn hơn thì sẽ luôn hoạt động bình thường, không bị gián đoạn, đáp ứng mọi nhu cầu của du khách.

Mở rộng bộ phận làm dịch vụ phục vụ khách du lịch tại trụ sở Vườn quốc gia Xuân Thủy để phục vụ nhu cầu của du khách. Xây dựng bến cập tàu du lịch đón khách du lịch đi tàu biển từ Quất Lâm, phát triển đội tàu khách tiêu chuẩn tới tham quan hệ sinh thái rừng ngập mặn; xây dựng hệ thống nhà sàn, chòi quan sát, bãi cắm trại du lịch làm điểm dừng chân cho khách ở Côn Lu.

Cần tiếp tục duy trì và mở rộng loại hình du lịch cộng đồng và Bảo tàng Đồng Quê tạo điều kiện cho du khách tiếp cận với cộng đồng dân cư địa phương và những nét sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng truyền thống đặc sắc của nền văn minh lúa nước đồng bằng

châu thổ sông Hồng kết hợp với hàng trăm công trình tôn giáo có kiến trúc độc đáo là những điểm tham quan đầy thú vị cho du khách. Cần đầu tư xây dựng các trang thiết bị phục vụ cho du khách, những hoạt động cho hoạt động cộng đồng, ca múa...; quy hoạch tuyến, điểm du lịch sinh thái cộng đồng cụ thể; hỗ trợ cộng đồng trong việc điều phối khách, phân khu lưu trú, ăn uống, bán hàng... Cần thu hút thêm nhiều hộ dân tham gia hoạt động phục vụ du lịch homestay đạt chuẩn tiêu chuẩn quốc tế với nguồn vốn đầu tư lớn từ nhà nước, chính quyền các cấp nhằm xây dựng “khách sạn gia đình” để phục vụ du khách từ các thị trường khác nhau, tăng thêm các trải nghiệm du lịch độc đáo cho du khách và giúp tăng cường giao lưu văn hóa giữa khách du lịch với văn hóa địa phương. Khuyến khích, hỗ trợ các hộ nông dân đầu tư phát triển các làng nghề thủ công truyền thống để du khách có thể trải nghiệm với công việc của người dân nơi đây.

Khi hoạt động du lịch phát triển thì cần chú ý đến bảo vệ môi trường. Xây dựng các nhà vệ sinh công cộng, lắp đặt các thùng rác công cộng tránh tình trạng du khách vứt rác bừa bãi khi tham quan. Sau mỗi ngày cần có nhân viên môi trường thu gom rác chuyển đến nơi khác xử lý nhằm đảm bảo môi trường du lịch sinh thái luôn trong lành. Hệ thống cung cấp nước phải được xử lý sạch theo công nghệ sinh học (tránh dùng hóa chất). Các nguồn nước thải phải qua xử lý trước khi thải vào môi trường xung quanh.

3.2.3. Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch

Các cấp chính quyền địa phương cần chỉ đạo ngành chức năng tổ chức điều tra, khảo sát nhu cầu về nhân lực trong lĩnh vực du lịch. Từ đó, ưu tiên đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; nguồn nhân lực tại địa phương (người dân bản địa) phục vụ du lịch cộng đồng, góp phần tạo việc làm trong khu vực nông thôn, xóa đói giảm nghèo.

Các cấp chính quyền địa phương cần có các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích người dân tham gia vào hoạt động du lịch sinh thái. Người dân địa phương là những người sống ở trong khu du lịch sinh thái cho nên họ là những người hiểu biết rõ nhất về môi trường tự nhiên và văn hóa địa phương. Nếu thiếu sự tham gia của cộng đồng này thì các hoạt động tổ chức và phát triển du lịch sinh thái sẽ không có hiệu quả.

Một là, tạo cơ hội, điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia phát triển du lịch

Một trong những nguyên nhân căn bản cản trở sự tham gia của cộng đồng dân cư vào các hoạt động phát triển du lịch là do họ không có cơ hội, điều kiện tham gia. Do vậy, cần công khai, minh bạch các thông tin về quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển du lịch để các cộng đồng dân cư trong vùng chủ động tham gia.

Chính quyền các cấp, nhất là cấp cơ sở cần tổ chức các diễn đàn để nhân dân tham gia đóng góp ý kiến các quy hoạch, kế hoạch phát triển du lịch trên địa bàn. Cần duy trì các kênh giao tiếp và trao đổi thông tin thường xuyên, giúp cho các thành viên cộng đồng

và các bên liên quan thấy được họ chính là chủ thể quan trọng tham gia vào quá trình ra quyết định cho đến quá trình thực hiện các dự án du lịch.

Hai là, xây dựng cơ chế, chính sách phát triển du lịch phù hợp với điều kiện thực tiễn của khu du lịch sinh thái Xuân Thủy, tạo thuận lợi cho người dân tham gia phát triển du lịch

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường thông thoáng để thu hút đầu tư phát triển du lịch. Bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ thể đầu tư trong nước và nước ngoài, giữa cá nhân với tập thể, tổ chức.

Xây dựng cơ chế thu hút nguồn vốn trong dân để đầu tư phát triển du lịch; thực hiện xã hội hóa công tác bảo tồn thiên nhiên, các lễ hội, các hoạt động văn hóa dân gian, các làng nghề... phục vụ phát triển du lịch. Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia hoạt động kinh doanh du lịch. Đặc biệt là khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia đầu tư phát triển các ngành nghề gắn với chương trình phát triển du lịch của địa phương.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển du lịch nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để cộng đồng dân cư tham gia vào các hoạt động du lịch. Xác định rõ vai trò và trách nhiệm của các bên liên quan trong phát triển du lịch: Nhà nước, doanh nghiệp, cộng đồng địa phương và khách du lịch cũng như việc gắn kết chặt chẽ giữa các tổ chức, hiệp hội du lịch, công ty du lịch trong việc quản lý tại các khu du lịch nhằm ngày càng hoàn thiện môi trường du lịch bền vững.

Ba là, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển các sản phẩm và dịch vụ độc đáo để cao giá trị văn hóa truyền thống của cư dân địa phương quanh khu Vườn quốc gia Xuân Thủy

Việc khuyến khích, tạo điều kiện cho người dân phát triển các sản phẩm độc đáo, đậm chất văn hóa địa phương sẽ góp phần quan trọng vào việc thu hút sự tham gia đông đảo của cộng đồng vào phát triển du lịch. Chẳng hạn, du lịch trở nên hấp dẫn, cuốn hút du khách bởi họ được thưởng thức những đặc sản theo cách chế biến độc đáo của các dân tộc và mua sắm những sản phẩm gắn với văn hóa và sản vật thiên nhiên. Có thể gợi mở cách làm sau:

Tạo điều kiện cho người dân tham gia vào các dịch vụ du lịch. Ví dụ, có thể sắp xếp, bố trí không gian bán hàng, dịch vụ phục vụ du khách cho các hộ dân ngay trong khu du lịch để tạo ra sức hấp dẫn du khách đến với điểm du lịch.

Có thể đề cao sự khác biệt và chất lượng cho các nhóm sản phẩm và dịch vụ khác nhau nhằm tạo đặc trưng riêng ở các xã vùng lõi.

Thông qua sự tham gia của cộng đồng địa phương để phát triển những ngành nghề và lễ hội truyền thống, làm hàng thủ công mỹ nghệ,... để khách du lịch được thưởng thức và mua sản phẩm. Các lễ hội, phong tục tập quán cần được bảo tồn và phát huy những nét đặc trưng riêng, là điểm nhấn để thu hút du khách; tổ chức biểu diễn nghệ thuật dân gian, tôn tạo di tích văn hóa-lịch sử, nâng cấp các công trình kiến trúc...

Khuyến khích phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, du lịch có trách nhiệm, hỗ trợ ngân sách trong công tác bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống, tôn vinh các

nghệ nhân; khuyến khích đóng góp từ thu nhập du lịch của các doanh nghiệp cho hoạt động bảo tồn, phục hồi các giá trị về văn hóa, sinh thái.

Bốn là, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng cho những người làm du lịch

Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực phục vụ hoạt động du lịch đối với lao động địa phương bằng các chính sách hỗ trợ trong đào tạo, hướng nghiệp dạy nghề, vận động các doanh nghiệp tham gia kinh doanh du lịch ưu tiên sử dụng nguồn lao động này.

Khảo sát đội ngũ cán bộ, nhân viên và lao động tham gia hoạt động kinh doanh du lịch trên địa bàn, từng địa phương. Từ đó, có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ đào tạo và đào tạo lại đáp ứng yêu cầu phát triển.

Tăng cường hợp tác, trao đổi kinh nghiệm thông qua các hội nghị, hội thảo khoa học, hội chợ du lịch ở các nước, các địa phương có ngành du lịch phát triển.

Nhân rộng mô hình “Mỗi người dân là một hướng dẫn viên, niềm nở với khách du lịch” nhằm tạo bước chuyển biến mới, góp phần nâng cao sức cạnh tranh và sự phát triển bền vững du lịch trong thời gian tới.

Năm là, có chính sách khuyến khích, hỗ trợ người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch

Cần có chính sách khuyến khích và hỗ trợ cộng đồng tham gia đầu tư phát triển du lịch ở chính nơi họ sinh sống, để vừa thu hút các nguồn vốn đầu tư vừa tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập.

Các hỗ trợ ban đầu, như chuyên chở khách, hướng dẫn du lịch, sản xuất và bán các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, cung cấp lương thực, thực phẩm v.v..

Xu thế phát triển du lịch cộng đồng hoàn toàn phụ thuộc vào người dân và những trải nghiệm của khách du lịch phụ thuộc vào chất lượng dịch vụ do người dân cung cấp. Do đó, cần có sự hỗ trợ ban đầu đối với những người mới tham gia làm du lịch, như: tư vấn đầu tư, tư vấn kỹ thuật sản xuất - kinh doanh, tổ chức tập huấn; mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về kiến thức, kỹ năng... giúp họ có các kỹ năng cần thiết để cung cấp các sản phẩm du lịch cộng đồng một cách tốt nhất.

Sáu là, xây dựng cơ chế phân chia lợi ích giữa các chủ thể khi tham gia hoạt động du lịch

Khai thác hiệu quả tài nguyên phát triển du lịch cần quan tâm chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương, bảo đảm phát triển bền vững. Thực tế cho thấy, nếu phát triển du lịch mà thiếu sự quan tâm đến phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, không chia sẻ lợi ích với cộng đồng địa phương mà chỉ chú ý đến việc khai thác tài nguyên thiên nhiên và di sản văn hóa để thỏa mãn nhu cầu của du khách và thu lợi nhuận cho doanh nghiệp du lịch sẽ làm gia tăng mâu thuẫn, dẫn đến xung đột lợi ích giữa các bên. Như vậy, rất cần xây dựng cơ chế phân chia lợi ích hợp lý, hài hòa giữa các chủ thể, đối tác cùng tham gia làm du lịch và dân cư trên địa bàn.

3.2.4. Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch

Cũng như những ngành kinh tế khác, con người – cụ thể là lực lượng lao động là yếu tố then chốt giúp cho du lịch phát triển bền vững. Du lịch là ngành đòi hỏi sự giao tiếp

rộng và trực tiếp đối với khách, do đó trình độ nghiệp vụ, phong cách và thái độ của các cán bộ nhân viên trong ngành là rất cao. Nếu nguồn nhân lực này đáp ứng đủ các yêu cầu cần thiết thì sẽ đảm bảo được sự phát triển bền vững của hoạt động du lịch trong khu vực. Lực lượng lao động du lịch tại Vườn quốc gia Xuân Thủy hiện nay vẫn còn nhiều mặt hạn chế cả về số lượng và chất lượng cần phải được cải thiện để đáp ứng đủ tiêu chuẩn phục vụ du lịch. Và để đáp ứng được những yêu cầu đặt ra về nguồn nhân lực thì Nhà nước cũng như chính quyền địa phương các cấp cần có một chương trình đào tạo toàn diện với những kế hoạch cụ thể.

Nhà nước cần chú trọng công tác bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ tổ chức quản lý khu du lịch, định kỳ tổ chức thi tay nghề... để họ có thể nâng cao trình độ quản lý, đưa ra những quyết định đúng đắn trong mọi hoạt động của khu du lịch và truyền đạt lại những người dân địa phương kinh nghiệm làm du lịch. Nhà nước có thể tiến hành các phân loại trình độ của cán bộ, nhân viên và lao động hiện đang làm việc trong Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy. Kết quả điều tra sẽ đưa ra kế hoạch đào tạo cụ thể của các cấp trình độ chuyên ngành đáp ứng yêu cầu phát triển hiện nay tại khu du lịch từ đó có thể tổ chức các lớp học ngắn hạn được tổ chức định kỳ, mời các chuyên gia, giảng viên trong ngành du lịch đến tập huấn cho đội ngũ trên.

Thu hút nguồn nhân lực du lịch có trình độ cao từ các địa phương khác về làm việc tại tỉnh. Đảm bảo trả lương cao để thu hút những lao động có chuyên môn kỹ thuật cao và trả lương theo việc làm chỉ không chỉ theo trình độ học vấn.

Chú trọng nâng cao năng lực cho các cơ sở đào tạo du lịch về cơ sở vật chất kỹ thuật và đội ngũ cán bộ giảng viên; đẩy mạnh hoạt động liên doanh, liên kết trong đào tạo nguồn nhân lực nhằm mở rộng quy mô, hình thức đào tạo nhằm huy động nguồn lực của mọi thành phần kinh tế đáp ứng yêu cầu về kinh phí đào tạo, khuyến khích doanh nghiệp phối hợp với các trường tổ chức đào tạo tại chức các nghiệp vụ du lịch.

Chính quyền địa phương cần quan tâm công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng, công tác đào tạo lại nguồn nhân lực và đào tạo mới nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu trước mắt và chuẩn bị cho tương lai vì ngành du lịch đòi hỏi chất lượng dịch vụ không ngừng nâng cao.

Nhà nước nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ một phần kinh phí đào tạo cho doanh nghiệp, người dân từ nguồn ngân sách địa phương và Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch.

Địa phương giành một phần kinh phí hỗ trợ cho học sinh theo học các nghề du lịch. Đặc biệt chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ nhân viên người địa phương là nhân tố tích cực bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái du lịch.

Giáo dục nâng cao trình độ dân trí, cách ứng xử của người dân địa phương đối với khách du lịch, có thể tổ chức các buổi tuyên truyền, nói chuyện với nhân dân vùng đệm hoặc mở các lớp đào tạo nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học trong khu vực Vườn quốc gia .

Cần tăng cường đào tạo những người dân địa phương có năng lực để họ có thể trở thành những hướng dẫn viên phục vụ cho hoạt động du lịch sinh thái trên chính nơi ở của họ nhằm hạn chế tình trạng thiếu hướng dẫn viên địa phương trong mùa du lịch cao điểm. Những lợi thế về các kỹ năng và kiến thức hiểu biết qua kinh nghiệm thực tiễn của người dân địa phương dễ dàng hấp dẫn khách du lịch hơn là những hướng dẫn viên từ những nơi khác đến. Nếu được đào tạo tốt, họ còn trở thành những tuyên truyền viên giáo dục môi trường tích cực trong cộng đồng, đó là một cách lôi kéo hiệu quả người dân địa phương cùng tham gia bảo tồn. Đội ngũ hướng dẫn viên địa phương cần được cung cấp những kiến thức, kỹ năng mềm và ngoại ngữ cơ bản. Ngoài ra hướng dẫn viên cần bồi dưỡng những kiến thức về bảo vệ môi trường du lịch sinh thái, vì trong việc đưa khách tham quan du lịch thì việc nhắc nhở , giải thích cho du khách về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên hoàn toàn phụ thuộc vào đội ngũ hướng dẫn viên này.

Ngoài ra cần đào tạo đội ngũ nhân viên phục vụ trong các nhà hàng, khách sạn. Đây là đội ngũ thường xuyên phải thường xuyên tiếp xúc trực tiếp với khách nên phải có những kỹ năng cần thiết và cơ bản trong cách ứng xử với du khách. Sự nhiệt tình, chu đáo, văn minh, lịch sự của những người phục vụ là yếu tố quan trọng tạo ấn tượng tốt và quyết định khách có quay trở lại hay không. Cách thức đào tạo cụ thể như sau:

Bộ phận quản lý nhân sự và đào tạo sẽ dựa trên mục tiêu kinh doanh của khách sạn để xác định nhu cầu đào tạo và thiết kế các chương trình đào tạo cho phù hợp với nhu cầu cụ thể của từng bộ phận.

Số lần tổ chức đào tạo: Nhân viên của các bộ phận được tham gia các chương trình đào tạo 3 – 4 lần/ năm.

Thời lượng các chương trình : Thời gian tổ chức các chương trình đào tạo ngắn, thường chỉ diễn ra từ 1-2 tuần, mỗi buổi 3 tuần, mỗi buổi 1,5 giờ. Nhân viên được đào tạo được bố trí học tập vào những thời gian ngoài giờ làm việc.

Hình thức tổ chức đào tạo: Đối với nhân viên các bộ phận trực tiếp phục vụ khách như lễ tân, buồng, phục vụ bàn-bar, bếp...các chương trình đào tạo sẽ được tổ chức ngay tại khách sạn. Đối với nhân viên các bộ phận gián tiếp và các bộ phận hỗ trợ khác như an ninh bảo vệ, tiếp thị bán hàng, kỹ thuật...sẽ được cử đi tham gia các chương trình bên ngoài khách sạn.

Hướng dẫn đào tạo: Đối với các chương trình được tổ chức tại các bộ phận thì sẽ do trưởng các bộ phận đó trực tiếp hướng dẫn; các chương trình đào tạo được tổ chức chung cho nhân viên khách sạn thì có thể do nhân viên bộ phận nhân sự và đào tạo hoặc

do các chuyên gia có kinh nghiệm của khách sạn tham gia hướng dẫn. Các chương trình tổ chức bên ngoài do các chuyên gia của cơ quan hữu quan trình bày.

Phương pháp đào tạo: Các chương trình đào tạo khác nhau sẽ sử dụng các phương pháp đào tạo khác nhau. Trưởng các bộ phận trong khách sạn sử dụng các băng video do Tổng cục du lịch Việt Nam với tiêu chí đạt chuẩn nghề du lịch Việt Nam VTOS ban hành, kết hợp với một số tài liệu hướng dẫn đào tạo cho các bộ phận trong khách sạn của Viện nghiên cứu Giáo dục thuộc Hiệp hội khách sạn và motel Hoa Kỳ (AH&MA Education Institution) xuất bản để tiến hành việc đào tạo cho nhân viên trong bộ phận của mình.

Đánh giá chương trình: Việc đánh giá hiệu quả của các chương trình đào tạo tại các bộ phận được trưởng bộ phận trực tiếp đánh giá thường xuyên theo mẫu chung của khách sạn. Việc đánh giá lần sẽ do trưởng phòng nhân sự tiến hành dựa trên việc đánh giá xếp loại lao động hai lần trong một năm. Đó là căn cứ để xác định nhu cầu đào tạo cũng như đánh giá về chất lượng chương trình đào tạo đã thực hiện để có biện pháp khắc phục kịp thời.

3.2.5. Tăng cường tuyên truyền quảng bá giới thiệu về du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy

Du lịch tại vườn quốc gia Xuân Thủy nếu muốn trở thành ngành kinh tế mũi nhọn thì cần sự chỉ đạo về chủ trương, chính sách thông suốt từ các cấp có thẩm quyền, sự hoạt động hiệu quả của cơ quan chuyên môn, sự phối hợp của các Sở, ban, ngành liên quan và sự nhập cuộc tích cực của doanh nghiệp và sự hiệu quả của hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch.

Công tác thông tin xúc tiến du lịch là một trong những công tác quan trọng cần được ưu tiên, quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển du lịch. Để thu hút du khách đến Vườn quốc gia Xuân Thủy ngày càng nhiều trong giai đoạn tới, nhiệm vụ công tác thông tin quảng bá xúc tiến du lịch của Du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy cần có một kế hoạch cụ thể dài hơi và phân theo từng giai đoạn. Phải xây dựng được hình ảnh thương hiệu riêng cho Du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy. Chủ động tìm kiếm và khai thác các thị trường du lịch lớn và tiềm năng, chất lượng sản phẩm dịch vụ cần được nâng cao, đồng thời tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

Từ những yêu cầu đòi hỏi trên, để nâng cao hiệu quả công tác thông tin quảng bá và xúc tiến du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Một là: Thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về vai trò ý nghĩa của bảo tồn môi trường sinh thái cho hoạt động phát triển du lịch bền vững

Giải pháp về gìn giữ, tôn tạo, phát triển tài nguyên và môi trường du lịch sinh thái:

Đảm bảo sự phát triển về nhịp độ, quy mô và loại hình không làm ảnh hưởng đến tài nguyên môi trường tự nhiên và văn hóa – xã hội khu vực Vườn quốc gia Xuân Thủy. Điều này đòi hỏi cần có những phương án quy hoạch tốt có tính khả thi cao, phù hợp với đặc điểm địa phương. Đảm bảo không phá hủy đa dạng sinh thái tự nhiên, đảm bảo lượng khách du lịch trong khu vực chỉ ở mức vừa đủ, không gây ra tình trạng vượt quá

sức chứa của khu du lịch. Khuyến khích đa dạng kinh tế – xã hội bằng việc lồng ghép du lịch vào các hoạt động của cộng đồng địa phương. Chia sẻ những lợi ích thu được góp phần vào việc bảo tồn tính đa dạng thiên nhiên, đa dạng sinh thái, đa dạng văn hóa xã hội. Quản lý tốt để đảm bảo việc sử dụng tiết kiệm nhất tài nguyên, có giải pháp nhằm giám sát và ngăn chặn việc tiêu thụ quá mức tài nguyên của du khách. Khuyến khích sử dụng công nghệ mới nhằm giảm mức tiêu thụ tài nguyên và hạn chế chất thải.

Nâng cao nhận thức của người dân về ý nghĩa của phát triển du lịch sinh thái với phát triển bền vững tự nhiên và môi trường:

Trong thời gian qua các chương trình, chính sách khuyến khích phát triển du lịch của Ban quản lý Vườn quốc gia Xuân Thủy từng bước dần được thể chế hóa. Vì vậy công tác tuyên truyền về vị trí, vai trò của hoạt động du lịch đối với phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo của vùng cần được quan tâm. Đồng thời tăng cường công tác phối kết hợp giữa các cấp, các ngành với Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Đặc biệt, việc phối kết hợp giữa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch với các cơ quan báo, đài, tạp chí chuyên ngành ở Trung ương cũng như địa phương nhằm tạo ra chuyển biến tích cực trong nhận thức cộng đồng về tiềm năng, lợi thế, vai trò của việc khai thác tiềm năng để phát triển du lịch cũng như những tiêu cực của nó nếu như không được xây dựng, phát triển và quản lý đúng hướng. Đồng thời, thông qua những chương trình giáo dục và tuyên truyền sớm đưa các khái niệm cơ bản về du lịch sinh thái vào chương trình dạy học ở các bậc học: tiểu học, trung học, trung học chuyên nghiệp...Đưa nội dung bảo vệ đa dạng sinh học vào chương trình chính khóa hoặc lồng ghép với các môn học khác trong chương trình giảng dạy của các trường cao đẳng, đại học, trung học chuyên nghiệp...Nâng cao nhận thức cộng đồng dân cư cần tôn trọng tính đa dạng của thiên nhiên và văn hóa xã hội tại các khu du lịch. Khuyến khích cộng đồng địa phương vào công tác quản lý khu du lịch sinh thái này để đảm bảo phát triển du lịch bền vững trong đó có du lịch sinh thái.

Xây dựng các chương trình thông tin, tuyên truyền:

Cùng với các thông điệp truyền thông về nhận thức môi trường sinh thái cho cộng đồng địa phương, tổ chức kinh doanh lữ hành, khách du lịch sinh thái.

Nâng cao nhận thức khách du lịch sinh thái: Thông qua giải thích, thuyết phục. Thông tin, giáo dục được xem là việc làm thường xuyên của các nhà kinh doanh. Bởi vì cách ứng xử và thái độ của du khách là chìa khóa dẫn đến du lịch sinh thái bền vững, biểu hiện trình độ nhận thức của du khách: Du khách chọn những doanh nghiệp nào có uy tín về tinh thần trách nhiệm đối với môi trường; Du khách có thể học hỏi và tôn trọng các di sản nhân văn và văn hóa của cộng đồng nơi họ đến thăm. Việc nâng cao nhận thức cho du khách về công tác bảo vệ môi trường sinh thái nơi được đến tham quan là vô cùng quan trọng và cần thiết. Điều này sẽ giúp cho công tác quản lý môi trường du lịch nhẹ nhàng, thuận lợi hơn.

Hai là: Tăng cường quy mô và phạm vi hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch

Về tuyên truyền:

Phối hợp với báo nói, báo hình, báo viết trung ương và các tỉnh bạn để giới thiệu sản phẩm du lịch sinh thái rộng rãi đến du khách trong nước và quốc tế. Tuyên truyền giáo dục trong cộng đồng để nâng cao nhận thức về du lịch, bảo vệ môi trường cảnh quan và văn minh trong giao tiếp thông qua các cấp hành chính quyền, đoàn thể, ban, ngành ở địa phương và các trường học...

In ấn:

Xây dựng bản đồ du lịch với các thông tin về Vườn quốc gia Xuân Thủy. In tờ rơi, các tập ảnh bưu thiếp giới thiệu về những nét đẹp về thiên nhiên và văn hóa nơi Vườn quốc gia Xuân Thủy. Xuất bản sách hướng dẫn du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy, sách về các lễ hội dân gian truyền thống của cư dân các xã vùng đệm Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Quảng cáo:

Sản xuất đĩa CD-ROM giới thiệu về du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy. Không ngừng hoàn thiện trang web thông tin du lịch về Vườn quốc gia Xuân Thủy để quảng cáo trên mạng Internet. Các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch cần được mở rộng cả về phạm vi và quy mô, trong đó cần chú trọng tham gia các chương trình, sự kiện Thương mại - Văn hóa - Du lịch lớn như: Hội chợ du lịch quốc tế Hà Nội - Việt Nam (VITM); Hội chợ Du lịch quốc tế Thành phố Hồ Chí Minh (ITE); Tổ chức Hội nghị xúc tiến giới thiệu điểm đến du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy tại các thị trường trọng điểm như: Hà Nội, Quảng Ninh, Huế, Đà Nẵng, Thành Phố Hồ Chí Minh và khu vực Đồng bằng sông cửu long. Ngoài ra tham gia Hội chợ triển lãm du lịch quốc tế thường niên World Travel Market (WTM) và các chương trình xúc tiến của Tổng cục Du lịch; tham gia liên kết các hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch của Tổng cục Du lịch tại các chương trình, sự kiện xúc tiến du lịch Việt Nam ở nước ngoài hàng năm để giới thiệu, quảng bá hình ảnh du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy đến với đông đảo du khách trong và ngoài nước. Tăng cường công tác liên doanh liên kết, tổ chức cho các hãng lữ hành trong nước và quốc tế khảo sát và cùng giới thiệu các sản phẩm du lịch tại Vườn quốc gia Xuân Thủy. Sản xuất các mặt hàng nông nghiệp đặc trưng của vùng như nắm sò, mật ong, ngao vạng, tôm mang thương hiệu Vườn quốc gia Xuân Thủy trên sản phẩm để tặng cho du khách.

Ba là: Tổ chức khảo sát nghiên cứu thị trường khách du lịch:

Công tác nghiên cứu thị trường chưa được thực hiện, vì vậy còn thiếu cơ sở cho việc định hình thị trường để xúc tiến quảng bá cũng như việc phát triển thương hiệu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy. Việc triển khai các hoạt động xúc tiến du lịch thiếu chiều sâu, trọng tâm, trọng điểm và chưa đáp ứng được yêu cầu theo đuổi thị trường mục tiêu. Cần nghiên cứu thị trường khách tiềm năng để đưa ra những kế hoạch hợp lý, mang lại hiệu quả cao.

Trước hết, ban quản lý khu du lịch cần thành lập một bộ phận marketing chuyên phụ trách các hoạt động quảng cáo, tiếp thị hình ảnh cả khu du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy bằng nhiều hình thức khác nhau. Bộ phận này cần đề ra một chiến lược cụ thể,

thực hiện một cách đồng bộ, chuyên nghiệp. Nghiên cứu sản phẩm du lịch, nghiên cứu thị trường khách tiềm năng để đưa ra những kế hoạch hợp lý, mang lại hiệu quả cao.

Có thể lựa chọn 1 trong 3 chiến lược sau:

Chiến lược xâm nhập thị trường: Mục tiêu của chiến lược này là tăng doanh thu bằng cách tăng lượng khách của thị trường hiện tại, tăng thời gian lưu trú, tăng khả năng chi tiêu của du khách. Để thực hiện được mục tiêu này, cần phải tăng chất lượng sản phẩm: dịch vụ ăn, ngủ, đi lại, giải trí, thái độ phục vụ...; xây dựng giá cả hợp lý: chính sách một giá, giá theo mùa...; cải thiện môi trường văn hóa xã hội, không để tệ nạn cờ mồi chèo kéo, ăn chặn du khách...; cải thiện thủ tục hành chính, tạo môi trường du lịch thông thoáng.

Chiến lược phát triển thị trường: Mục tiêu của chiến lược này là tăng doanh thu bằng cách tăng thêm lượng khách du lịch từ các thị trường khách nước ngoài và thị trường truyền thống. Để đạt mục tiêu này, Ban quản lý cần tiếp thị sản phẩm ở những thị trường truyền thống như Bắc Âu, Úc, Bắc Mỹ, Tây Âu, Đông Bắc Á, Đông Nam Á. Ngoài ra cần mở rộng thị trường sang các khu vực Mỹ La-tinh, Nam Á, Đông Âu, Nam Âu...

Chiến lược phát triển sản phẩm: Mục tiêu của chiến lược này là tăng doanh thu bằng cách tăng chi tiêu của du khách, tăng thời gian lưu trú và tăng lượng du khách đến Vườn quốc gia Xuân Thủy lần thứ 2, thứ 3... để đạt mục tiêu này thì cần đa dạng sản phẩm các loại hình du lịch như: thiết kế nhiều tour du lịch hấp dẫn, có nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn cho du khách lần thứ 2,3... tổ chức các chương trình vui chơi giải trí, đồng thời sản phẩm du lịch không ngừng đổi mới, chất lượng sản phẩm không ngừng nâng cao.

Bốn là: Đẩy mạnh liên kết, huy động nguồn lực tham gia xúc tiến du lịch

Hoạt động phối hợp liên ngành trong việc thực hiện tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến du lịch trong những năm gần đây tuy đã được cải thiện, song các cấp, các ngành chưa thực sự coi đó là trách nhiệm liên quan trực tiếp của mình; Sự phối kết hợp giữa các ngành trong hoạt động xúc tiến quảng bá chưa thật chặt chẽ, hiệu quả. Trong khi để đáp ứng một trong những đòi hỏi cơ bản của hoạt động xúc tiến du lịch là tính liên ngành, liên vùng, xã hội hóa cao.

Để thực hiện công tác xã hội hóa hoạt động quảng bá xúc tiến hình ảnh của khu du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy trong điều kiện nguồn kinh phí quảng bá còn hạn chế, Ban quản lý có thể liên kết với các đơn vị kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Nam Định cùng chung tay góp sức với nhà nước làm quảng bá du lịch. Từ đó các doanh nghiệp có thể đóng góp kinh phí để mở rộng thuê thêm dung lượng sử dụng trên trang website, đóng góp kinh phí in ấn thêm nhiều ấn phẩm du lịch, sự cộng tác của các đơn vị, doanh nghiệp làm du lịch trong việc tiếp đón các đoàn làm phim tuyên truyền quảng bá về du lịch. Đặc biệt, các doanh nghiệp có thể phối hợp cùng Ban quản lý tham gia tuyên truyền quảng bá tại các hội chợ du lịch tại các địa phương trên toàn quốc. Hoạt động đó có thể thu hút được sự tham gia của các công ty du lịch, hãng lữ hành, cơ quan

báo chí, truyền thông. Sự nhiệt tình, hiếu khách của người dân, vẻ đẹp nguyên sơ của thiên nhiên vườn quốc gia cùng với các sản phẩm du lịch độc đáo có thể gây ấn tượng tốt đẹp trong lòng du khách, từ đó có thể họ sẽ tiếp tục quảng bá hình ảnh du lịch của Vườn đến bạn bè, người thân, người quen và việc đó sẽ thu hút được nhiều khách du lịch hơn đến với Vườn quốc gia.

Năm là: Tập trung phát triển marketing điện tử phục vụ xúc tiến quảng bá du lịch

Phát triển website www.vuonquocgiaxuanthuy.org.vn trở thành địa chỉ chuyên cung cấp, hỗ trợ thông tin du lịch. Đây là công cụ hiệu quả của ngành du lịch tỉnh và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn trong việc cung cấp thông tin, quảng bá, tiếp thị sản phẩm dịch vụ, đáp ứng công tác tuyên truyền quảng bá và xúc tiến du lịch nhanh chóng, kịp thời. Ngoài song ngữ Việt – Anh thì trang nên được viết thêm bằng các ngôn ngữ khác như Pháp, Trung, Nhật, Hàn, Tây Ban Nha... để có thể tiếp cận và quảng bá thông tin hình ảnh du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy cho nhiều thị trường khách du lịch quốc tế khác nhau.

Liên kết với các website của các tỉnh lân cận trong cùng vùng đồng bằng Đông Bắc Bộ, của Tổng cục Du lịch và các địa phương khác trong nước để đặt logo hoặc banner để tạo đường dẫn kết nối về website du lịch của tỉnh nhằm tối ưu hóa việc chuyển tải thông tin điểm đến du lịch Vườn quốc gia Xuân Thủy đến các thị trường du lịch trong nước và nước ngoài. Nghiên cứu và phát triển khả năng quảng bá trên các trang mạng xã hội và các hình thức quảng bá khác qua mạng internet; phát triển các tiện ích quảng bá du lịch cho các thiết bị cầm tay (điện thoại di động thông minh, máy tính bảng v.v...)

Sáu là: Bổ sung kinh phí cho hoạt động quảng bá xúc tiến du lịch

Trong quản lý và phân bổ ngân sách Nhà nước về Du lịch, cần đảm bảo cân đối tỷ lệ chi ngân sách hợp lý cho công tác tuyên truyền quảng bá ở địa phương. Đồng thời đẩy mạnh công tác xã hội hóa, huy động các nguồn vốn trong và ngoài nước, tập thể và cá nhân trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động tuyên truyền, quảng bá du lịch.

3.2.6. Xây dựng các tour, tuyến du lịch nội tỉnh và liên tỉnh kết nối với Vườn quốc gia Xuân Thủy

Cùng với sự phong phú của tài nguyên du lịch tự nhiên, khu vực phụ cận của huyện Giao Thủy có rất nhiều tài nguyên du lịch nhân văn có giá trị có thể kết hợp trong các tour du lịch. Trước hết, trên đường đi đến thành phố Nam Định du khách có thể ghé thăm Phủ Dầy (Một di tích lịch sử nổi tiếng – nơi thờ Bà Chúa Liễu Hạnh ở huyện Vụ Bản – cách thành phố Nam Định khoảng 15 km). Đến thành phố Nam Định du khách tham quan cụm di tích lịch sử : Đền Trần, Chùa Tháp, Đền Bảo Lộc – là nơi lưu giữ những chứng tích hào hùng về một triều đại hưng thịnh vào loại bậc nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam. Du khách cũng có thể ghé thăm tượng đồng Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn uy nghi bên hồ Vị Xuyên. Trước khi rời thành phố Nam Định đến với mảnh đất Giao Thủy để có dịp tìm hiểu thêm về đất và người của mảnh đất ngàn năm văn hiến này, du khách hãy ghé thăm làng trồng hoa cây cảnh Vị Khê – Nam Điền (ở ngoại thành thành phố Nam Định). Đến đây du khách sẽ gặp những bất ngờ hết

sức thú vị khi chứng kiến những cỗ cây hoa lá tự nhiên vô tri vô giác những dưới những bàn tay khéo léo của các nghệ nhân đã trở thành sinh vật có hồn, đẹp mắt và sống động lạ thường. Xuôi tiếp xuống phía nam du khách có thể ghé thăm chùa Keo – Cổ Lễ, nơi gắn liền với các truyền thuyết về Thánh sư Không Minh Không và những điển tích của Phật giáo kì thú, cùng với lối kiến trúc độc đáo và vẻ đẹp huyền bí, chùa Keo như đưa con người về với cội nguồn của tiêu chí “Chân, Thiện, Mỹ”. Đi xuôi xuống đất Xuân Trường du khách có thể ghé thăm một điểm văn hóa- lịch sử khác cũng rất có ý nghĩa, đó là tượng đài bằng đồng và nhà lưu niệm của Cố Tổng bí thư Trường Chinh tại làng Hành Thiện, xã Xuân Hồng. Cách làng Hành Thiện không xa là tòa thánh Phú Nhai và Trường dòng Bùi Chu. Đây còn là 1 trung tâm lớn của Thiên Chúa giáo. Trường dòng Bùi Chu cùng với nhà thờ Phát Diệm là hai cái nôi đầu tiên của Thiên Chúa giáo ở miền Bắc Việt Nam và cũng là nơi cung cấp cho chúng ta cái nhìn tổng quát về lịch sử phát triển và ảnh hưởng của Thiên Chúa giáo ở khu vực. Trên đường đến với Giao Thủy, du khách có thể ghé thăm Tòa thánh Phú Nhai – là nhà thờ lớn nhất Đông Nam Á được xây dựng từ những năm 30 của thế kỉ trước. Giao Thủy là khu vực giao thoa của nhiều nền văn hóa, nhiều tập tục sinh hoạt khác nhau (đi theo đạo Thiên Chúa có xã chiếm 80% dân số). Trên địa bàn huyện có rất nhiều nhà thờ Thiên Chúa giáo trong đó có 15 nhà thờ lớn nằm rải rác ở các khu vực trong huyện. Điều này vừa tạo nên những khó khăn cho công tác quản lí, song đồng thời cũng tạo nên một đặc điểm hấp dẫn đối với việc phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng. Giá trị văn hóa bao trùm của huyện Giao Thủy là văn hóa vùng biển. Thời gian gần đây, chính quyền địa phương rất chú trọng việc đầu tư nâng cấp lễ hội truyền thống của cư dân. Ngoài ra ở vùng đệm của Vườn quốc gia Xuân Thủy còn có bảo tàng tổng hợp và bảo tàng đồng quê là hai nơi sẽ giúp du khách hiểu được nhiều hơn về mọi giá trị thiên nhiên và nhân văn của khu vực Vườn quốc gia.

Tour du lịch nội tỉnh Vườn Quốc gia Xuân Thủy – Biển Quát Lâm (2 ngày 1 đêm)

Ngày 1: Hà Nội – Vườn quốc gia Xuân Thủy – Biển Quát Lâm (ăn trưa, tối)

7h00: Xe và hướng dẫn viên của công ty đón đoàn tại điểm hẹn khởi hành đi Vườn quốc gia Xuân Thủy

11h30: Quý khách tới Vườn quốc gia, đoàn nghỉ trưa, ăn trưa

13h00: Quý khách lên thuyền thăm quan (4 tiếng) tuyến du lịch thăm quan rừng ngập mặn Xuân Thủy và chiêm ngưỡng sự kỳ thú của các loài chim trong vườn quốc gia này. Điểm xuất phát từ trụ sở vườn quốc gia Xuân Thủy đi theo sông Vọp ra cửa Ba Lạt (cửa sông Hồng). Trên đường đi, du khách có thể ghé thăm ngọn Hải Đăng – Tiền Hải, đài quan sát Cồn Ngạn và thăm Cồn Xanh – một đảo cát pha mới bồi. Sau đó du khách thăm đảo Cồn Lu và quay về thăm các cánh rừng ngập mặn ở cửa sông. Nếu may mắn, du khách có thể được ngắm nhìn những đàn chim di trú đang bình thản kiếm ăn ở ngay đầu sông Trà. Tàu quay về bến. Xe đưa đoàn về bãi biển Quát Lâm (cách 15 km). Quý khách ăn tối và nghỉ đêm tại khách sạn bãi biển Quát Lâm.

Ngày 2: Quát Lâm – Hà Nội (ăn sáng , trưa)

7h00: Sau bữa sáng, đoàn tự do tắm biển tại bãi biển Quát Lâm. Đoàn ăn trưa tại khách sạn, trả phòng.

13h00: Quý khách lên xe khởi hành về Hà Nội.

17h00: Quý khách về đến Hà Nội. Chia tay quý khách, kết thúc chuyến đi tốt đẹp.

Tour du lịch liên tỉnh Chùa Keo- Vườn quốc gia Xuân Thủy- Bảo tàng Đồng Quê 1 ngày

Sáng: Hà Nội- Chùa Keo- Vườn quốc gia Xuân Thủy (Ăn trưa)

6h00: Xe và hướng dẫn viên đón khách tại điểm hẹn và khởi hành đi Thái Bình trên đường đi đoàn tự túc bữa sáng tại Thành phố Phủ Lý.

Tiếp tục hành trình đoàn khởi hành đi huyện Vũ Thư- Thái Bình, Quý khách thăm quan và làm lễ dâng hương tại chùa Keo- một trong những ngôi chùa cổ nhất Việt Nam . Ngôi chùa được khởi dựng từ thời Lý và đến nay được xem là một trong những kiến trúc tiêu biểu của Chùa Bắc Bộ. Toàn bộ công trình đều làm bằng gỗ lim và được các nghệ nhân điêu khắc thời Hậu Lê chạm khắc rất tinh xảo. Sự độc đáo không chỉ bởi ngôi chùa được kiến tạo bởi hàng trăm gian nhà với kích thước hoàn toàn khác nhau, ngôi chùa còn sở hữu một Gác chuông lớn bậc nhất, có kiến trúc độc đáo nhất cả nước. Tiếp tục hành trình đoàn lên xe đi Vườn quốc gia Xuân Thủy – Nam Định.

Trưa: Đến vườn quốc gia Xuân Thủy Nam Định đoàn dùng bữa trưa tại nhà hàng.

Chiều: Vườn quốc gia Xuân Thủy – Bảo tàng Đồng Quê – Hà Nội

Chiều: Đoàn nghe giới thiệu về những loài chim quý hiếm có tên trong sách Đỏ quốc tế như: Cò thìa, Cò lao Ấn Độ, Cò trắng Trung Quốc, Choắt chân màng lớn, Choắt mỏ thìa, Choắt mỏ vàng, Bò Nông, Mòng bể mỏ ngắn. Riêng Cò thìa và Choi choi mỏ thìa trên toàn lãnh thổ Việt Nam hầu như chỉ còn bắt gặp ở Vườn quốc gia Xuân Thủy. Đây là “sân ga” của hàng vạn con chim di cư tránh rét phương Bắc về phương Nam bắt đầu từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Vào mùa xuân, khi thời tiết ấm áp hơn chúng lại bay trở về nơi sinh sản, nghe giới thiệu về hệ sinh thái động thực vật phong phú tại Vườn quốc gia. Đoàn di chuyển qua đài quan sát cao 15 m ngắm nhìn toàn cảnh vườn quốc gia Xuân Thủy và hệ thống rừng sinh thái tại vườn quốc gia. Tiếp tục hành trình đoàn ngắm cảnh cánh đồng nuôi trồng các loại thủy sản như Tôm, Ngao, tìm hiểu quy trình làm muối của bà con ngư dân. Đến Bảo tàng Đồng Quê một dự án văn hóa do nhà giáo Ngô Thị Khiếu sáng lập, công trình được xây dựng ở thôn Bình Di, xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Đây là một trong số hiếm hoi Bảo tàng về văn hóa Đồng quê mà lại do tư nhân thành lập. Nơi đây sẽ tái hiện lại cuộc sống lao động, sinh hoạt của các tầng lớp dân cư vùng đồng bằng Bắc Bộ từ xưa đến nay. Với nhiều hiện vật đơn sơ nhưng rất đa dạng, phong phú, có ý nghĩa sâu sắc về bảo tồn văn hóa dân tộc.

16h30: Lên xe về Hà Nội. Về tới Hà Nội. Chia tay, kết thúc chương trình hẹn gặp lại quý khách.

3.2.7. Tăng cường công tác bảo tồn tài nguyên du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy

Cần xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường; các dự án tại khu bảo tồn cần phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường và được giám sát môi trường.

Phòng ngừa ô nhiễm tại nguồn, đây là biện pháp để phòng hiện tượng ô nhiễm đối với khu du lịch, trong đó chú trọng chất thải, nước thải của các cơ quan, xí nghiệp và cộng đồng dân cư dọc sông.

Thực hiện giải pháp kỹ thuật môi trường cho các dự án quy hoạch: xây dựng các công trình kỹ thuật về thu gom, xử lý cho khu vực Vườn ; khuyến khích các dự án áp dụng các phương pháp, công nghệ ít tác động đến môi trường trong quá trình thi công hoặc vận hành các dự án sau này.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc xử lý chất thải của các cơ sở sản xuất có chất thải. Khuyến khích các tổ chức cá nhân thực hiện tốt trong việc bảo vệ môi trường...Tăng cường các hình thức và mức độ xử phạt những vi phạm về môi trường, nhất là các hành động xả thải làm ô nhiễm cảnh quan, ô nhiễm môi trường không khí, nước. Đưa ra các mức phạt nếu du khách không tuân thủ những nguyên tắc của khu du lịch về bảo vệ môi trường như xả rác bừa bãi , đi vệ sinh không đúng quy định, ...

Các cơ sở lưu trú du lịch cần nâng cấp cả về thứ hạng và đa dạng các loại hình dịch vụ nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường như nhà vệ sinh cho người khuyết tật, trang bị đồng bộ hệ thống tiết kiệm điện, nước, sử dụng năng lượng tái tạo...

Đặt các thùng rác công cộng trên đường vào khu du lịch, đặt thùng rác tại khu trung tâm và các khu khách dừng chân tham quan, xây dựng hệ thống nhà vệ sinh công cộng tại mỗi điểm tham quan để tránh tình trạng du khách đi vệ sinh bừa bãi.

Thành lập đội vệ sinh môi trường làm công tác thu gom rác thải, làm sạch môi trường nước, hàng ngày thu gom và đưa rác thải đến nơi khác xử lý.

Đối với các dự án đầu tư mới, cần đánh giá tác động môi trường và thực hiện nghiêm túc các quy định về xả thải trong quá trình vận hành. Với những dự án đã được đầu tư, cần rà soát lại các hạng mục công trình, quy trình xử lý nước thải, rác thải đảm bảo đúng quy định. Các xã vùng đệm của Vườn cần quan tâm và có kế hoạch, lộ trình đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung, không thải trực tiếp xuống biển, sông ngòi...

Cần hình thành mô hình bảo vệ môi trường với sự tham gia của các thành phần như ban quản lý Vườn, chính quyền địa phương, cộng đồng địa phương, khách du lịch... Mô hình này cần có quy định về trách nhiệm, quyền hạn của các bên tham gia và quy chế thực hiện cụ thể để các thành phần tham gia căn cứ thực hiện. Vấn đề bảo vệ môi trường du lịch không chỉ là trách nhiệm của nhà đầu tư, cơ quan quản lý nhà nước mà còn có vai trò không nhỏ của du khách – những người trực tiếp thụ hưởng dịch vụ du lịch. Do đó cần nâng cao ý thức bảo vệ môi trường du lịch cho du khách thông qua công tác tuyên truyền, phổ biến những quy tắc ứng xử khi tham gia du lịch.

Cần tăng cường năng lực quản lý, đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về môi trường; tạo công ăn việc làm cho người dân góp phần bảo vệ và sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên. Tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường đối với cuộc sống và đối với du lịch, tạo điều kiện cho người dân tham gia hoạt động du lịch nâng cao đời sống của họ để họ thấy được lợi ích của việc phát triển du lịch từ đó họ có ý thức làm du lịch và có ý thức với môi trường. Đào tạo cho họ những kỹ năng trong giao tiếp ứng xử với khách để họ có thể tuyên truyền cho du khách bảo vệ môi trường, cảnh quan sinh thái. Cần sự vào cuộc của các hệ thống hành chính với sự gắn kết của gia đình, nhà trường, hiệp hội nghề nghiệp, các tổ chức chính trị xã hội, từ đó đa dạng hóa các hình thức phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các chủ thể liên quan, từ đó có những hành động thiết thực để bảo vệ môi trường du lịch cho Vườn quốc gia Xuân Thủy.

Ban quản lý dự án cần xác định sức chứa của khu du lịch, đảm bảo tuân thủ những yêu cầu về sức chứa để không phá vỡ cảnh quan và không gây sức ép với môi trường.

Có chính sách ưu đãi trong việc huy động vốn đầu tư phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực bảo vệ và tôn tạo nâng cao chất lượng môi trường tại khu du lịch.

Tiểu kết chương 3

Qua phần trình bày ở chương 3 tác giả đã căn cứ vào những điều kiện để phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy và thực trạng của hoạt động du lịch sinh thái tại đây để có thể đề xuất một số giải pháp để phát triển hoạt động du lịch sinh thái tại đây gồm: Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch sinh thái và đa dạng hóa các loại hình du lịch sinh thái; Cải thiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; Thu hút cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch; Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu phục vụ khách du lịch; Tăng cường tuyên truyền quảng bá giới thiệu về du lịch sinh thái Vườn quốc gia Xuân Thủy; Xây dựng các tour, tuyến du lịch liên tỉnh và nội tỉnh kết nối với Vườn quốc gia Xuân Thủy; Tăng cường công tác bảo tồn tài nguyên du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy. Việc áp dụng đồng bộ các giải pháp này có thể sẽ giúp cho hoạt động phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy đạt hiệu quả tốt hơn trong tương lai không xa, nhờ đó giúp cho kinh tế địa phương phát triển, cải thiện đời sống người dân, nguồn tài nguyên du lịch được gìn giữ bảo tồn, giúp thay đổi bộ mặt nông thôn của một vùng quê Giao Thủy còn nhiều khó khăn và hoạt động du lịch ở đây nếu phát triển hơn trong tương lai có thể đóng góp lớn cho tỉnh Nam Định và cho đất nước.

KẾT LUẬN

Du lịch sinh thái là loại hình du lịch phải được thực hiện trong môi trường tự nhiên còn hoang sơ hoặc tương đối hoang sơ, gắn với văn hóa bản địa. Du lịch sinh thái có tính giáo dục môi trường cao và phải có trách nhiệm với môi trường, mang lại lợi ích kinh tế trực tiếp cho cư dân địa phương và phải có sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương. Để hoạt động du lịch sinh thái phát triển thì rất cần những giải pháp tích cực cụ thể được đưa ra căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế để đảm bảo phát triển du lịch tương xứng với tiềm năng cho toàn khu.

Du lịch sinh thái phải hoạt động tuân theo các nguyên tắc cơ bản sau:

Có hoạt động giáo dục và diễn giải nhằm nâng cao hiểu biết về môi trường, qua đó tạo ý thức tham gia vào nỗ lực bảo tồn;

Bảo vệ môi trường và duy trì hệ sinh thái;

Bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa cộng đồng;

Tạo cơ hội có việc làm và mang lại lợi ích cho cộng đồng địa phương.

Vườn quốc gia Xuân Thủy là quần thể rừng ngập mặn nằm ở cửa sông Hồng, nơi có hệ sinh thái phong phú và là sân chim của các loài chim di cư từ thế giới đồ về, chủ yếu là từ Bắc bán cầu để nghỉ ngơi trong hành trình di cư về phía Nam tránh rét, trong đó có nhiều loài chim quý được ghi trong sách đỏ thế giới. Nơi đây còn có nền văn hóa đặc sắc của cư dân địa phương hình thành trong suốt lịch sử khai phá và sinh sống tại đây. Nơi đây còn là điểm Ramsar đầu tiên ở Đông Nam Á và duy nhất ở Việt Nam. Điều kiện tự nhiên và nền văn hóa địa phương đặc sắc là điều kiện phù hợp để phát triển các loại hình du lịch sinh thái. Hiện nay, trong quá trình khai thác Ban quản lý đã có nhiều thành công trong công tác bảo tồn hệ sinh thái và gìn giữ các nét văn hóa của cư dân địa phương, đảm bảo cho các yêu cầu phát triển du lịch bền vững. Tuy nhiên việc nâng cấp các cơ sở vật chất kỹ thuật và hạ tầng du lịch ở đây vẫn còn hạn chế. Hiện Vườn mới chỉ đáp ứng các nhu cầu tham quan du lịch chứ chưa đáp ứng được nhiều các nhu cầu vui chơi giải trí cho khách. Bài khóa luận đã phân tích những điểm tích cực và hạn chế trong công tác phát triển du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy. Để hoạt động du lịch tại đây phát triển hơn trong tương lai thì rất cần đến sự chung tay của các cấp quản lý cũng như của người dân địa phương. Để từ đó có các giải pháp hợp lý, đồng bộ nhằm phát triển du lịch tại Vườn trong tương lai như đa dạng hóa và nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, nâng cao tay nghề của đội ngũ làm du lịch tại địa phương, ... Như vậy chúng ta có thể thấy rằng Vườn quốc gia Xuân Thủy có rất nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái. Vì vậy chúng ta cần quy hoạch và phát triển du lịch ở đây với tính toán hợp lý, đúng mức, không làm ảnh hưởng xấu đến môi trường du lịch nhằm đạt mục tiêu phát triển bền vững lâu dài cho khu du lịch, nhờ đó đem lại hiệu quả kinh tế cao, để lại ấn tượng tốt trong lòng du khách.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Sách tham khảo:

GS.TSKH.Lê Huy Bá , Giáo trình Du lịch sinh thái , Nhà xuất bản Khoa học và kỹ thuật

PTS. Nguyễn Minh Tuệ, Giáo trình Địa lý du lịch, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh.

Phạm Trung Lương , Giáo trình Du lịch sinh thái - Những vấn đề về lý luận và thực tiễn phát triển ở Việt Nam , Nhà xuất bản Giáo dục

Website:

Bước đầu định hướng phát triển Du lịch Sinh thái Vườn Quốc Gia Xuân Thủy, <http://www.dulichnamdinh.com.vn/viewdetails.aspx?Id=962>

Cho Ramsar thêm xanh, <http://daidoanket.vn/moi-truong/cho-ramsar-them-xanh-tintuc430949>

Chuyển đổi sinh kế, góp phần bảo vệ Vườn quốc gia Xuân Thủy, <http://tintucnamdinh.vn/chuyen-doi-sinh-ke-gop-phan-bao-ve-vuon-quoc-gia-xuan-thuy/>

Cổng thông tin điện tử vườn quốc gia Xuân Thủy, Vuonquocgiaxuanthuy.org.vn

Giao Thủy kêu gọi đầu tư, phát triển du lịch, <http://baonamdinh.com.vn/channel/5086/201901/giao-thuy-keu-goi-dau-tu-phat-trien-du-lich-2528543/>

Du lịch sinh thái tại Vườn quốc gia Xuân Thủy – slide share, <https://www.slideshare.net/HngV18/du-lich-sinh-thi-ti-vqg-xun-thy>

Đến Vườn quốc gia Xuân Thủy tìm hiểu loài chim di trú, <http://www.baodulich.net.vn/Den-Vuon-quoc-gia-Xuan-Thuy-tim-hieu-loai-chim-di-tru-03-18520.html>

Huyện Giao Thủy chú trọng nâng cao công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, <https://namdinh.gov.vn/huyengiaothuy/1209/26957/37468/86917/van-hoa-xa-hoi/huyen-giao-thuy-chu-trong-nang-cao-cong-tac-cham-soc-suc-khoe-nhan-dan.aspx>

Huyện Giao Thủy (Nam Định): Thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội, <https://thuonghieucongluan.com.vn/huyen-giao-thuy-nam-dinh-thuc-hien-tot-nhiem-vu-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-a56975.html>

Nam Định: Quy hoạch vùng huyện Giao Thủy phục vụ phát triển kinh tế biển, <http://namdinh.tintuc.vn/tin-tuc/nam-dinh-quy-hoach-vung-huyen-giao-thuy-phuc-vu-phat-trien-kinh-te-bien.html>

Sống ở vùng cửa sông, <http://www.nhandan.com.vn/baothoinay/baothoinay-xahoi/baothoinay-xahoi-phongsu/item/33301902-song-o-vung-cua-song.html>

Vườn quốc gia Xuân Thủy, <http://dulichnamdinh.com.vn/viewdetails.aspx?Id=849>

Vườn quốc gia Xuân Thủy hỗ trợ người dân phát triển ngành nghề theo hướng bền vững, <http://baonamdinh.vn/channel/5085/201811/vuon-quoc-gia-xuan-thuy-ho-tro-nguoi-dan-phat-trien-nganh-nghe-theo-huong-ben-vung-2527656/>